

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ

----- 88 -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:**

**“NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ
THƯƠNG MẠI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ”**

Địa chỉ: Số nhà 360A, Đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị,
thành phố Hải Phòng.

Hải Phòng, năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ:

**“NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ
THƯƠNG MẠI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ”**

Địa chỉ: Số 360A, Đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị,
thành phố Hải Phòng



ĐƠN VỊ TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC

Phạm Huy Quang



CHỦ CƠ SỞ

GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Đạt

Hải Phòng, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	3
DANH MỤC HÌNH.....	4
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	8
1.1. Tên chủ cơ sở.....	8
1.2. Tên cơ sở	8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	12
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	12
1.3.2. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ của cơ sở	12
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	14
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	18
1.5.1. Các hạng mục công trình chính	18
1.5.4. Danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở.....	23
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	26
2.1. Sự phù hợp của cơ sở quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	26
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	26
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	27
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	27
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	28
3.1.3. Xử lý nước thải	30
2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường.....	36
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại	38
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	40
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	41
6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	46
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	48
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	48

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải.....	48
4.1.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom và xử lý nước thải.....	49
4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	51
4.3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	51
4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	51
4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	51
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	52
4.4.1. Chất thải nguy hại	52
4.4.2. Chất thải sinh hoạt	52
4.4.3. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:	53
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	54
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	54
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	55
5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):	57
5.4.1 Tổng hợp, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã thu gom, xử lý.....	57
5.4.2 Tổng hợp, thống kê số chủ nguồn thải; khối lượng chất thải nguy hại đã thu gom, xử lý của từng năm (theo từng phương pháp).....	57
5.4.3 Đánh giá chung về hiện trạng các hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải đã được cấp phép.....	57
5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất): Không có	57
5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải: Không có.....	57
5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:.....	57
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	58
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	58
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	58
6.2. 2.Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	58
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.	58
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	59
PHỤ LỤC.....	60

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ các điểm khống chế toàn bộ khu đất của cơ sở	8
Bảng 2 Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu hiện tại của cơ sở	14
Bảng 3. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở trong 11 tháng gần nhất	14
Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	15
Bảng 5. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở trong 10 tháng gần nhất	18
Bảng 6 Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở.....	18
Bảng 7. Công năng của từng tầng của tòa nhà.....	19
Bảng 8 Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.....	22
Bảng 9 Danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở.....	23
Bảng 10. Thông số hệ thống thoát nước	27
Bảng 11 Kích thước, thông số kỹ thuật hệ thống thu thoát nước thải.....	30
Bảng 12 Tọa độ điểm xả nước thải.....	30
Bảng 13. Danh mục thông số kỹ thuật cơ bản các công trình xử lý	34
Bảng 14. Danh mục thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải	34
Bảng 15 Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại tòa nhà.....	38
Bảng 16 Tọa độ điểm xả thải nước thải của cơ sở	48
Bảng 17 Thông số và giá trị giới hạn đối với nước thải sau xử lý.....	48
Bảng 18 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	52
Bảng 19. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau xử lý	55

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí địa lý của Cơ sở	11
Hình 2 Quy trình đón khách thuê phòng và sử dụng các dịch vụ tại tòa nhà	12
Hình 3 Quy trình kinh doanh nhà hàng	13
Hình 4. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.....	27
Hình 5 Mặt bằng thoát nước mưa của cơ sở	28
Hình 6 Sơ đồ mặt bằng thu gom nước thải của tòa nhà	29
Hình 7. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn tại cơ sở.....	31
Hình 8 Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tách mỡ 2 ngăn.....	31
Hình 9 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý	33
Hình 10 Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt.....	38
Hình 11 Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	40

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ATMT	- An toàn môi trường
BOD ₅	- Nhu cầu oxy sinh hoá đo ở 20 ⁰ C - đo trong 5 ngày.
CBCNV	- Cán bộ công nhân viên
CHXHCN	- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
COD	- Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	- Chất thải nguy hại
CTR	- Chất thải rắn
CTRSH	- Chất thải rắn sinh hoạt
DO	- Dầu diesel
ĐTM	- Đánh giá tác động môi trường.
GDP	- Tổng sản phẩm trong nước
GTVT	- Giao thông vận tải
FO	- Dầu Mazut
KHQLMT	- Kế hoạch quản lý môi trường
KTXH- ANQP	- Kinh tế xã hội- An ninh quốc phòng
PCCC	- Phòng cháy chữa cháy
PMC	- Nhựa đường polymer
QCVN	- Quy chuẩn Việt Nam
SS	- Chất rắn lơ lửng
TCVN	- Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	- Trách nhiệm hữu hạn
UBND	- Ủy ban nhân dân
WTO	- Tổ chức Thương mại thế giới
WHO	- Tổ chức Y tế Thế giới.

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Hòa Xá được thành lập từ năm 2002; đến năm 2022 đổi tên thành Công ty Cổ phần Hòa Xá theo quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại (điều chỉnh lần thứ 3). Công ty có địa chỉ tại số 360A, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng. Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở tài chính thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800269426, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 30 tháng 10 năm 2025.

Công ty đã được các cấp có thẩm quyền cấp phép các giấy phép môi trường cụ thể như sau:

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1348/QĐ-UBND ngày 04/05/2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp. Với quy mô 15 tầng nổi, 01 tầng hầm và 01 tầng tum, được triển khai trên khu đất diện tích 4.440m².

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3707/GP-UBND ngày 10/12/2021 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp.

Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Tòa nhà có quy mô là 15 tầng nổi, 01 tầng tum và 01 tầng hầm, được triển khai trên khu đất diện tích 4.440m².

Tuy nhiên, để phù hợp với điều kiện thực tế, trong quá trình xây dựng quy mô của tòa nhà đã thay đổi, quy mô hiện tại là 16 tầng nổi và 01 tầng hầm được triển khai trên khu đất diện tích 4.440m². Nội dung điều chỉnh đã được Ủy Ban nhân dân Thành phố Hải Phòng chấp thuận tại quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty Cổ phần Hòa Xá, tỷ lệ 1/500 (đính kèm Phụ lục).

Quy mô tòa nhà vẫn giữ nguyên số lượng phòng (175 phòng), việc thay đổi từ tầng tum thành tầng 16 với mục đích kinh doanh dịch vụ thương mại làm nhà hàng phục vụ nhu cầu ăn uống của khách hàng, lượng nước thải sinh hoạt tăng thêm 3,52m³/ngày nâng tổng lượng nước thải lớn nhất đưa về hệ thống xử lý là 79,82m³/ngày đêm, vẫn phù hợp với HTXLNT công suất 80m³/ngày đêm đã được cấp giấy phép xả thải theo Quyết định số 3707/GP-UBND ngày 10/12/2021 do UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Tòa nhà không thuộc đối tượng phải lập lại ĐTM và làm thủ tục xin chấp thuận về môi trường. Do đó quy mô của tòa nhà hiện nay là phù hợp và không ảnh hưởng đến các công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt của Cơ sở.

Dự án “Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty Cổ phần Hòa Xá” có tổng vốn đầu tư 482.765.500.000 đồng, có tiêu chí như Dự án nhóm B theo quy định tại khoản theo quy định tại khoản 4 điều 10, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024. Dự án được phân loại tương đương với dự án đầu tư thuộc mục II.2, phụ lục V, theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Công ty đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Căn cứ theo Điểm d Khoản 2 Điều 42 Luật bảo vệ môi trường 2020, Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Hòa Xá tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở theo hướng dẫn tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét và Cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Hòa Xá
(Trước đây là Công ty TNHH Hòa Xá được đổi tên theo Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 của UBND tỉnh Hải Dương).
- Địa chỉ văn phòng: Số 360A, Đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông Đỗ Trọng Đạt, chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0225 3892929
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800269426 do Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 30/10/2002, thay đổi lần thứ 25 ngày 30/10/2025;

1.2. Tên cơ sở

- *Tên cơ sở*: Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty Cổ phần Hòa Xá

- *Địa điểm cơ sở*:

Công ty Cổ phần Hòa Xá hoạt động tại số 360A, Đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng trên diện tích 4.440 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 030673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương cấp ngày 23 tháng 11 năm 2018.

Ranh giới tiếp giáp của cơ sở với xung quanh như sau:

- + Phía Bắc giáp đường giao thông;
- + Phía Nam giáp Công ty Cổ phần thép Hòa Xá và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Thành Đông;
- + Phía Tây giáp Công ty TNHH Quang Vinh
- + Phía Đông giáp đường giao thông.
- Tọa độ các điểm khống chế toàn bộ khu đất của Cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm khống chế toàn bộ khu đất của cơ sở

Tên mốc	Tọa độ		S(m)
	X (m)	Y (m)	
1	2316323.33	583357.42	74.0
2	2316326.48	583431.49	60.0

3	2316266.38	583428.92	74.0
4	2316263.22	583354.99	60.0
1	2316323.33	583357.42	

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ xây dựng và Sở xây dựng - Thành phố Hải Phòng.

- Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:

+ Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 27/09/2018 của UBND thành phố Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Hòa Xá, tỷ lệ 1/500

+ Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 12/06/2025 của UBND thành phố Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty Cổ phần Hòa Xá, tỷ lệ 1/500

+ Quyết định số 1348/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 04/05/2018 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại tại đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương” của Công ty TNHH Hòa Xá.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3708/GP-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 10/12/2021 của Công ty Cổ phần Hòa Xá.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng mức đầu tư của dự án là 482.765.500.000 đồng, có tiêu chí như Dự án nhóm B theo quy định tại khoản theo quy định tại khoản 4 điều 10, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15.

- Cơ sở không thuộc điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường, không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại

- Phân nhóm dự án đầu tư: Thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở được phân loại tương đương với dự án đầu tư thuộc mục II.2, phụ lục V, theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; là dự án ít có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại khoản 5, điều 28, Luật Bảo vệ môi trường. Công ty đã được UBND Tỉnh Hải Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được xây dựng theo mẫu Phụ lục X Nghị định số

08/2022/NĐ-CP của Chính phủ trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thẩm định, cấp phép.

Hình 1. Vị trí địa lý của Cơ sở



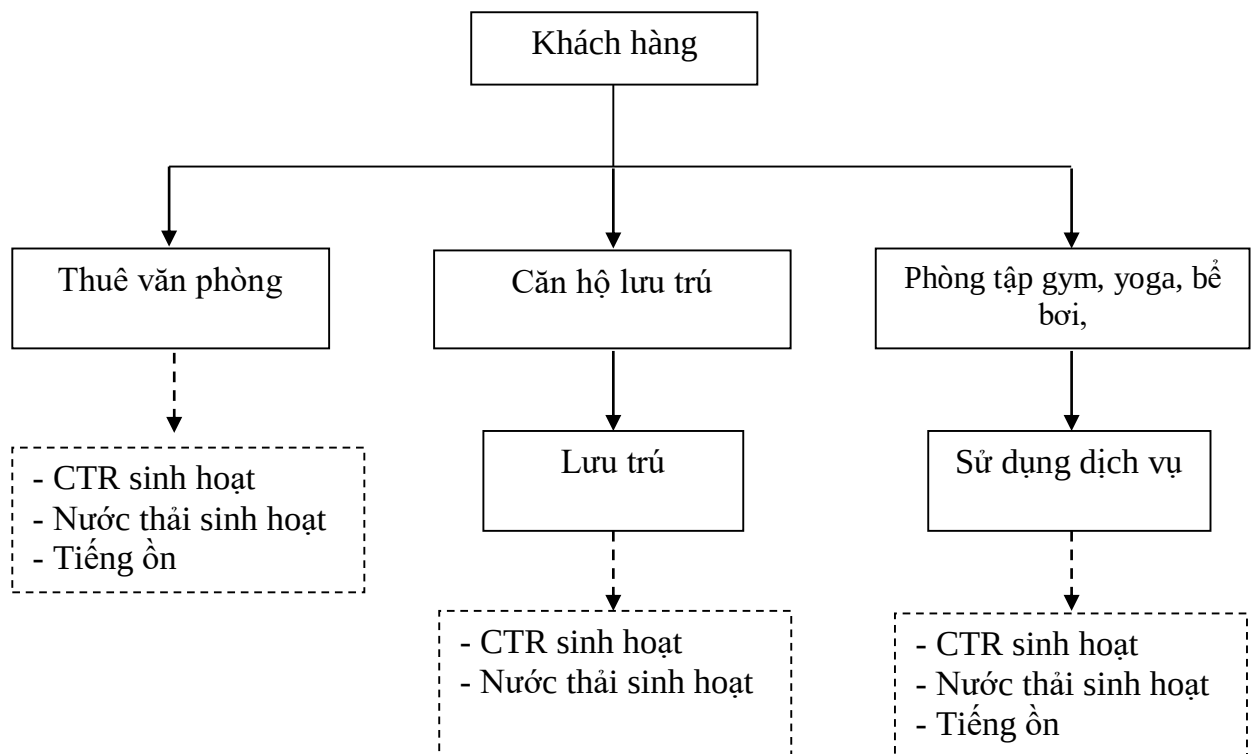
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở hoạt động kinh doanh, cho thuê văn phòng, căn hộ; kinh doanh dịch vụ thương mại (nhà hàng, phòng tập gym, bể bơi, ...) không phải cơ sở sản xuất nên không có công nghệ sản xuất. Vì vậy báo cáo xin lược bỏ nội dung này.

1.3.2. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ của cơ sở

- Quy trình đón khách thuê phòng và sử dụng dịch vụ tại tòa nhà



Hình 2 Quy trình đón khách thuê phòng và sử dụng các dịch vụ tại tòa nhà

- Khách có nhu cầu thuê căn hộ tại tòa nhà có thể đặt trước qua điện thoại hoặc đặt trực tiếp qua lễ tân. Sau đó, nhân viên lễ tân tiến hành làm thủ tục đăng ký, thông báo giá thuê cho khách hàng.

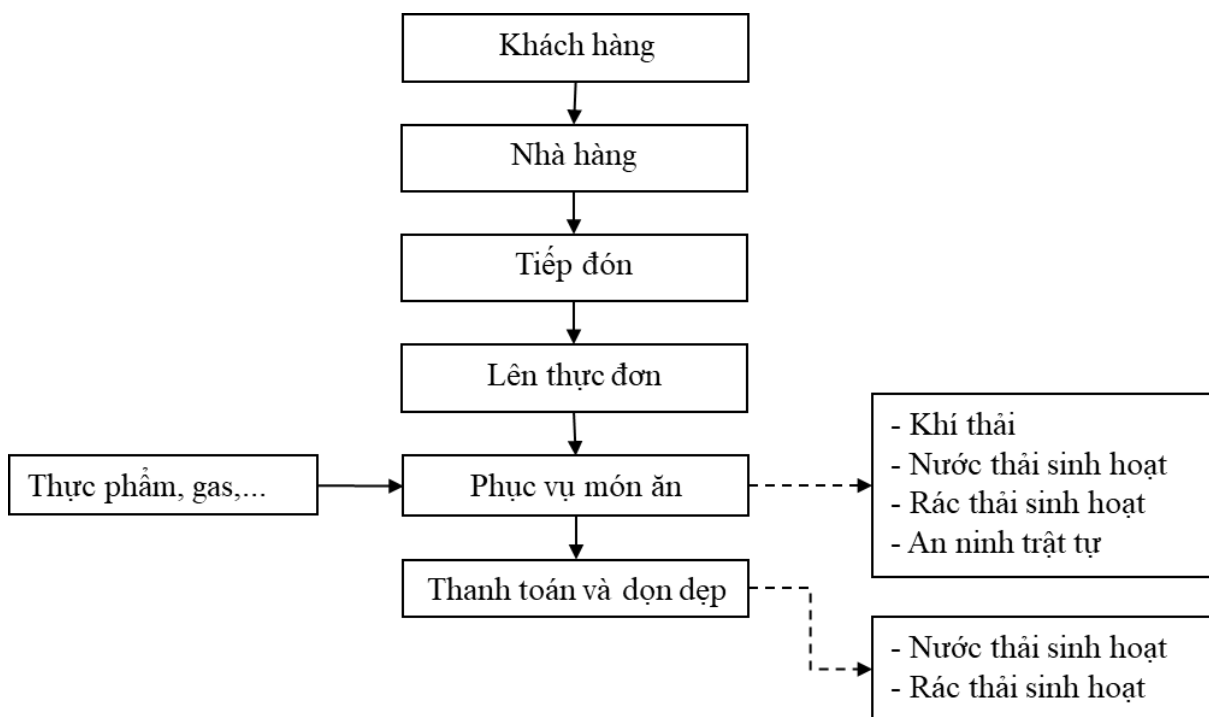
Căn cứ vào tình trạng các căn hộ cho thuê của khách sạn tại thời điểm khách đăng ký cũng như các yêu cầu của khách và kết quả thỏa thuận với khách, nhân viên lễ tân chọn căn hộ thích hợp nhất để bố trí cho khách. Sau đó nhân viên thông báo số phòng và giao chìa khóa cho khách.

Trước khi đưa khách lên phòng, nhân viên lễ tân cung cấp thông tin cho khách về những chính sách ưu đãi của tòa nhà dành cho khách, giới thiệu một số quy định của tòa nhà đối với khách và trao đổi với khách nếu cần thông tin hay giúp đỡ gì thì liên lạc với bộ phận lễ tân.

- Các đơn vị, cá nhân có nhu cầu sẽ thuê các văn phòng giao dịch tại tòa nhà. Nhân viên tại các văn phòng đến làm việc tại tòa nhà hàng ngày. Quá trình hoạt động này chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với các khách hàng đến sử dụng các dịch vụ tại tòa nhà như dịch vụ bể bơi, phòng tập gym: nhân viên sẽ tiếp đón và hướng dẫn khách tới khu vực theo yêu cầu để trải nghiệm dịch vụ.

- Quy trình kinh doanh quán cafe, nhà hàng



Hình 3 Quy trình kinh doanh nhà hàng

Thuyết minh quy trình:

- Khách hàng có nhu cầu ăn uống tại nhà hàng được nhân viên nhà hàng hướng dẫn sắp xếp bàn.

- Khách hàng tiến hành chọn thực đơn, nhà hàng phục vụ thực đơn theo yêu cầu của khách.

- Khách hàng dùng bữa tại bàn ăn.

- Sau khi ăn uống xong, khách hàng tiến hành thanh toán tại quầy thu ngân, nhân viên phục vụ dọn dẹp bàn ăn.

- Cuối ngày, nhân viên vệ sinh sẽ tiến hành lau dọn toàn bộ nhà hàng, sắp xếp lại đồ đạc và bàn ghế để chuẩn bị cho hôm sau.

1.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở cung cấp dịch vụ cho thuê nhà văn phòng, căn hộ lưu trú, các dịch vụ như nhà hàng, quán cafe, bể bơi, phòng tập gym, yoga...

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

❖ **Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất**

Bảng 2 Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu hiện tại của cơ sở

Stt	Danh mục	Khối lượng	Đơn vị
1	Khăn mềm	120	kg/tháng
2	Dụng cụ vệ sinh (chổi lau sàn, xô chậu,...), hóa chất tẩy rửa vệ sinh	100	kg/tháng
3	Nguyên liệu khác (vật dụng nhỏ trong từng phòng của khách sạn, khu dịch vụ)	150	kg/tháng
4	Nguyên liệu phục vụ hoạt động nấu ăn tại nhà ăn (rau củ quả, thực phẩm,...)	150	kg/tháng
5	Nguyên liệu kinh doanh (đồ uống...)	140	kg/tháng
6	Gas	1.000	kg/tháng
7	NaClO 5%	15	kg/tháng
8	Men vi sinh hiếu khí	8	kg/tháng
9	Men vi sinh yếm khí	8	kg/tháng
Tổng		1.691	kg/tháng

❖ **Nhu cầu sử dụng nước**

- Cơ sở đã đi vào hoạt động ổn định, nhu cầu sử dụng nước được thống kê theo hóa đơn sử dụng nước trong 11 tháng gần nhất.

Bảng 3. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở trong 11 tháng gần nhất

TT	Tháng	Lượng sử dụng	Đơn vị
1	Tháng 01/2025	1.554	m ³ /tháng
2	Tháng 02/2025	1.345	m ³ /tháng
3	Tháng 03/2025	1.378	m ³ /tháng
4	Tháng 04/2025	1.244	m ³ /tháng
5	Tháng 05/2025	1.562	m ³ /tháng
6	Tháng 06/2025	1.104	m ³ /tháng
7	Tháng 07/2025	1.699	m ³ /tháng
8	Tháng 08/2025	1.699	m ³ /tháng

9	Tháng 09/2025	2.290	m ³ /tháng
10	Tháng 10/2025	2.110	m ³ /tháng
11	Tháng 11/2025	1.943	m ³ /tháng
	Trung bình	1.629	m³/tháng

(Nguồn: Hóa đơn tiền nước của Công ty)

- Nguồn cung cấp nước: Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;
- Căn cứ theo hóa đơn tiền nước sử dụng tại Công ty từ tháng 1/2025-11/2025 lượng nước sử dụng cao nhất là: 2.290 m³/tháng ~ 76,3 m³/ngày đêm; lượng nước sử dụng trung bình là: 54,3 m³/ngày đêm.
- Căn cứ theo nhu cầu sử dụng nước theo định mức nhu cầu sử dụng nước cơ sở được phân bổ với công suất hoạt động lớn nhất được phân bổ như sau:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Stt	Đối lượng sử dụng	Định mức	Thực tế		Khi hoạt động 100% công suất	
			Số lượng	Nhu cầu (m³/ngày	Số lượng	Nhu cầu (m³/ngày
I	Nước cấp cho sinh hoạt					
1	Khách lưu trú tại căn hộ ⁽¹⁾	120 lít/người/ngày	175 căn×2 người/căn = 350người	42	-	42
2	CBCNV làm việc tại tòa nhà ⁽²⁾	45lít/người/ca làm việc	38 người	1,71	-	1,71
3	Nhân viên làm việc tại văn phòng cho thuê ⁽³⁾	45lít/người/ca làm việc	78 người	3,15	115 người	5,17

4	Kinh doanh dịch vụ ăn uống ⁽⁴⁾	25 lít/lượt khách	0	0	60 lượt khách/ngày	1,5
II Dịch vụ						
1	Phòng tập thể hình + yoga ⁽⁵⁾	50 lít/người/ngày	22 người	1,1		1,1
2	Khu vực bể bơi ⁽⁶⁾	38 lít/người/ngày	25 người	0,95		0,95
II Bể bơi						
1	Nước cấp bổ sung bể bơi 150m ³⁽⁷⁾	1	10% dung tích bể	15	-	15
2	Sục rửa thiết bị lọc nước bể bơi ⁽⁸⁾	-	-	12,39	-	12,39
	Tổng			76,3		79,82

- Tính toán nhu cầu sử dụng nước chi tiết:

(1): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513 : 1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế. Trong đó lượng nước cấp cho khách lưu trú (120 lít/người.ngày). Với 175 căn hộ, nhu cầu sử dụng nước là:

$$175 \text{ phòng}/2 \text{ người} \times 120 \text{ lít/phòng}/2\text{người} = 46,69 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ (2) Sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại tòa nhà: Căn cứ TCXDVN 33:2006 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, chỉ tiêu cấp nước cho nhân viên làm việc là 45 lít/người/ca. Với 38 người, nhu cầu sử dụng nước là:

$$38\text{người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 1,71 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ (3) Sinh hoạt của nhân viên làm việc tại các văn phòng cho thuê của tòa nhà: Căn cứ TCXDVN 33:2006 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, chỉ tiêu cấp nước cho nhân viên làm việc là 45 lít/người/ca. Hiện tại, tại các văn phòng làm việc có 78 người, nhu cầu sử dụng nước là:

$$78\text{người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 3,15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

Khi cơ sở đi vào hoạt động 100% công suất, lượng nhân viên làm việc tại các văn phòng cho thuê ở các tầng tăng lên đến 115 người, nhu cầu sử dụng nước là:

$$115\text{người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 5,17 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ (4) Kinh doanh dịch vụ ăn uống: Căn cứ TCVN 4513-1988 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế, chỉ tiêu cấp nước, chỉ tiêu cấp nước cho nhà ăn là 18 – 25 lít/người/bữa ăn. Với 60 lượt khách ra vào trong ngày, nhu cầu sử dụng nước là

$$60 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/ca} = 1,5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

(5) Phòng tập thể hình: Căn cứ TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế, chỉ tiêu cấp nước cho là 50 lít/người/ngày đêm. Với 22 người, nhu cầu sử dụng nước là:

$$22 \text{ người} \times 50 \text{ lít/người/ngày đêm} = 1,1 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

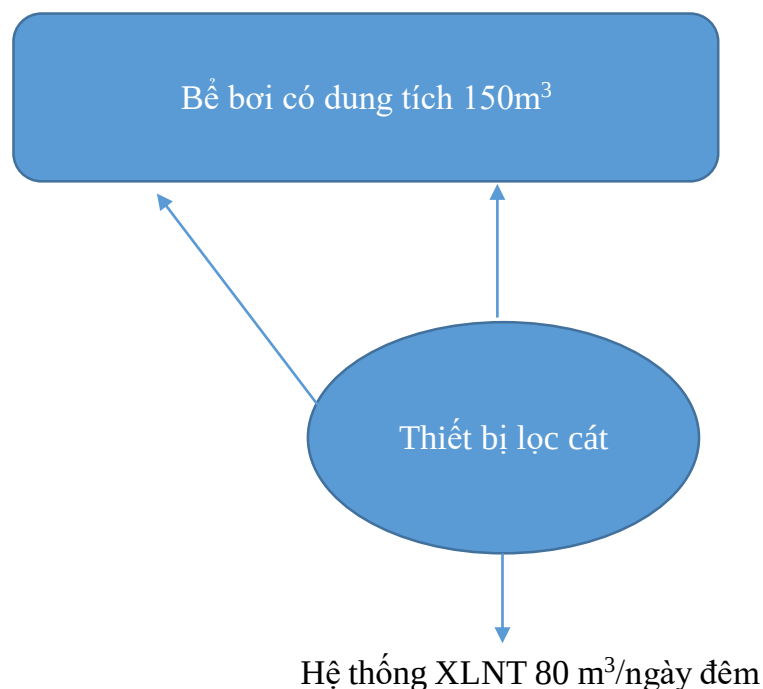
(6) Khu vực bể bơi: Căn cứ Quyết định 47/1999/QĐ-BXD Quy chuẩn hệ thống cấp nước trong nhà công trình, chỉ tiêu cấp nước cho bể bơi là 38 lít/người/ngày đêm. Với 25 người, nhu cầu sử dụng nước là:

$$25 \text{ người} \times 38 \text{ lít/người/ngày đêm} = 0,95 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ (7) Nước cấp bổ sung bể bơi: Căn cứ TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế, chỉ tiêu cấp nước bổ sung trong một ngày đêm là 10% dung tích bể. Với dung tích bể là $V = 150\text{m}^3$, nhu cầu sử dụng nước là:

$$150 \text{ m}^3 \times 10\%/\text{ngày đêm} = 15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ (8): Toàn bộ nước bể bơi sẽ được lọc qua thiết bị lọc (cát) vào cuối ngày, để nước bể bơi đạt tiêu chuẩn như hàm lượng clo dư, độ cứng, pH,...và được tuần hoàn trở lại bể bơi. Sau khi lọc, sẽ sử dụng nước sạch để súc rửa thiết bị lọc, lượng nước sử dụng để rửa lọc khoảng $12,39 \text{ m}^3/\text{ngày}$.



❖ **Nhu cầu sử dụng điện**

Bảng 5. Bảng thống kê nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở trong 10 tháng gần nhất

TT	Tháng	Lượng sử dụng	Đơn vị
1	Tháng 01/2025	51.600	KWh/tháng
2	Tháng 02/2025	53.600	KWh/tháng
3	Tháng 03/2025	57.600	KWh/tháng
4	Tháng 04/2025	63.600	KWh/tháng
5	Tháng 05/2025	76.400	KWh/tháng
6	Tháng 06/2025	83.600	KWh/tháng
7	Tháng 07/2025	96.000	KWh/tháng
8	Tháng 08/2025	96.800	KWh/tháng
9	Tháng 09/2025	100.400	KWh/tháng
10	Tháng 10/2025	76.800	KWh/tháng
	Trung bình	75.640	KWh/tháng

(Nguồn: Hóa đơn tiền điện của Công ty)

- Nguồn cung cấp điện: Công ty Điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc

- Mục đích sử dụng điện: cung cấp điện cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình chính

Bảng 6 Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
1	Đất xây dựng các công trình kiến trúc	1.752	39,46
2	Đất xây dựng tường rào	58	1,31
3	Đất xây dựng đường nội bộ	1915	43,13
4	Đất cây xanh, vườn cảnh	715	16,10
	Tổng cộng	4.440	100

Bảng 7. Công năng của từng tầng của tòa nhà

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Công năng
1	Tầng hầm	- Diện tích sàn: 4.000 m ² ; - Chiều cao tầng +4,5m.	Bãi để xe, phòng kỹ thuật phụ trợ, phòng bơm, bể nước ngầm, phòng đặt quạt thông gió hút khói hầm, kho chứa chất thải nguy hại 15m ²
2	Tầng 1	- Diện tích sàn: 1.728 m ² ; - Chiều cao tầng 4,5m.	Sảnh đón tiếp, sảnh chính, khu vực kinh doanh thương mại (gian phòng và khu vực cho thuê kinh doanh thương mại)
3	Tầng 2	- Diện tích sàn: 1.613 m ² ; - Chiều cao tầng 4,5m.	Văn phòng cho thuê và mặt bằng cho thuê kinh doanh
4	Tầng 3	- Diện tích sàn: 1.710 m ² ; - Chiều cao tầng 4,5m.	Văn phòng cho thuê và mặt bằng cho thuê kinh doanh
5	Tầng 4	- Diện tích sàn: 1.613 m ² ; - Chiều cao tầng: 3,9m.	Bể bơi, phòng tập gym, phòng tập yoga;
6	Tầng 5	- Diện tích sàn: 1603 m ² ; - Chiều cao tầng 3,3m.	Khu vực văn phòng cho thuê
7	Tầng 6	- Diện tích sàn: 1.588 m ² ; - Chiều cao tầng 3,3m.	
8	Tầng 7-15	- Diện tích sàn: 1.588 m ² /tầng; - Chiều cao tầng 3,3m.	Khách sạn và căn hộ dịch vụ lưu trú
9	Tầng 16	- Diện tích sàn: 1288 m ² ; - Chiều cao tầng 5,7m.	Khu vực nhà ăn, café, giải khát

1.5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

* Hệ thống cấp nước:

- Nguồn cung cấp nước sạch lấy từ đường ống D200 của hệ thống cấp nước thành phố chạy dọc đường Nguyễn Lương Bằng.

- Quy trình cấp nước: Nước từ mạng lưới cấp nước sẽ được dẫn vào bể chứa nước ngầm 44 m², từ bể nước ngầm nước được bơm định kỳ lên bồn nước trên mái. Từ bồn nước trên mái, thông qua mạng lưới ống dẫn nước được cung cấp đến các thiết bị dùng nước. Tất cả đường ống đều được đi ngầm trong tường và đi trong hộp kỹ thuật.

* Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện chính cấp cho công trình được đấu nối từ lưới điện 22KV hiện có tại khu vực đến trạm biến áp (TBA) tại tầng hầm.

- TBA sử dụng 01 máy biến áp công suất 1500kVA - 35(22)/0,4kV và 01 máy phát điện dự phòng công suất 1000KVA; đường dây cáp điện 0,4KV từ trạm biến áp đến tủ điện tổng; đường dây điện được đi ngầm trong đất và được luồn trong ống nhựa HDPE

bảo vệ dùng cáp CU/XLPE/DATA/PVC; các đường dây hạ thế cấp điện được đi bằng các đường cáp ngầm cho các phụ tải trong nhà.

*** Hệ thống chiếu sáng:**

Đèn chiếu sáng sẽ được phân chia giữa đèn khu phụ trợ và đèn chiếu sáng đặc biệt cho tòa nhà. Khu vực phụ trợ sẽ được thiết kế với đèn hiệu suất cao hoặc đèn huỳnh quang. Đèn down-light được đặt ở những nơi có trần treo.

*** Hệ thống điều hòa không khí và thông gió:**

- Hệ thống điều hòa bố trí tại tòa nhà như sau:

+ Hệ thống lạnh trung tâm với máy nén loại ly tâm, hoặc trực vít môi chất lạnh loại R134a hoặc tương đương, phục vụ tất cả các tầng thương mại, kinh doanh, nhà hàng và khu vui chơi giải trí.

+ Hệ thống máy lạnh VRV và 2 cục được lắp đặt các khu vực cần có điều hòa không khí riêng như văn phòng, khu căn hộ cho thuê.

- Hệ thống thông gió như sau:

Hệ thống thông gió cơ học (Hệ thống cấp gió tươi):

+ Hệ thống cấp gió tạo áp lực buồng thang thoát hiểm: Hệ thống cấp gió tạo áp lực buồng thang thoát hiểm được thiết kế theo tiêu chuẩn AS 1668 cho mỗi buồng thang thoát hiểm của tòa nhà và bao gồm:

- Quạt hướng trục đa cấp;
- Ống gió, miệng cấp gió với van ngăn cháy ở các tầng trong buồng thang;
- Thiết bị tín hiệu điều khiển từ bản tin báo cháy và hệ thống nguồn điện ưu tiên
- Hệ thống sẽ được kích hoạt qua hệ thống báo cháy và bảng điều khiển thiết bị báo cháy trung tâm hoặc bằng tay bởi nhân viên cứu hộ.

Áp lực tối thiểu trong buồng thang thoát hiểm khi hệ thống hoạt động là 20Pa hoặc tương đương $+2\text{kg/m}^2$ khi có 2 cửa tại các tầng và cửa thoát tại tầng trệt đang mở cùng lúc.

+ Hệ thống hút gió hành lang các tầng:

Hệ thống hút khói tại khu vực hành lang các tầng sẽ được thiết kế theo tiêu chuẩn AS và là hệ thống trung tâm và bao gồm:

- Quạt hút khói trung tâm loại đặt trên mái nhà và khả năng hoạt động với nhiệt độ cao cho mỗi ống gió theo trục đứng;
 - Ống gió theo trục đứng của tòa nhà;
 - Các cửa gió và van gió tại các tầng;
 - Quạt hút khói trung tâm được kích hoạt tự động theo chế độ được cài đặt từ hệ thống báo cháy và điều khiển cháy.
- + Hệ thống hút khói phòng vệ sinh

Hệ thống thông gió thải các phòng vệ sinh được thiết kế theo tiêu chuẩn AS và là hệ thống trung tâm và bao gồm:

- Quạt hút gió thải trung tâm loại đặt trên mái nhà cho mỗi ống gió theo trục đứng;
- Ống gió theo trục đứng của toà nhà;
- Ống gió cho từng khu vực nối với ống gan gió trục đứng;
- Quạt hút gió thải trung tâm được kích hoạt theo chế độ giờ cài đặt trước.

*** Hệ thống viễn thông:**

- Thiết lập hệ thống mạng LAN kết nối theo hình sao thông qua các thiết bị kết nối mạng SWITCH, HUB, PATCH PANEL,... và kết nối Internet.

- Cáp tín hiệu vào sử dụng cáp quang 24 core từ nhà cung cấp, được luồn trong ống HPDE, D32 đi ngầm trong mương cáp và hố ga.

- Cáp đường trục trong hệ thống (từ tủ Rack tổng đến tủ Rack các tầng) sử dụng cáp Cat6 loại chống cháy, chống nhiễu tốc độ đạt 1Gbps

- Cáp ngang trong hệ thống (từ tủ Rack đến các nút mạng) sử dụng cáp Cat6, tốc độ đạt 1Gbps

- Cáp mạng được đi trong máng cáp và luồn trong ống SP đi âm tường

- Các SWITCH trong hệ thống đều hỗ trợ tốc độ: 10/100Mbps.

- Lắp đặt hệ thống tổng đài nội bộ và hệ thống cáp dẫn đến các máy điện thoại. Cáp điện thoại đến các máy nhánh dùng loại Cat5E, đi trong ống nhựa bảo vệ chịu cháy. Từ tủ MDF tại phòng điều khiển, tín hiệu được cáp đến các DF ở các tầng để kết nối đến từng số thuê bao.

- Hệ thống Camera được lắp đặt tại các khu vực: hành lang, cửa ra vào, sảnh khách sạn hoặc các khu vực trọng yếu. Trung tâm giám sát hệ thống Camera bao gồm: Đầu ghi hình, màn hình quan sát, nguồn tập trung được lắp đặt tại phòng kỹ thuật. Đặt màn hình quan sát tại phòng trực, lễ tân.

- Hệ thống truyền thanh công cộng là hệ thống mở có khả năng kết nối và hoạt động phối hợp với các hệ thống khác như hệ thống báo cháy tự động, hệ thống quản lý tòa nhà thông minh (BMS), tổng đài...Hệ thống bao gồm: thiết bị trung tâm, hệ thống cáp mạng, các loa,...

*** Giao thông nội bộ:**

Hệ thống giao thông công trình gồm 06 thang máy, 01 thang cuốn và các cầu thang bộ, cầu thang thoát nạn đảm bảo yêu cầu sử dụng cũng như cầu thoát nạn khi có sự cố. Cụ thể:

Các cầu thang chính của công trình được bố trí trong một khu vực lõi kết cấu và là đầu mối giao thông theo phương ngang của mặt bằng công trình lõi giao thông bao gồm 06 cầu thang máy và 02 cầu thang thoát nạn.

06 thang máy được chia thành 3 cụm chính; cụm 1 bố trí cho khu vực sảnh văn phòng và văn phòng dịch vụ dịch vụ văn phòng gồm 03 thang (1 thang hỗn hợp tải khách và hàng hóa tải trọng 1000kg - 15 người vận tốc 120m/phút; 02 thang tải khách 750kg - 11 người vận tốc 150m/phút). Cụm 2 bố trí cho khu vực sảnh dịch vụ hỗn hợp và nội bộ gồm 02 thang máy tải khách 750kg - 11 người vận tốc 105m/phút. Cụm 3 là khu vực cháy chữa cháy gồm 1 thang tải trọng 1000kg vận tốc 105m/phút.

02 thang bộ thoát nạn gồm 01 thang N3 và 01 thang N1, các thang bộ có buồng thang kín bằng vật liệu chịu lửa; các cửa thang bộ, lối thoát hiểm đều sử dụng cửa chống cháy với kích thước và chất liệu đảm bảo theo tiêu chuẩn và yêu cầu tính toán.

*** Phòng cháy chữa cháy:**

- Cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 254/TD-PCCC&CNCH ngày 22/04/2025;

- Cơ sở đã ban hành, niêm yết nội quy PCCC, lắp đặt các biển cấm lửa, cấm hút thuốc tại các khu vực;

- Cơ sở đã ban hành Quyết định thành lập đội PCCC và CNCH cơ sở gồm 05 đội viên và đều được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH;

- Cơ sở đã xây dựng và được phê duyệt Phương án chữa cháy và phương án cứu nạn cứu hộ; tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Các thiết bị, hệ thống PCCC tòa nhà đã lắp đặt và thực hiện được cụ thể như sau:

+ Hệ thống báo cháy tự động;

+ Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler;

+ Hệ thống chữa cháy vách tường (02 bơm điện, 01 bơm bù áp, 01 bình áp phích có lăng vòi đồng bộ kèm theo);

+ Thiết bị chữa cháy di động các loại;

+ Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố; Biển chỉ dẫn thoát nạn được bố trí tại các khu vực;

+ Nguồn nước phục vụ chữa cháy: Bể chứa nước có diện tích 133m²;

+ Hệ thống chống sét;

+ Hệ thống thông gió hút khói cho tầng hầm, hành lang.

1.5.3 Các công trình bảo vệ môi trường

Bảng 8 Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Stt	Hạng mục bảo vệ môi trường	Quy trình quản lý, xử lý	Trình trạng hoạt động
1	Chất thải rắn sinh hoạt thông thường	- Thu gom vào các thùng chứa tạm và chuyển về khu vực tập kết rác thải sinh hoạt bao gồm 2 thùng chứa tập trung 120 lít/thùng và 2 xe đẩy 500 lít	Hoạt động tốt, có khả năng thu gom và chuyển giao toàn bộ chất thải cho đơn vị xử

		đặt ở tầng hầm để chuyển giao cho đơn vị thu gom hàng ngày - Hiện tại Công ty sử dụng dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt của phường.	lý
2	CTNH	- Thu gom vào thùng chứa và chuyển về kho chứa CTNH 15m ² - Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải cho đơn vị xử lý có đủ năng lực	Hoạt động tốt, có khả năng thu gom và chuyển giao toàn bộ chất thải cho đơn vị xử lý có đủ năng lực
3	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	- Nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống đường cống và hố ga lắng cặn sau đó tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của tòa nhà, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực	Toàn bộ hệ thống thu gom nước mưa đều hoạt động tốt
4	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên, khách lưu trú, bếp ăn... được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 80m ³ /ngày đêm xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT Cột C. - Nguồn tiếp nhận: hệ thống thoát nước chung của khu vực	Toàn bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải đều hoạt động tốt
5	Tiếng ồn, nhiệt dư và độ rung	- Bố trí các hệ thống điều hòa giúp điều hòa không khí các khu vực hoạt động - Định kỳ kiểm tra thay dầu mỡ cho các thiết bị phát sinh tiếng ồn, rung lớn như máy phát điện dự phòng.	Hoạt động tốt, các thiết bị sản xuất được định kỳ bảo dưỡng, bôi dầu mỡ

1.5.4. Danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở

Bảng 9 Danh mục máy móc thiết bị của Cơ sở

Stt	Tên máy móc	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Nơi sản xuất
A	Các thiết bị , máy móc chính				
1	Hệ thống thang máy	Hệ thống	03	Hoạt động tốt	Việt Nam
2	Điện thoại	chiếc	2	Hoạt động tốt	Việt Nam
3	Thiết bị báo cháy	chiếc	255	Hoạt động tốt	Việt Nam
4	LAN và Internet	Hệ thống	02	Hoạt động tốt	Việt Nam

5	Camera	Hệ thống	10	Hoạt động tốt	Việt Nam
6	Ti vi	chiếc	175	Hoạt động tốt	Việt Nam
7	Đèn LED chiếu sáng	chiếc	550	Hoạt động tốt	Việt Nam
8	Hệ thống điều hòa cục bộ	Bộ	106	Hoạt động tốt	Việt Nam
9	Hệ thống điều hòa trung tâm	Hệ thống	8	Hoạt động tốt	Việt Nam
10	Quạt thông gió	chiếc	34	Hoạt động tốt	Việt Nam
11	Quạt thông gió WC	chiếc	106	Hoạt động tốt	Việt Nam
12	Thiết bị phòng tắm (bồn tắm, bồn rửa mặt, bồn cầu, gương....)	Bộ	120	Hoạt động tốt	Việt Nam
13	Thiết bị nội thất (bàn ghế, giường...)	Bộ	200	Hoạt động tốt	Việt Nam
14	Tủ lạnh	Chiếc	110	Hoạt động tốt	Việt Nam
15	Máy giặt (22kg)	Chiếc	6	Hoạt động tốt	Việt Nam
16	Máy sấy	Chiếc	6	Hoạt động tốt	Việt Nam
B	Máy móc, thiết bị khác				
1	Trạm biến áp	Trạm	01	Hoạt động tốt	Việt Nam
2	Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01	Hoạt động tốt	Việt Nam
3	Tủ phân phối tổng	Chiếc	01	Hoạt động tốt	Việt Nam
4	Tủ phân phối nhánh	Chiếc	35	Hoạt động tốt	Việt Nam
5	Cáp truyền tải điện	Hệ thống	35	Hoạt động tốt	Việt Nam
6	Thiết bị đo đếm và điều khiển	Hệ thống	07	Hoạt động tốt	Việt Nam
7	Máy bơm	Chiếc	02	Hoạt động tốt	Việt Nam
8	Quạt hút khói	Hệ thống	20	Hoạt động tốt	Việt Nam
9	Thiết bị - phần mềm quản lý tòa nhà	Hệ thống	01	Hoạt động tốt	Việt Nam
10	Hệ thống phun nước chữa cháy tự động Sprinkler	Hệ thống	01	Hoạt động tốt	Việt Nam
11	Hệ thống họng van chữa cháy	Hệ thống	02	Hoạt động tốt	Việt Nam

12	Màng nước chữa cháy	Hệ thống	02	Hoạt động tốt	Việt Nam
13	Hệ thống họng chữa cháy vách tường	Hệ thống	02	Hoạt động tốt	Việt Nam
14	Thiết bị chữa cháy bằng tay	Bộ	30	Hoạt động tốt	Việt Nam
15	Hệ thống lọc nước bể bơi	Hệ thống	03	Hoạt động tốt	Việt Nam
C	Các công trình bảo vệ môi trường				
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 80m ³ /ngày đêm	Hệ thống	01	Hoạt động tốt	
2	Kho chất thải nguy hại 15 m ²	Kho	01	Hoạt động tốt	

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua hợp nhất tỉnh Hải Dương và Thành phố Hải Phòng; lấy tên là Thành phố Hải Phòng; đến thời điểm hiện tại, chưa có quyết định về việc phê duyệt quy hoạch Thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất, vì vậy báo cáo thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh Hải Dương. Cụ thể như sau:

- Quyết định số 1639/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 19/12/2023 phê duyệt về Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công ty đã ký các hợp đồng thu gom chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt thông thường với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

Vì vậy việc hoạt động của Công ty Cổ phần Hòa Xá là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hải Dương cũ (nay là khu vực phía Tây Thành phố Hải Phòng) nói chung và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hoạt động của tòa nhà phát sinh CTR sinh hoạt, CTNH, nước thải. Do đó báo cáo chỉ đánh giá sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường nước.

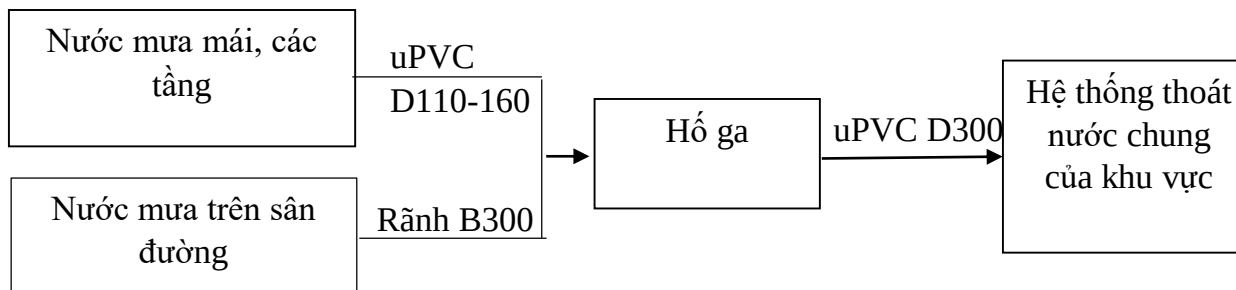
Nguồn tiếp nhận nước thải của Công ty: Nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty Cổ phần Hòa Xá được xử lý đảm bảo QCVN 14:2025/BTNMT, cột C đảm bảo đạt quy chuẩn, phù hợp xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố nằm trên đường Nguyễn Lương Bằng. Đây là cống tiếp nhận nước thải của các đơn vị sản xuất xung quanh như Công ty TNHH Quang Vinh, tòa nhà Tiến Thành, Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Thành Đông và nước thải sinh hoạt của khu dân cư chạy dọc 2 bên đường Nguyễn Lương Bằng. Nước từ hệ thống cống này dễ được dẫn ra kênh T2.

Kênh T2 là một tuyến kênh chính, có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tiêu thoát nước cho cả một lưu vực rộng lớn thuộc địa bàn các phường Cẩm Thượng, Tân Bình, Phạm Ngũ Lão, Bình Hàn, Lê Thanh Nghị cũ (nay là các phường Lê Thanh Nghị, Thành Đông, Hải Dương).

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 4. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

+ Nước mưa tại các tầng, mái của tòa nhà được thu gom bằng phễu thu theo đường ống đứng PVC D110 đi ngầm trong hộp kỹ thuật của tòa nhà chạy dọc đến tầng 5 sẽ được mở rộng bằng đường ống PVC D160 dẫn vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn trên sân đường.

+ Toàn bộ nước mưa sân đường được thu gom bằng rãnh B300mm về hố ga kích thước 1000 × 1000mm khoảng cách các hố ga được thiết kế từ 20-30m, độ dốc trung bình khoảng 0,5%. Sau đó theo đường ống uPVC D300 được đấu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực nằm trên đường Nguyễn Lương Bằng qua 1 điểm xả.

Định kỳ tòa nhà thực hiện vệ sinh hố ga; đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn của hệ thống thoát nước mưa; không để các loại rác thải, chất thải nguy hại xâm nhập vào đường thoát nước mưa.

- Tọa độ điểm xả nước mưa: X(m)= 2316204.28 Y(m)=583523.04

(Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)

Bảng 10. Thông số hệ thống thoát nước

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Ống thoát nước uPVC D110	m	128
2	Ống thoát nước uPVC D160	m	150
3	Ống thoát nước D300	m	124
4	Rãnh thoát nước B300	m	113
5	Hố ga/thu kích thước 1000x1000	cái	8
6	Song chắn rác kích thước 1000x1000	cái	8



3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

*** Hệ thống thu gom nước thải :**

*** Hệ thống thu gom nước thải :**

- Nguồn 2: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của các tầng được thu gom bằng các ống nhánh PVC D90 mm và ống trục chính PVC D125 mm , dẫn tới bể tự hoại đặt ngầm dưới tầng hầm để xử lý sơ bộ, sau đó qua đường ống PVC D200, được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà để xử lý đạt tiêu chuẩn.

+ Nước thải từ chậu rửa nhà bếp sau khi tách mỡ sơ bộ bằng hệ thống các hộp tách mỡ (đặt ngay dưới chậu rửa) được thu gom về bể tách mỡ đặt tại tầng hầm bằng ống PVC D110.

Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Hòa Xá

Nước thải sau tách mỡ được dẫn sang bể tự hoại bằng đường ống PVC D110 rồi chảy về HTXL nước thải tập trung bằng ống PVC D200.

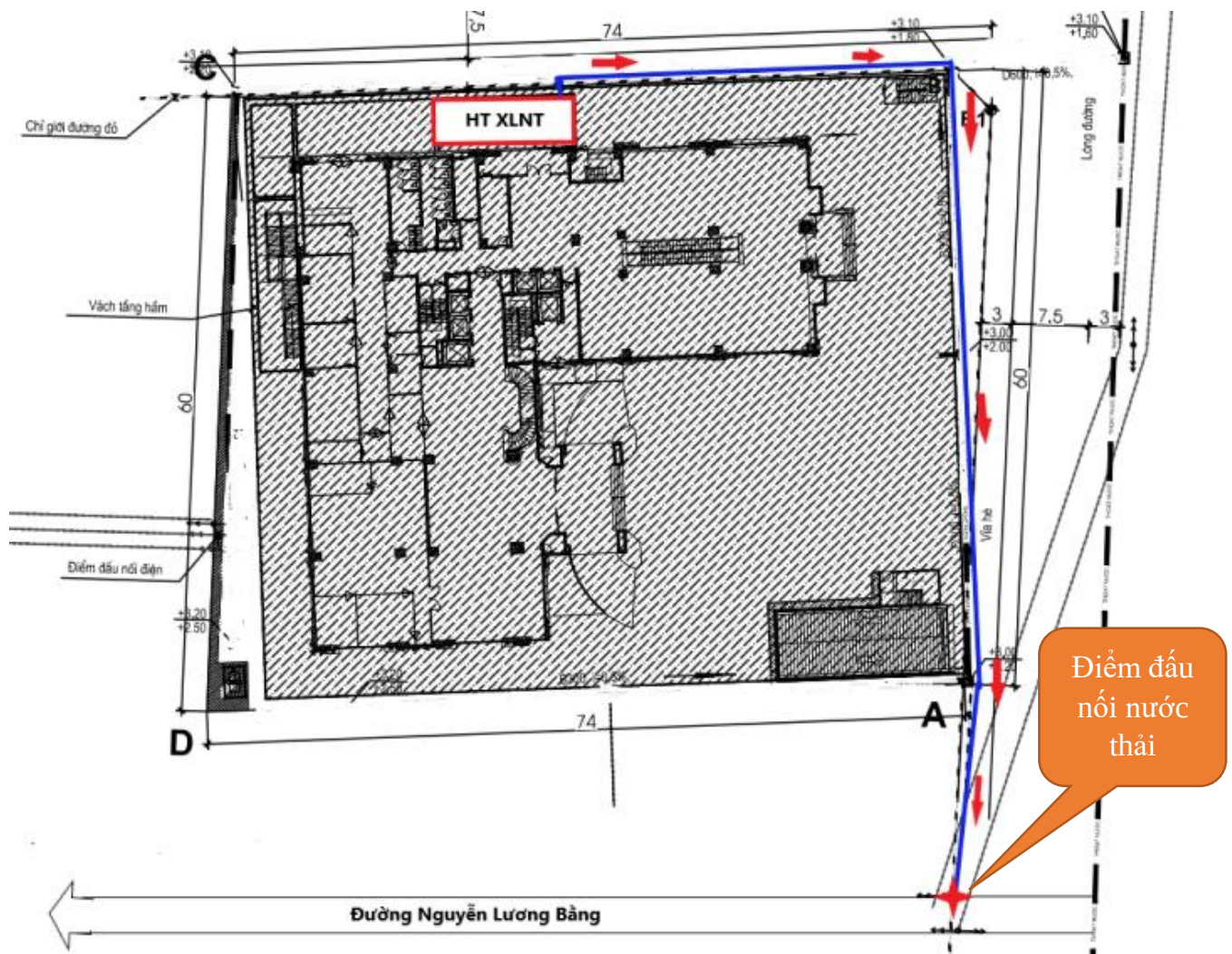
- Nguồn 4: Nước thải từ quá trình rửa vật liệu lọc của thiết bị lọc nước bể bơi

Hàng ngày, thiết bị lọc bể bơi sẽ được tiến hành súc rửa; nước thải phát sinh từ quá trình này sẽ được thu gom theo đường ống nhựa PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 5: Nước xả bể bơi

Nước xả bể bơi được thu gom bằng ống PVC D110 $i=2\%$, sau đó chảy ra đường ống đứng PVC D125, dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng bằng đường ống D200. Nước bể bơi định kỳ xả theo mùa, mùa hè 3 tháng/lần, mùa đông 6 tháng 1 lần/năm; thành phần chứa một lượng nhỏ TSS, hóa chất khử trùng. Lưu lượng thải tối đa $150 \text{ m}^3/\text{lần xả}$.

Nước thải sau xử lý của HTXL tập trung tự chảy đường ống thoát nước phía Bắc cơ sở, sau đó đầu nối vào hệ thống cống hộp 600×800 trên đường Nguyễn Lương Bằng. Điểm thoát nước thải trùng với điểm thoát nước mưa qua một điểm xả.



Hình 6 Sơ đồ mặt bằng thu gom nước thải của tòa nhà

Bảng 11 Kích thước, thông số kỹ thuật hệ thống thu thoát nước thải

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Ống thoát nước uPVC D125	m	92
2	Ống thoát nước uPVC D110	m	400
3	Ống thoát nước uPVC D90	m	440
4	Ống thoát nước uPVC D200	m	510

- Quy chuẩn so sánh:

Nước thải sau được xử lý đạt yêu cầu quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột C, bảng 2) tự chảy ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng.

- Điểm xả nước thải:

Bảng 12 Tọa độ điểm xả nước thải

STT	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105°30' múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	2316204.28	583523.04

- Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau xử lý được thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: không theo chu kỳ nhất định (24 giờ/ngày đêm).

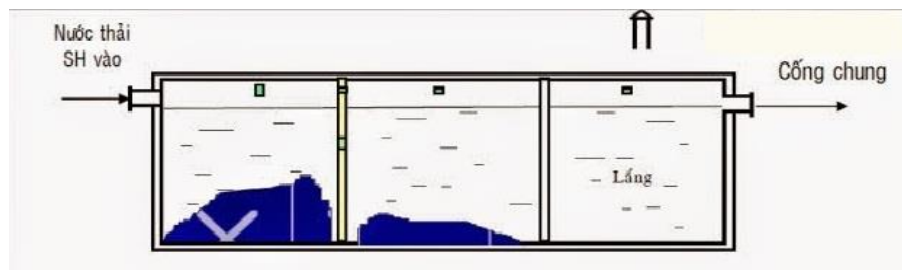
3.1.3. Xử lý nước thải

3.1.3.1. Xử lý nước thải từ khu vệ sinh

- Tòa nhà bố trí 01 bể tự hoại ba ngăn dung tích 113m³ (không kể phủ bì) đặt tại tầng hầm của tòa nhà để xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh.

- Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại như sau:

Nước thải xử lý trong bể tự hoại được làm sạch nhờ hai quá trình chính là lắng cặn và phân hủy bằng vi sinh vật. Do tốc độ nước qua bể rất chậm nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực của bản thân các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy làm giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Hiệu quả xử lý làm sạch của bể tự hoại đạt 30-50% theo BOD và 50-55% đối với cặn lơ lửng (TSS).



Hình 7. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn tại cơ sở

- Thông số kỹ thuật của bể tự hoại như sau: dung tích 113m³ (kích thước: 5,96×5,4×3,5 (m), (chưa kể phủ bì)).

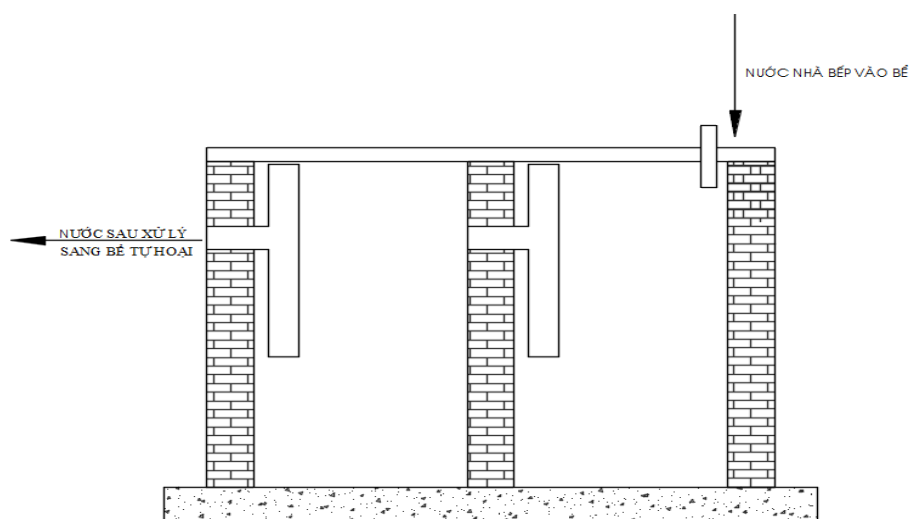
3.1.3.2. Xử lý nước thải từ khu vực nhà bếp

- Tòa nhà bố trí khu bếp tại tầng 16, bố trí hộp tách mỡ đặt ngay dưới bồn rửa để xử lý sơ bộ sau đó được tiếp tục xử lý tại bể tách mỡ tập trung 02 ngăn đặt tại tầng hầm của tòa nhà cùng với nước thoát sàn khu bếp. Dầu mỡ, rác từ hộp tách mỡ định kỳ 2 lần/tuần thu gom vào thùng chứa rác thải sinh hoạt.

- Thông số kỹ thuật bể tách mỡ: dung tích 7,9m³ (kích thước: 2,19 x 1 x 3,6 (m), (chưa kể phủ bì)).

- Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ như sau:

Nước thải chứa dầu mỡ từ bồn rửa, nước rửa sàn tại nhà bếp sẽ đi trực tiếp vào bể tách mỡ thông qua các đường dẫn có lưới chắn rác. Thời gian lưu được tính toán đủ để dầu mỡ nổi lên mặt nước. Lớp dầu mỡ có trong nước thải sẽ nổi lên trên bề mặt nước thải và được tích lũy dần tạo thành lớp màng dày có chức năng ngăn dầu mỡ từ nước thải của lần thải sau, lớp dầu mỡ này được định kỳ với tần suất 2 lần/năm vớt bỏ vào thùng chứa rác thải sinh hoạt. Phần nước sau khi tách mỡ được dẫn sang ngăn cuối của bể tự hoại.



Hình 8 Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tách mỡ 2 ngăn

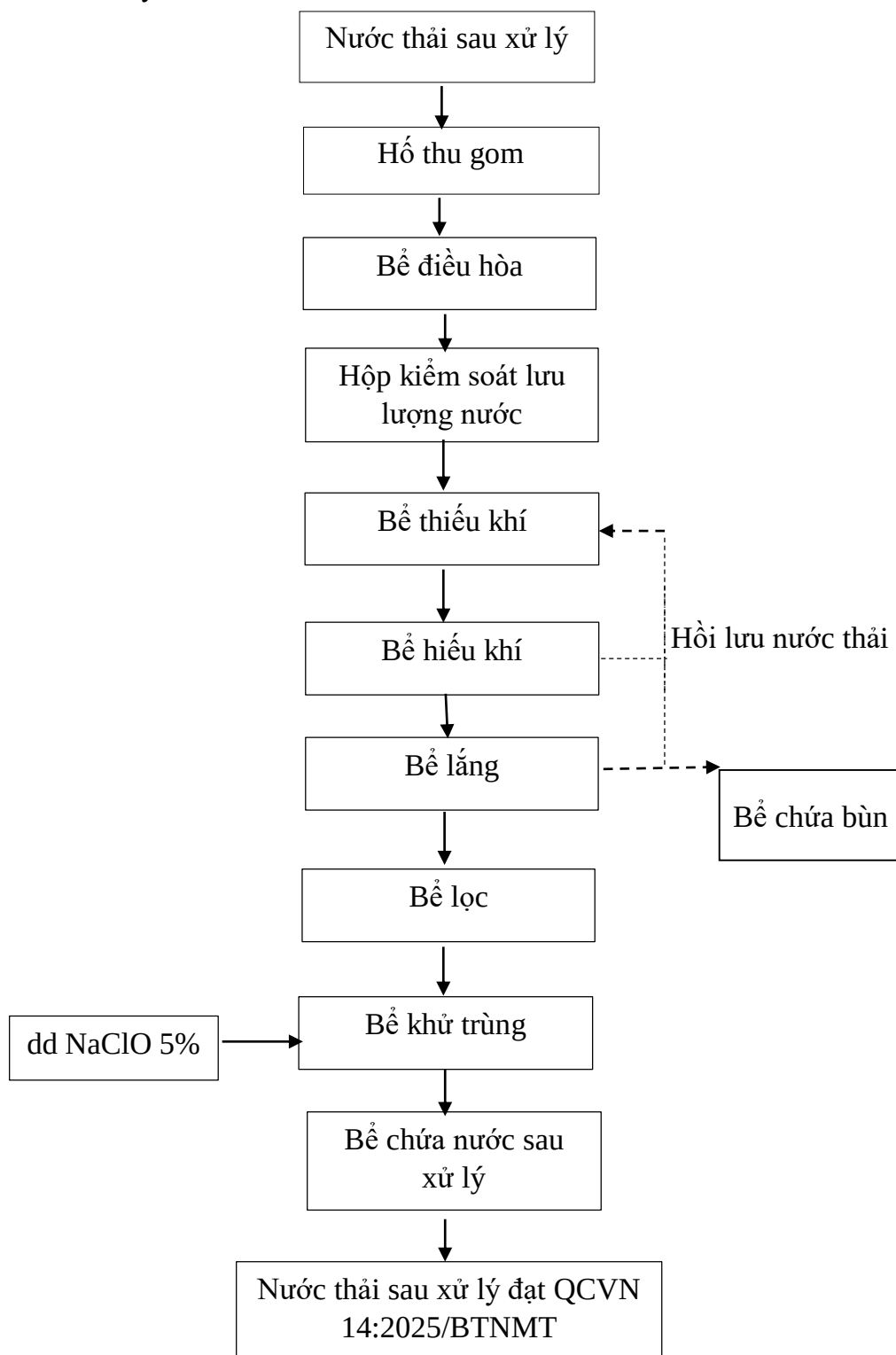
3.1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 80m³/ngày đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt gồm: chất hữu cơ (BOD₅), (COD), các chất dinh dưỡng (N, P), chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ, vi sinh vật (coliform),...

- Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất 80m³/ngày đêm đặt tại tầng hầm của tòa nhà;

+ Công nghệ xử lý: công nghệ sinh học trong đó kết hợp cả công đoạn hiếu khí và thiếu khí để xử lý nước thải.



Hình 9 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Theo quy trình công nghệ trên thì nước thải của công trình được xử lý bằng thiết bị hợp khối chôn ngầm bằng nhựa composite. Nước thải từ các dòng theo đường ống chảy vào bể điều hòa có tác dụng ổn định lưu lượng, pH, các nồng độ ô nhiễm trong nước thải đầu vào.

Nước thải được thu gom vào hồ thu gom tập trung trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của tòa nhà. Nước thải được bơm lên bể điều hòa, từ bể điều hòa, nước thải được bơm lên bể xử lý hợp khối bằng 02 bơm chuyên dụng hoạt động luân phiên nhau đảm bảo cho quá trình hoạt động ổn định. Nước thải sau khi qua bể điều hòa sẽ tự chảy vào ngăn hiếu khí và thiếu khí. Ngăn thiếu khí kết hợp hiếu khí được lựa chọn để xử lý tổng hợp: khử BOD, nitrat hóa, khử NH_4^+ và khử NO_3^- thành N_2 khử Photpho. Với việc lựa chọn bể bùn hoạt tính khử lý kết hợp đan xen giữa quá trình xử lý thiếu khí, hiếu khí sẽ tận dụng được lượng cacbon khi khử BOD, do đó không phải cấp thêm lượng cacbon từ ngoài vào khi cần khử NO_3^- tiết kiệm được 50% lượng oxy khi nitrat hóa khử NH_4^+ do tận dụng được lượng oxy từ quá trình khử NO_3^- .

Tại ngăn hiếu khí, nước thải bị đồng hóa bởi các hệ vi sinh vật hiếu khí, vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy và các chất ô nhiễm hữu cơ trong nước làm cơ chất cho quá trình sống và phát triển. Khí được cấp bởi máy nén khí cưỡng bức vào trong bể. Các chất ô nhiễm bị phân hủy tới các chất khoáng dạng đơn giản bền vững cùng với nước. Toàn bộ khí được thu vào đường ống và dẫn ra ngoài môi trường theo đường ống khí đặt trên nắp thiết bị. Hệ thống xử lý vi sinh hiếu khí với sự hỗ trợ của các giá thể vi sinh có chức năng loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước đồng thời cải thiện một số tính chất khác của nước thải.

Sau quá trình xử lý vi sinh, nước thải được dẫn sang ngăn lắng bùn hoạt tính để tách toàn bộ bùn hoạt tính sinh ra trong quá trình xử lý. Bùn hoạt tính thu được dưới đáy sẽ được bơm về bể thu gom và phân hủy bùn. Nước trong sau khu tách bùn hoạt tính chảy sang ngăn khử trùng.

Nước thải sau lắng được đưa sang bể lọc để loại bỏ các chất rắn lơ lửng còn sót lại sau đó tiếp tục được đưa sang bể khử trùng. Thời gian khử trùng được thiết kế khoảng 15 – 30 phút bằng dung dịch NaClO . Dung dịch NaClO có tác dụng khử trùng các vi khuẩn gây hại (coliforms, ecoli,...) trước khi thải ra ngoài môi trường.

Sau ngăn khử trùng của thiết bị, nước thải đi ra hệ thống thoát nước chung của tòa nhà, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Với công nghệ như trên cùng với quá trình vận hành và bảo dưỡng đúng với các yêu cầu kỹ thuật, hiệu quả xử lý tổng thể của công trình là rất cao, đạt từ 90 – 95% đối với hầu hết các thông số. Nước

thải sau xử lý đạt mức C, QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Nước thải sau xử lý của HTXL tập trung tự chảy đường ống thoát nước của cơ sở, sau đó đầu nối vào hệ thống cống hộp 600×800 trên đường Nguyễn Lương Bằng.

Tọa độ xả nước thải: X(m) = 2316204.28 Y(m)=583523.04

(Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)

STT	Tên hóa chất	Khối lượng (Kg/tháng)	Công đoạn sử dụng
1	Men vi sinh hiếu khí (10 ngày/lần)	8	Bể hiếu khí
2	Men vi sinh yếm khí (10 ngày/lần)	8	Bể thiếu khí
3	Dung dịch NaClO	15	Bể khử trùng

*** Danh mục và thông số cơ bản các công trình xử lý**

Danh mục và thông số cơ bản các công trình xử lý được trình bày dưới đây:

Bảng 13. Danh mục thông số kỹ thuật cơ bản các công trình xử lý

Stt	Công trình	Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Dung tích (m ³)
1	Bể điều hòa	3,8	3,04	3,5	40,4
2	Bể thiếu khí	3,8	3,0	3,5	39,9
3	Bể hiếu khí	3,4	5,96	3,5	80
4	Bể lắng	3	3,22	3,5	10,1
5	Bể lọc	3	1	3,5	33,8
6	Bể khử trùng	3	1	3,5	33,8

(Kích thước trên chưa kể phủ bì)

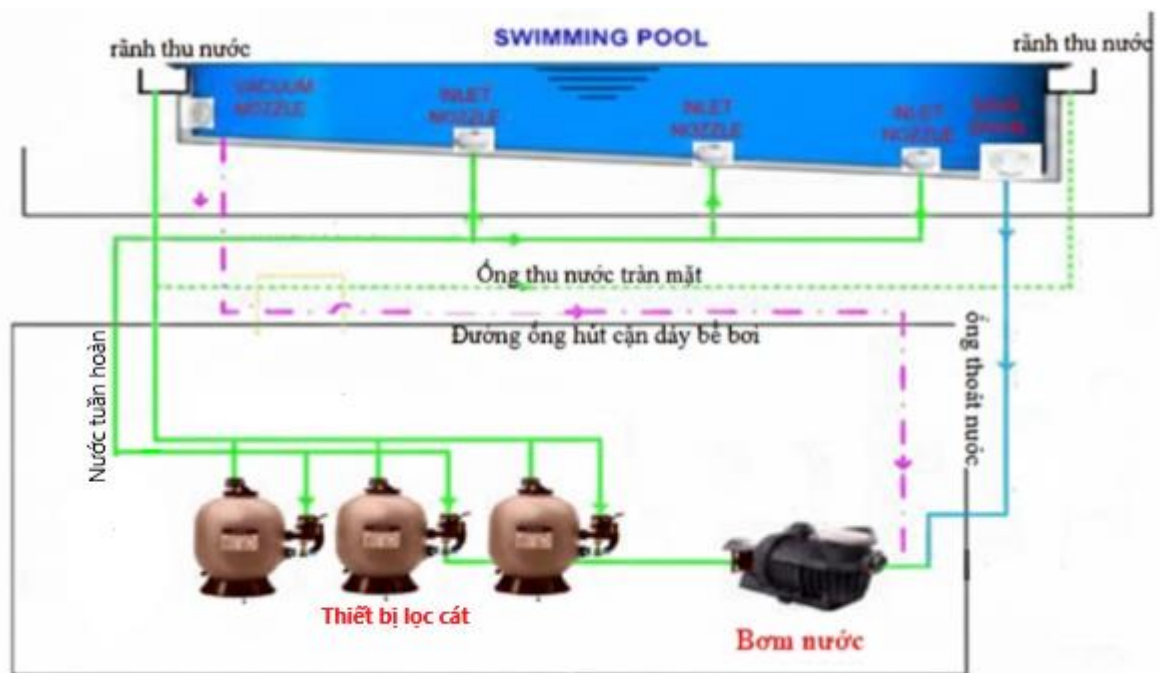
*** Danh mục các thiết bị đầu tư lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải**

Bảng 14. Danh mục thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Đặc trưng, Xuất xứ
1	Bơm nước thải từ bể thu gom tập trung sang bể điều hòa	1	cái	- Xuất xứ: Đài Loan
2	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang bể vi sinh	2	cái	- Xuất xứ: Đài Loan
3	Bơm nước thải từ bể chứa sang thiết bị lọc	2	Cái	- Xuất xứ: Đài loan - N: 0,74kW; Q=8-10m ³ /h; H=5-10m
4	Bơm bùn thải từ bể lắng sang bể chứa bùn	1	Cái	- Xuất xứ: Đài loan

5	Hệ thống định lượng hóa chất khử trùng, điều chỉnh pH	2	Bộ	-
	- Bơm định lượng			- Xuất xứ: Đài Loan, Q=20l/h; bơm dạng lồng
	- Bồn hóa chất			- Xuất xứ Đài Loan - V=500lít
6	Máy thổi khí cấp bể vi sinh	2	cái	- Xuất xứ Đài Loan
7	Thiết bị lọc hấp phụ	2	Cụm	Xuất xứ Việt Nam Vật liệu: Composite dày 4-6mm
8	Song chắn rác	2	Bộ	- Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu inox sus 304, kích thước 400×400, mắt lưới 3-10mm
9	Đĩa phân phối khí	144	cái	Xuất xứ: Đài Loan - Kích thước D200
10	Giá thể vi sinh	40	M ³	- Xuất xứ: Việt Nam - Vật liệu nhựa PP - Diện tích bề mặt: >200m ²

*** Hệ thống lọc nước bể bơi**



Thiết bị lọc nước bể bơi của tòa nhà gồm:

+ 03 thiết bị lọc cát Kripsol GT: chất liệu polyester, áp suất làm việc: 0,5 - 1,3 bar/thiết bị, kích thước hạt cát: 0,4-0,8 mm, gồm 6 van chức năng, đồng hồ đo áp suất và xả khí;



Thiết bị lọc cát Kripsol GT

- + Bơm nước;
- + Hệ thống đường ống, van;
- Định kỳ: Mùa hè 3 tháng/lần, mùa đông 6 tháng/lần tòa nhà sẽ tiến hành xả bể bơi.

- Quy trình: Nước bể bơi thải → đường ống nhựa D90 → đường ống đứng D125 → hố ga → hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng.

2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Nguồn thải: CTR sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khách hàng lưu trú và sử dụng dịch vụ (*tập gym, tập yoga, bể bơi*) tại tòa nhà và hoạt động sinh hoạt của nhân viên, lao công làm việc tại tòa nhà.

- Thành phần chất thải gồm:

+ Rác thải sinh hoạt: các loại thực phẩm thừa, bao gói thức ăn, túi nilon, vỏ hoa quả, các loại giấy, chai nhựa, chai thủy tinh,...

+ Chất thải rắn thông thường khác: bùn từ hệ thống xử lý nước thải, cát lọc từ thiết bị lọc nước bể bơi.

- Khối lượng thải:

+ Hiện tại, lượng CTR sinh hoạt phát sinh trung bình 10 m³/tháng ~ 3.000 kg/tháng ~ 100 kg/ngày. Khi tòa nhà đi vào hoạt động 100% công suất, lượng khác ra vào và nhân viên làm việc tại các tầng của khu vực văn phòng cho thuê tăng thêm 175 người. Khi đó, tổng số khách hàng (khách lưu trú tại khách sạn và khách đến ăn tại nhà hàng), nhân viên làm việc tại văn phòng cho thuê và nhân viên phục vụ tại tòa nhà dự báo số lượng tối đa là 688 người. Lượng rác trung bình do mỗi người thải ra hàng ngày là 0,58 kg/người/ngày. Vậy lượng rác thải phát sinh tại tòa nhà là 399 kg/ngày ≈ 143,64 tấn/năm.

+ Theo khuyến cáo của nhà sản xuất, để đảm bảo thiết bị lọc nước bể bơi hoạt động tốt cát lọc phải được thay thế sau 4-5 năm sử dụng, khối lượng cát trong thiết bị lọc khoảng 100kg.

- Bố trí thùng rác dung tích 120l tại các khu vực dịch vụ (bể bơi, phòng tập gym, nhà ăn,...), các khu văn phòng cho thuê, các phòng nghỉ của tòa nhà.

- Tòa nhà đã triển khai phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hải Dương cụ thể như sau:

+ Các khu vực sinh hoạt chung như nhà ăn, phòng tập gym, sảnh, khu vực bếp,... bố trí các thùng chứa rác và thu gom, phân loại rác tại nguồn gồm: chất thải thực phẩm; chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn sinh hoạt khác; hàng ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, phân loại và chuyển đến các thùng lưu chứa rác thải sinh hoạt tại tầng hầm tòa nhà.

+ Tại phòng lưu trú của khách, hàng ngày nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, phân loại và chuyển đến các thùng lưu chứa rác thải sinh hoạt tại tầng hầm tòa nhà.

+ Tại khu vực lưu chứa tạm thời rác thải sinh hoạt đặt ở tầng hầm tòa nhà, được dán nhãn phân loại từng chất thải, tại đây bố trí 3 thùng rác có dung tích 120l và 2 xe đẩy dung tích 500l để lưu chứa tạm thời tương ứng với từng loại rác sinh hoạt phát sinh.

- Biện pháp thu gom, phân loại tại nguồn rác thải sinh hoạt:

+ Rác thải sinh hoạt: bộ phận lao công thu gom rác thải phát sinh tại các khu vực sau đó chuyển xuống vị trí tập kết tại tầng hầm tòa nhà, tại đây bố trí 3 thùng rác có dung tích 120l và 2 xe đẩy dung tích 500l để lưu chứa tạm thời. Vào cuối ngày làm việc, đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.

+ Cát lọc thải bỏ tòa nhà sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được lưu chứa trong bể chứa bùn, khi lượng bùn trong bể chứa bùn đạt khoảng 70% thể tích bể, cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý.

Theo QCVN 01:2021/BXD lượng bùn thải phát sinh của 01 người dự kiến là 0,04 m³/năm. Hiện tại, tổng số lượng người ra vào tòa nhà và làm việc tại tòa nhà dao động khoảng 510 người thì lượng bùn từ bể tự hoại phát sinh bằng: 510 người × 0,04 m³/người/năm = 20,4 m³/năm ~ 29,58 kg/năm (khối lượng riêng của bùn thải 1,45 tấn/m³). Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp (trường hợp bể gần đầy) sẽ thuê đơn vị có chức năng đưa đi xử lý. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, công ty chưa phải chuyển giao.

- Hàng ngày, đơn vị thu gom rác tại địa phương đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định.



Hình 10 Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

- Nguồn thải:

+ Từ hoạt động thay thế, sửa chữa các thiết bị sử dụng tại tòa nhà (bóng đèn led hỏng, pin thải,...)

- Khối lượng thải: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại tòa nhà cụ thể như sau:

Bảng 15 Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại tòa nhà

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái/ tính chất nguy hại chính	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn led	16 01 13	Rắn/Đ,ĐS	NH	2
2	Pin thải	16 01 12	Đ, ĐS, AM	NH	3
Tổng số lượng					5

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại có nắp đậy, bên ngoài thùng có biển ghi rõ tên, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo. Số lượng thùng chứa chất thải nguy hại là 2 thùng có nắp kín dung tích từ 20 lít – 70 lít đựng 02 mã CTNH.

- Công trình lưu chứa CTNH: 01 kho, diện tích 15m² nằm tại tầng hầm. Kết cấu: xung quanh có tường bao khép kín, sàn đổ bê tông, có biển cảnh báo CTNH. Bên ngoài kho được bố trí các bình chữa cháy xách tay, thùng cát dự phòng trong trường hợp xảy

ra sự cố cháy, nổ hoặc tràn đổ CTNH.

- Biện pháp thu gom, xử lý: chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thay thế, sửa chữa các thiết bị sử dụng tại tòa nhà (bóng đèn led hỏng, pin thải,...): cán bộ kỹ thuật sau khi sẽ thu gom, chuyển chất thải nguy hại về kho chất thải nguy hại, phân loại vào các thùng chứa theo đúng tên, mã chất thải và lưu giữ tại kho theo đúng quy định. Thời gian lưu giữ tối đa là 1 năm.

- Thực tế, cơ sở hoạt động loại hình cho thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại như bể bơi, phòng tập...nên phát sinh lượng chất thải nguy hại không nhiều, chủ yếu từ bóng đèn led hỏng, pin thải. Chất thải bóng đèn led này được quản lý và thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý. Đối với các chất thải là pin thải, Công ty thực hiện việc phân loại tại nguồn và thu gom chuyên biệt. Đồng thời, công ty cũng chủ động tham gia và hưởng ứng các chương trình đổi pin cũ do cơ quan quản lý địa phương phát động, nhằm đảm bảo việc xử lý chất thải nguy hại này được thực hiện đúng quy định và thân thiện với môi trường.





Hình 11 Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

* Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

Công ty đã và sẽ tiếp tục áp dụng các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như sau:

- Các khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung được bố trí ở tầng hầm, khu riêng tách biệt với khu vực hoạt động của tòa nhà.

- Trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị cần thiết cho các cán bộ kỹ thuật tại các vị trí cần thiết, bố trí thời gian làm việc hợp lý (không quá 8h/ngày).

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của thiết bị, định kỳ bảo dưỡng, tra dầu mỡ bôi trơn hệ thống máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của tòa nhà.

* Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

+ QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

* Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

✓ Sự cố thiết bị

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy bơm, hiện tại cơ sở đã bố trí 01 máy bơm dự phòng để ứng phó trong trường hợp gặp sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, tra dầu mỡ các van đóng/mở để thiết bị hoạt động tốt, ổn định.

- Các thiết bị và đường ống đa số được mua trong nước nên công tác sửa chữa và thay thế nhanh, giảm thời gian xử lý khi thiết bị bị sự cố, do đó thời gian sửa chữa thay thế được ngay trong ngày.

- Ngoài ra các thiết bị được kết nối với nhau thông qua hệ thống tủ điều khiển tự động, khi các thiết bị gặp sự cố sẽ có đèn báo vào chuông tín hiệu để nhận biết thiết bị gặp sự cố, do đó việc sửa chữa và thay thế tương đối dễ dàng.

✓ Sự cố hóa chất

- Các loại hóa chất (sử dụng cho trạm xử lý) được vận chuyển đến cơ sở bằng các phương tiện chuyên dụng do nhà cung cấp đưa đến.

- Hóa chất được lưu trữ tại các thùng chuyên dụng.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Công nhân vận hành hệ thống xử lý được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất. Và được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang, găng tay.

* Phương án phòng ngừa sự cố phòng cháy chữa cháy

Để đảm bảo an toàn PCCC cho tòa nhà, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do cháy gây ra, Công ty đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa ứng

phó sự cố cháy nổ trong khu vực dự án và toàn tòa nhà như sau:

- Ban hành niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc tại các khu vực của Công ty

- Công ty đã lập hồ sơ quản lý theo dõi công tác PCCC, đã thành lập đội PCCC gồm 5 thành viên, các đội PCCC, CNCH đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động các nhân viên, khách lưu trú tại khách sạn nêu cao ý thức cảnh giác, phòng ngừa cháy, nổ cũng như ý thức trách nhiệm vì cộng đồng trong hoạt động PCCC;

- Công ty đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 254/TD-PCCC&CNCH ngày 22/04/2025 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an thành phố Tĩnh Hải Dương cấp đối với Công ty Cổ phần Hòa Xá (16 tầng nổi, 01 tầng hầm).

- Tổ chức tuần tra canh gác ban đêm để phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp cháy, nổ, không để xảy ra cháy lớn, bị động;

- Nguồn nước chữa cháy: bể chứa nước có dung tích 442 m³. Ngoài ra có các trụ nước chữa cháy bên ngoài cơ sở

- Hệ thống phương tiện PCCC: Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường (gồm 02 bơm điện, 01 bơm bù áp và 01 bình áp phích có lăng vòi đồng bộ kèm theo). Bình chữa cháy xách tay các loại, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn được bố trí phân tán tại các khu vực.

** Phương án phòng ngừa, giảm thiểu sự cố về ngộ độc thực phẩm*

Để đề phòng các sự cố liên quan đến ngộ độc thực phẩm trong quá trình ăn uống, Bếp ăn tại tòa nhà sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Đề ra nội quy và thực hiện theo quy định tại chương 2 mục 2 về chế biến thực phẩm của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm, đã được Ủy ban Thường vụ QH khóa XI thông qua ngày 26/7/2003 và có hiệu lực 1/11/2003.

- Lập ra bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm giám sát, quản lý hoạt động của tòa nhà.

- Sử dụng, lựa chọn mua nguyên liệu từ các đơn vị thực phẩm có uy tín về chất lượng có nguồn gốc xuất xứ và quá kiểm định của cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về vấn đề an toàn thực phẩm, thực hiện các biện pháp quản lý ATVSTP từ nguồn cung cấp.

- Đơn vị chế biến thực phẩm sẽ thực hiện các biện pháp để thực phẩm không bị nhiễm bẩn, nhiễm mầm bệnh có thể lây truyền sang người, động vật, thực vật.

- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được

chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị đảm bảo yêu cầu về sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm.

- Sử dụng nước sạch để chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn quy định .

- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.

- Tại khu vực nhà bếp luôn được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ. Quy trình chế biến đảm bảo định hướng dẫn của ngành y tế.

- Đội ngũ nhân viên nhà bếp sẽ luôn được trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ khi chế biến thực phẩm và được tham gia đầy đủ các lớp nghiệm vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm khi ngành y tế tổ chức.

- Thành lập bộ phận y tế (từ 1 - 2 người) với tủ thuốc thường trực sẵn sàng sơ cứu những trường hợp cán bộ công nhân viên khi bị mắc những bệnh thông thường như đau đầu, đau bụng,...

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đuối nước tại bể bơi*

Thành và đáy của bể bơi thường được làm bằng bê tông, loại vật liệu cứng. Một cú trượt hoặc ngã có thể gây nguy hiểm. Nhân viên cứu hộ phụ trách bể bơi cần nhắc rõ với người tham gia bơi tại bể giới hạn vạch sơn lớn trên thành bể bơi, chúng báo độ sâu của nước. Yêu cầu mọi người quan sát các vạch này trước khi nhảy xuống bể và chỉ được bơi ở vạch an toàn. Yêu cầu chỉ được nhảy ở cầu nhảy, không nhảy từ thành bể, vì nước có thể nông hơn và nếu va vào đáy bể thì rất nguy hiểm, thậm chí gãy cổ.

Trường hợp phát hiện nạn nhân bị đuối nước, nhân viên cứu hộ tiến hành các biện pháp sau:

Cấp cứu ngay ở dưới nước:

Túm gáy hoặc nắm tóc kéo đầu nạn nhân nhô lên khỏi mặt nước, tát mấy cái thật mạnh vào má nạn nhân để gây phản xạ hồi tỉnh và thở lại. Nhanh chóng quàng tay qua nách, nâng gáy (bằng kiểu bơi ếch ngửa) hoặc gọi thêm người hỗ trợ đưa nạn nhân vào bờ.

Khi đưa được nạn nhân lên bờ phải tiến hành hô hấp nhân tạo, hà hơi thổi ngạt ngay. Khai thông đường hô hấp bằng cách đặt nạn nhân nằm ưỡn cổ nghiêng sang một bên, dùng gạc hay khăn vải móc đờm dãi, dị vật khỏi đường thở và miệng nạn nhân, đặt một khăn mùi soa hay miếng gạc qua miệng nạn nhân, dùng hai ngón tay cái và trỏ bịt mũi nạn nhân rồi thổi hơi trực tiếp vào miệng nạn nhân.

Nếu ngừng tim (sờ mạch quay không có) phải ép tim ngoài lồng ngực. Dùng hai tay chồng lên nhau ép lên lồng ngực ngoài tim, tần số ép khoảng 100 lần/1 phút. Nếu chỉ có một người cấp cứu thì thổi ngạt 2-3 hơi lại ép tim ngoài lồng ngực 10-15 nhịp.

Nếu có hai người cấp cứu thì một người thổi ngạt, một người ép tim ngoài lồng ngực, làm kiên trì cho đến khi tim đập lại và thở trở lại.

Khi tỉnh lại, nạn nhân sẽ nôn ra nước nên phải để nạn nhân ở tư thế an toàn, kê gối dưới hai vai, nới rộng quần áo, phòng cho nạn nhân không bị ngạt trở lại vì sặc chất nôn. Chỉ bỏ cuộc khi đã hô hấp nhân tạo và ép tim được 2 tiếng mà không thấy nạn nhân phục hồi.

Cấp cứu tại chỗ là quan trọng nhất, quyết định sự sống còn của nạn nhân, nếu xử trí chậm nạn nhân bị thiếu ôxy não rất khó cứu sống sau đó.



Nếu sơ cứu có kết quả, nạn nhân thở lại, cử động giãy giụa, hay nạn nhân vẫn còn mê nhưng đã có mạch và nhịp thở thì gọi xe cấp cứu hay dùng mọi phương tiện sẵn có chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế có trang bị hồi sức cấp cứu. Quá trình vận chuyển vẫn phải tiếp tục cấp cứu và đắp giữ ấm cho nạn nhân.

Điều trị tại bệnh viện:

Khi nạn nhân được đưa vào bệnh viện cần chống suy hô hấp; chống tình trạng hạ thân nhiệt, co thắt phế quản, loạn nhịp tim, tụt huyết áp. Bồi phụ nước điện giải điều chỉnh thăng bằng. Cảnh giác phát hiện phù phổi cấp, hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển nên cần chụp phổi ngay và tiếp tục theo dõi tình trạng suy hô hấp, trụy mạch.

** Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố thang máy*

+ Trường hợp thang máy đột nhiên ngắt điện:

- Khi bị mắc kẹt trong thang máy phải thật sự bình tĩnh và tuyệt đối không được phép cậy cửa thang máy vì điều đó vô cùng nguy hiểm. Hãy ấn nút Intercom hoặc nút E-call có trong bảng button cabin để báo với bộ phận trực thang máy.

- Trường hợp thang máy có bộ cứu hộ tự động hay nguồn dự phòng thì khi xảy ra sự cố, thang vẫn sẽ tiếp tục di chuyển đến tầng gần nhất và mở cửa để người bên trong thoát ra. Tuy nhiên nếu trường hợp bị hỏng toàn bộ thì cứu hộ phải thực hiện công tác đưa hành khách ra khỏi cabin trong thời gian nhanh nhất. Quy trình để cứu hộ hành khách như sau:

- + Ngắt hết toàn bộ hệ thống cầu dao của thang máy.
- + Sử dụng chìa khóa mở cửa ở vị trí tầng gần nhất nơi cabin thang máy.
- + Nếu thang máy nằm ở vị trí tầng gần nhất thì mở cửa phòng thang cho hành khách ra còn nếu thang nằm ở giữa 2 tầng thì nhân viên cứu hộ phải đóng cửa 2 tầng lại rồi lên phòng máy làm các bước tiếp theo.

- + Gạt càn thắng với tốc độ từ từ không để trượt thang máy, trường hợp chênh lệch tải khi kéo thắng thang máy nhưng phải đảm bảo thang không được trôi quá dài và tốc độ cũng không được cao.

- + Tiếp tục dùng quay tay vô lăng của máy để quay cho thang di chuyển đến thang bằng bậc tầng là các vị trí được sơn trên cáp tải thì mở cửa phòng thang đưa khách ra ngoài. Nhân viên cũng cần lưu ý khi thay đổi những bước chuyển đổi này cần báo cho hành khách để họ chuẩn bị tâm lý, tránh gây ra sự hoang mang và sợ sệt.

+ Trường hợp cabin thang máy bị dừng đột ngột:

Trong trường hợp gặp sự cố - cabin thang máy bị dừng đột ngột hoặc về bằng tầng không mở cửa, hành khách bị kẹt trong cabin thang máy không ra được ngoài thì cách xử lý sự cố như sau:

Bước 1: Hành khách bên trong cabin nhấn phim chuông cảnh báo đồng thời nhấn phim liên lạc nội bộ gắn trên Bảng hiển thị và điều khiển trong cabin.

Bước 2: Khi nghe thấy tiếng đàm thoại nội bộ của bộ phận kỹ thuật tòa nhà vang lên trên loa được gắn trong Bảng hiển thị và điều khiển trong cabin, hành khách cần bình tĩnh lắng nghe hướng dẫn của nhân viên kỹ thuật tòa nhà.

Lưu ý: Trong khi sự cố thang máy chưa được xử lý xong và hành khách vẫn đang bị kẹt trong cabin, hành khách cần phải thật bình tĩnh và tuyệt đối không được dùng tay hoặc vật dụng để cạy cửa cabin vì điều này sẽ dẫn tới nguy hiểm cho hành khách.

Bước 3: Khi nhân viên kỹ thuật tòa nhà phát hiện ra thang máy bị sự cố và biết được có hành khách đang bị kẹt bên trong cabin thang máy thì phải thực hiện các việc sau:

- Ngắt cầu dao hoặc gạt Aptomat cấp nguồn điện chính cho thang máy sang vị trí OFF
- Gọi điện thoại ngay lập tức và thông báo ngay cho Bộ phận bảo hành và bảo trì 24/24.

Sau đó sử dụng thiết bị liên lạc nội bộ để trấn an hành khách bên trong cabin, giúp họ bình tĩnh trong suốt quá trình thao tác cứu hộ để đưa cabin thang máy về tầng gần nhất, mở cửa và đưa hành khách thoát ra ngoài cabin thang máy an toàn.

Trong trường hợp có hành khách cần sự trợ giúp của y tế, phải gọi điện thoại ngay cho cấp cứu hoặc cơ sở y tế gần nhất.

Bước 4: Nhân viên kỹ thuật của tòa nhà kết hợp cùng nhân viên kỹ thuật Bộ phận bảo hành và bảo trì kiểm tra, tìm nguyên nhân và cách khắc phục sự cố để thang máy hoạt động trở lại đảm bảo an toàn và ổn định.

Lưu ý dành riêng cho bộ phận Quản lý của tòa nhà:

- Luôn có số điện thoại của cấp cứu và cơ sở y tế gần nhất để kiểm tra, chăm sóc sức khỏe cho hành khách trong trường hợp cần thiết.

- Trước khi thang máy được bàn giao để đưa vào sử dụng, nhân viên kỹ thuật tòa nhà phải được đào tạo, huấn luyện và được cấp chứng chỉ đào tạo xử lý sự cố thang máy.

*** Phương án phòng chống thiên tai, ngập lụt**

Để đề phòng ngập lụt tầng hầm, tòa nhà sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Thiết kế các rãnh thu nước xung quanh tầng hầm dựa trên số liệu dự báo về lượng mưa lớn nhất có thể xảy ra trong khu vực. Bên cạnh đó, có bố trí các bơm nước dự phòng tại tầng hầm có công suất lớn để phòng khi xảy ra sự cố ngập lụt có thể bơm hút nước ra khu vực ít bị ngập lụt hơn.

- Đề ra kế hoạch chủ động bảo vệ các công trình, thiết bị máy móc, hệ thống điện trên tầng hầm và mặt bằng công trình trước mùa mưa bão.

- Thành lập đội thường trực phòng chống bão lũ để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Nếu mực nước quá lớn, thông báo với các chủ phương tiện giao thông kịp thời sơ tán phương tiện của mình trước khi xảy ra sự cố ngập nước. Và chờ khi nước rút dần sẽ dùng bơm để bơm hết nước ở tầng hầm ra ngoài.

6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Hạng mục thay đổi	Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Hiện trạng
1	Quy mô ⁽¹⁾	- 1 tầng hầm, 15 tầng nổi và 01 tầng tum trên tổng diện tích sử dụng đất là 4.440m ²	- 1 tầng hầm, 16 tầng nổi trên tổng diện tích sử dụng đất là 4.440m ²
2	Chương trình giám sát môi trường định kỳ	Tần suất 3tháng/lần	Không thực hiện quan trắc do theo quy định mới không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ

Ghi chú:

(1): Quy mô tòa nhà tăng từ 15 tầng lên 16 tầng, lượng nước thải sinh hoạt tăng thêm 3,52m³/ngày nâng tổng lượng nước thải lớn nhất đưa về hệ thống xử lý là 79,82m³/ngày đêm, HTXL nước thải tập trung được xây dựng với công suất 80m³/ngày, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, tòa nhà không thuộc đối tượng phải lập lại ĐTM và làm thủ tục xin chấp

thuận về môi trường. Do đó quy mô của tòa nhà hiện nay là phù hợp với công trình bảo vệ môi trường, không ảnh hưởng đến hoạt động xin cấp giấy phép môi trường.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước bồn rửa, nước thoát sàn nhà vệ sinh, nước tắm giặt phát sinh tại các tầng;

+ Nguồn số 02: Nước thải nhà vệ sinh phát sinh tại các tầng;

+ Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà bếp;

+ Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình rửa vật liệu lọc của thiết bị lọc nước bể bơi;

+ Nguồn số 05: Nước xả bể bơi;

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải (nguồn số 01, 02, 03, 04): nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung được thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng.

- Nguồn nước tiếp nhận: hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng

- Vị trí xả nước thải: tại hố ga xả nước thải đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực nằm trên đường Nguyễn Lương Bằng; có tọa độ như sau (theo hệ tọa độ và độ cao Nhà nước VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

Bảng 16 Tọa độ điểm xả thải nước thải của cơ sở

STT	Điểm xả	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	Điểm xả nước thải	2316204.28	583523.04

- Lưu lượng xả thải tối đa: $80 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (theo công suất tối đa của hệ thống xử lý nước thải).

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

- Chu kỳ xả: xả thải liên tục (24 giờ/ngày).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: nước thải phát sinh từ hoạt động của tòa nhà với thành phần chính gồm các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), cặn lơ lửng (TSS), chất dinh dưỡng (N, P), các vi khuẩn Coliform... Trên cơ sở đó, Tòa nhà đề xuất xin cấp phép kiểm soát các thành phần ô nhiễm và giá trị giới hạn như sau:

Bảng 17 Thông số và giá trị giới hạn đối với nước thải sau xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	40
3	COD	mg/l	70
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Tổng Nitơ	mg/l	35
7	Tổng phốt pho	mg/l	4
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000
9	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,5
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	10

(*): Giới hạn cho phép đề xuất theo giá trị quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, Bảng 2 cột C

4.1.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

a.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nguồn 1: Nước thải từ các bồn rửa, nước thoát sàn nhà, nước tắm, nước giặt là được thu gom bằng ống nhánh PVC D110mm đặt ngầm trong tường và đầu nối vào đường ống thu gom nước thải chung để về hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà.

- Nguồn 2: Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của các tầng được thu gom bằng các ống nhánh PVC D90 mm và ống trục chính PVC D125 mm, dẫn tới bể tự hoại đặt ngầm dưới tầng hầm để xử lý sơ bộ, sau đó qua đường ống PVC D200, được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của tòa nhà để xử lý đạt tiêu chuẩn.

- Nguồn 3: Nước thải nhà bếp (tầng 16)

+ Nước thải từ chậu rửa nhà bếp sau khi tách mỡ sơ bộ bằng hệ thống các hộp tách mỡ (đặt ngay dưới chậu rửa) được thu gom về bể tách mỡ đặt tại tầng hầm bằng ống PVC D110.

+ Nước thoát sàn khu vực nhà bếp được thu gom về bể tách mỡ 2 ngăn bằng ống PVC D90.

Nước thải sau tách mỡ được dẫn sang bể tự hoại bằng đường ống PVC D110 rồi chảy về HTXL nước thải tập trung bằng ống PVC D200.

- Nguồn 4: Nước thải từ quá trình rửa vật liệu lọc của thiết bị lọc nước bể bơi

Hàng ngày, thiết bị lọc bể bơi sẽ được tiến hành súc rửa; nước thải phát sinh từ quá trình này sẽ được thu gom theo đường ống nhựa PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 5: Nước xả bể bơi

Nước xả bể bơi được thu gom bằng ống PVC D110 $i=2\%$, sau đó chảy ra đường ống đứng PVC D125, dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng bằng đường ống D200.

Nước thải sau xử lý của HTXL tập trung được thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng.

a.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải $80m^3/ngày\ đêm$:

+ Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Hộp kiểm soát lưu lượng nước → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Lương Bằng.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: men vi sinh (hiếu khí, yếm khí), $NaClO\ 5\%$

a.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

a.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

b. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công ty Cổ phần Hòa Xá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3707/GP-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021, do đó không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022.

c. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

c.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Tòa nhà, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, bảng 2 cột C trước khi xả ra ngoài môi trường.

c.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

Loại hình hoạt động của Tòa nhà không phát sinh khí thải cần xử lý do đó tòa nhà không xin cấp phép đối với khí thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

➤ *Nguồn phát sinh tiếng ồn độ rung*

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của máy phát điện dự phòng của tòa nhà;

➤ *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:*

STT	Nguồn phát sinh	Giới hạn cho phép đối với tiếng ồn ⁽¹⁾	Giới hạn cho phép đối với độ rung ⁽²⁾
1	Máy phát điện dự phòng	Khu vực thông thường: - 70dBA: từ 6 giờ - 21 giờ; - 55dBA: từ 21 giờ - 6 giờ.	Khu vực thông thường: - 80dB: từ 6 giờ - 22giờ; - 70dB: từ 22 giờ - 6 giờ.

Ghi chú:

+ (1): QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ (2): QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

b.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

b.2. Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

4.4.1. Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh của tòa nhà gồm:

Bảng 18 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái/ tính chất nguy hại chính	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn led	16 01 13	Rắn/Đ,ĐS	NH	2
2	Pin thải	16 01 12	Đ, ĐS, AM	NH	3
Tổng số lượng					5

** Thiết bị, công trình, biện pháp lưu giữ:*

✓ *Thiết bị, công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại*

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại có nắp đậy, bên ngoài thùng có biển ghi rõ tên, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo. Số lượng thùng chứa chất thải nguy hại là 2 thùng có nắp kín dung tích từ 20 lít – 70 lít đựng 02 mã CTNH.

- Công trình lưu chứa CTNH: 01 kho, diện tích 15m² nằm tại tầng hầm. Kết cấu: xung quanh có tường bao khép kín, sàn đổ bê tông, có biển cảnh báo CTNH. Bên ngoài kho được bố trí các bình chữa cháy xách tay, thùng cát dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố cháy, nổ hoặc tràn đổ CTNH.

+ Định kỳ, đơn vị thu gom rác thải có chức năng sẽ đến thu gom và xử lý theo quy định.

4.4.2. Chất thải sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, công nhân viên và khách đến lưu trú... tại tòa nhà. Thành phần chất thải gồm: Các loại thực phẩm thừa, bao gói thức ăn, túi nilon, vỏ hoa quả, các loại giấy, chai nhựa, chai thủy tinh,... Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày phát sinh khoảng 399kg/ngày.

✓ *Thiết bị, công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác di động, loại thùng nhựa dung tích 120 lít đặt tại các vị trí như khu vực văn phòng, phòng nghỉ, tại khu nhà bếp, sảnh....

- Kho/khu vực lưu giữ: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyển xuống vị trí tập kết tại tầng hầm tòa nhà, tại đây bố trí 2 thùng rác có dung tích 120l và 2 xe đẩy dung tích 500l để lưu chứa tạm thời. Vào cuối ngày làm việc, đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.

4.4.3. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Cơ sở luôn là đơn vị thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường; cụ thể như sau:

* Hồ sơ môi trường: Cơ sở đã được cấp và phê duyệt các hồ sơ như sau:

- Quyết định số 1348/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 04/05/2018 của về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại” tại đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Phòng của Công ty TNHH Hòa Xá (nay là Công ty Cổ phần Hòa Xá).

- Công ty đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 254/TD-PCCC&CNCH ngày 22/04/2025 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an thành phố Tỉnh Hải Dương cấp đối với Công ty Cổ phần Hòa Xá (16 tầng nổi, 01 tầng hầm).

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3707/GP-UBND của UBND Tỉnh Hải Dương ngày 10/12/2021 của Công ty Cổ phần Hòa Xá.

* Thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

- Cơ sở đã xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường đầy đủ, phù hợp với hoạt động của Cơ sở như đã nêu cụ thể tại Chương III.

- Đồng thời, vận hành thường xuyên, liên tục các công trình bảo vệ môi trường; đảm bảo môi trường lao động và môi trường xung quanh. Hiện tại, các công trình, thiết bị thu gom và xử lý nước thải tại cơ sở vẫn đang hoạt động tốt và mang lại tác dụng tích cực, các kho lưu trữ chất thải vẫn đáp ứng việc lưu chứa các loại chất thải phát sinh của cơ sở.

- Cơ sở thực hiện tốt công tác thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải phát sinh theo đúng quy định.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Chủ cơ sở tổng hợp tóm tắt các thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đề xuất:

Bảng 19. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp, thiết bị	Đơn vị	Nước thải	QCVN 14:2025/BTNMT
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	10	≤ 40
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/l	11	≤ 100
4	TSS	TCVN 6625:2000	mg/l	27	≤ 70
5	Dầu mỡ ĐTV	SMEWW 5520B&F:2023		< 1	≤ 20
6	Sulfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	mg/l	< 0,03	≤ 0,5
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	3	≤ 10
8	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/l	5,8	≤ 40
9	Tổng P	TCVN 6202:2008	mg/l	0,86	≤ 10
10	Chất hoạt động bề mặt anion	SMEWW 5540B&C: 2023	mg/l	<0,02	≤ 10
11	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	1.300	≤ 5.000

Ghi chú:

- *Vị trí lấy mẫu:* **NT:** Nước thải sau HTXL trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
- *Tiêu chuẩn so sánh:* QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung Bảng 2, cột C

Nhận xét: Với kết quả quan trắc môi trường nước thải trong Bảng 19 thì các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật.

5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):

5.4.1 Tổng hợp, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã thu gom, xử lý

- Thống kê lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở chỉ bao gồm chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, vỏ trái cây và vỏ lon, đồ hộp, bao bì,... với khối lượng phát sinh là 10m³/tháng.

5.4.2 Tổng hợp, thống kê số chủ nguồn thải; khối lượng chất thải nguy hại đã thu gom, xử lý của từng năm (theo từng phương pháp)

- Thống kê CTNH:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Tổ chức tiếp nhận	Số lượng năm 2024 (kg)
1	Bóng đèn led	16 01 13	Đơn vị thu gom rác thải có chức năng	1
	Tổng			1

5.4.3 Đánh giá chung về hiện trạng các hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải đã được cấp phép

Nhìn chung các công trình và thiết bị xử lý chất thải đã được cấp phép đều cho thấy sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, đáp ứng được khả năng lưu chứa các loại chất thải phát sinh tại cơ sở. Các công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, giúp phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đảm bảo các công trình luôn đảm bảo theo đúng quy định

5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất): Không có

5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải: Không có

5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo xin cấp giấy phép môi trường, cơ sở chưa được kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, cũng không vi phạm về pháp luật bảo vệ.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Công ty Cổ phần Hòa Xá đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3707/GP-UBND ngày 10/12/2021 (giấy phép môi trường thành phần). Căn cứ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 80m³/ngày đêm sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

6.2. 2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

- Căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cơ sở có mức lưu lượng xả nước thải dưới mức lưu lượng quy định tại Cột 4 và Cột 5 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP;

Do đó, Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Không phát sinh kinh phí

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty Cổ phần Hòa Xá cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Chúng tôi cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Cam kết xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

+ Cam kết thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đạt QCVN 14:2025/BTNMT- quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

+ Cam kết thu gom, quản lý và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật để vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Cam kết áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố và giảm thiểu ô nhiễm như đã trình bày trong báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường.

- Công ty cam kết tăng cường quản lý, tuân thủ đúng quy định về quản lý môi trường, an toàn giao thông.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0800269426

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 10 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 25, ngày 30 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA XA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOA XA „JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 360A, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0220.3892929

Số Fax: 0220.3891929

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 482.765.500.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi hai tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 48.276.550

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: ĐỖ TRỌNG ĐẠT

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 18/06/1999

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 030099000959

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 8-B12-KĐT Mỹ Đình 1-Tổ dân phố số 8, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Vũ Huy Cường

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Số:



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP: Thành phố
Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở: Số 6 đường Hồng Bàng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam

Điện thoại: 0225 3823769

Số Fax:

Thư điện tử: dkkdhaiphong@gmail.com

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ

Mã số doanh nghiệp: 0800269426

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký
kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về
đăng ký doanh nghiệp như sau:

Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	
								Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ	Quyền chi phối
1	CAO THỊ THU	19/07/1970	Nữ	033170000698	Việt Nam	Kinh	Số nhà 8-B12-KĐT Mỹ Đình 1-Tổ dân phố số 8, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	56,38	
2	ĐỖ TRỌNG THỦY	12/09/1964	Nam	001064007956			Số nhà 8-B12-KĐT Mỹ Đình 1-Tổ dân phố số 8, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	41,14	

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ . Địa chỉ:Số 360A, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Thị Hồng Minh.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Vũ Huy Cường

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Hòa Xá

GCNĐKDN số: 0800269426 do Phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp
Đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 01/12/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Số 360, đường Nguyễn Lương bằng, phường Thanh Bình,
thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

*Ghi chú: Kèm theo giấy chứng nhận này có
Trang hồ sơ số 01;*

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CP 030673

1. Thừa đất:

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Ghi chú:

Trong diện tích trên có 619,6 m² đất thuộc HL đường điện, yêu cầu Công ty quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật điện lực

Hải Dương, Ngày 23 tháng 11 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

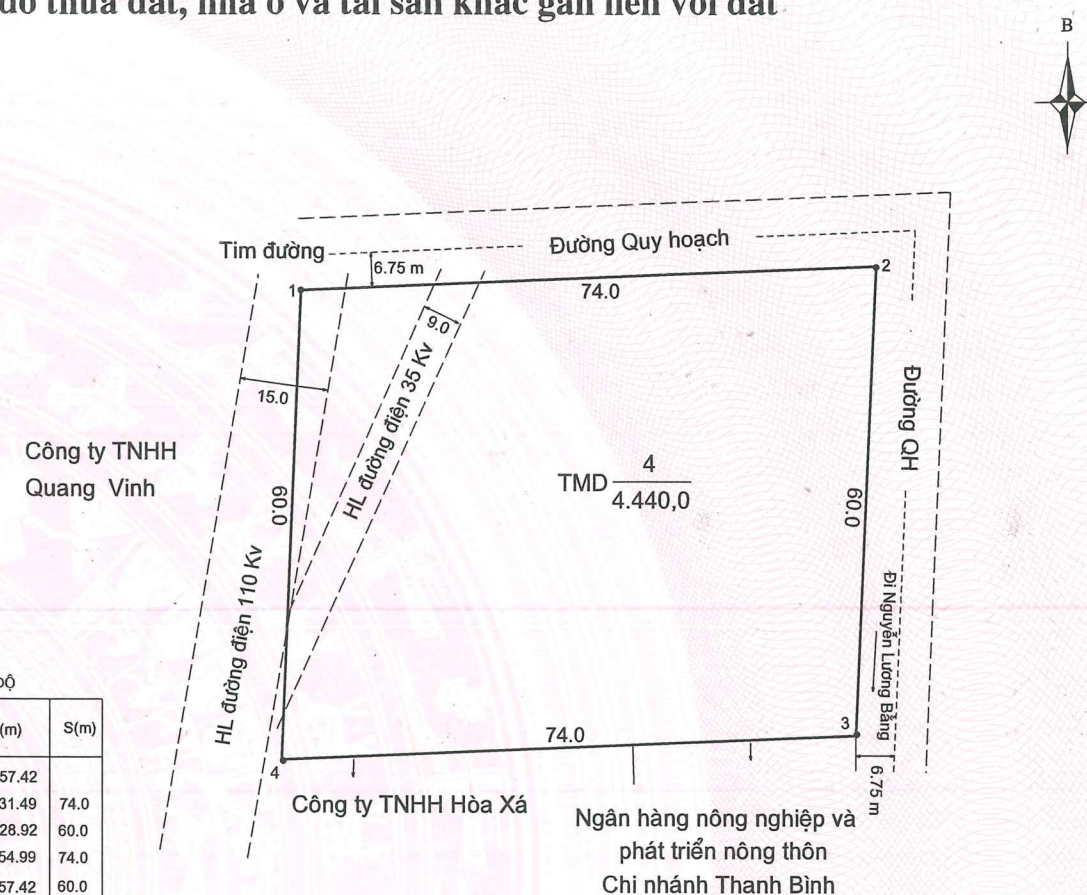
KT.CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ANH CƯỜNG

Số vào sổ cấp GCN: CT 01/208

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG KÊ TOA ĐỘ

STT	X(m)	Y(m)	S(n)
1	2316323.33	583357.42	
2	2316326.48	583431.49	74.8
3	2316266.38	583428.92	60.0
4	2316263.22	583354.99	74.0
1	2316323.33	583357.42	60.0

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Người sử dụng đất đổi tên thành Công ty cổ phần Hòa Xá (GCN ĐK DN số: 0800269426 do Phòng ĐKKD - Sở KH &ĐT tỉnh Hải Dương cấp; đang ký thay đổi lần thứ 20 ngày 3/13/2023) do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần theo hồ sơ số: 001317. CP. 002 am	Ngày 28/06/2023  GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN TIÊU

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 04

Tờ bản đồ số: 05

Số phát hành GCN: CP 030673

Số vào sổ cấp GCN: CT 01208

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thi' chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từng tương lai tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Tầng 1, 2, 3, Khu tổ hợp văn phòng, trung tâm thương mại và chung cư cao cấp Golden Palace, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) theo hồ sơ số: 000.00.11.H23 - 200731/0005; quyết 01, STT: 236 Thay đổi nội dung đã đăng ký ngày 31/7/2020 (Thay đổi từ bên thi' chấp từ Công ty TNHH Hòa Xá thành Công ty cổ phần Hòa Xá) với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình) theo hồ sơ số: 001317.TC.002; quyết số 01, STT: 263	Ngày 31/7/2020 GIÁM ĐỐC ĐOÀN THANH HẢI Ngày 29/9/2023. PHÓ GIÁM ĐỐC HÀ THỊ HOÀI

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1235*/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại
của Công ty TNHH Hòa Xá

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Thông báo số 841-TB/TU ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương Dự án Nhà Văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Hòa Xá;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 543/TTr-KHĐT ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Hòa Xá,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH HÒA XÁ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0800269426, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2002,



đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 01 tháng 12 năm 2017; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 360, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Bà CAO THỊ THU; sinh ngày 19 tháng 7 năm 1970; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ căn cước công dân số: 033170000698, ngày cấp: 25 tháng 3 năm 2016, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Chức danh: Giám đốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 8 - B12 - Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI.

2. Mục tiêu dự án: Đáp ứng nhu cầu về dịch vụ lưu trú, thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn thành phố Hải Dương và khu vực lân cận.

3. Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng một tòa nhà có quy mô 01 tầng hầm, 15 tầng thương mại và 01 tầng tum; tổng diện tích sàn 26.784,0 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Phía Bắc đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích sử dụng: 4.440,0 m² (diện tích đất nêu trên trước đây UBND tỉnh cho DNTN Quang Mạnh thuê để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở sản xuất, chế biến gỗ và kinh doanh thương mại dịch vụ ăn uống tổng hợp; nay DNTN Quang Mạnh không còn nhu cầu thực hiện dự án, đề nghị được chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất, đồng thời tự nguyện trả lại đất để Nhà nước thu hồi đất và cho Công ty TNHH Hòa Xá thuê).

6. Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền thuê đất một lần cả thời gian thuê cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án.

7. Tổng vốn đầu tư dự án: 260.966.696.000 VND (Hai trăm sáu mươi tỷ, chín trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó:

a) Vốn tự có của Nhà đầu tư để thực hiện dự án: 58.304.417.000 VND.

b) Vốn vay để thực hiện dự án: 202.662.279.000 VND.

8. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư.

9. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trong thời hạn 48 tháng, kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng Quý, có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hòa Xá căn cứ quyết định thi hành. /*ĐAN*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh (đ/c Quang Hải);
- UBND phường Thanh Bình (TP. Hải Dương);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (25b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3305**/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **24** tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Chủ trương đầu tư Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ
thương mại của Công ty TNHH Hòa Xá (điều chỉnh lần thứ nhất)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 1680A/BC-SKHĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Hồ sơ đề xuất dự án kèm theo của Công ty TNHH Hòa Xá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Hòa Xá (điều chỉnh lần thứ nhất), với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư và thông tin về Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH HÒA XÁ**, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0800269426, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 01 tháng 12 năm 2017; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 360, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Bà CAO THỊ THU; sinh ngày 19 tháng 7 năm 1970; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ căn cước

công dân số: 033170000698, ngày cấp: 25 tháng 3 năm 2016, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Chức danh: Giám đốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 8 - B12 - Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Tên dự án đầu tư: **NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI.**

3. Mục tiêu dự án: Đáp ứng nhu cầu về dịch vụ lưu trú, thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn thành phố Hải Dương và khu vực lân cận.

4. Quy mô dự án: Đầu tư xây dựng một tòa nhà có quy mô 01 tầng hầm, 15 tầng thương mại và 01 tầng tum; tổng diện tích sàn 26.784,0 m².

5. Địa điểm thực hiện dự án: Phía Bắc đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

6. Diện tích sử dụng: 4.440,0 m².

7. Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền thuê đất một lần cả thời gian thuê cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án.

7. Tổng vốn đầu tư dự án: 455.638.700.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng), trong đó:

7.1. Vốn tự có của Nhà đầu tư để thực hiện dự án: 155.638.700.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng).

7.2. Vốn vay để thực hiện dự án: 300.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

8. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư lần đầu (ngày 20 tháng 4 năm 2018).

9. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trong thời hạn 48 tháng, kể từ ngày Quyết định chủ trương đầu tư lần đầu (ngày 20 tháng 4 năm 2018).

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng Quý, có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này thay thế Quyết định chủ trương đầu tư số 1235/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương.

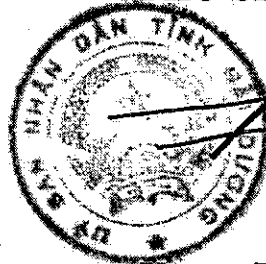
Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hòa Xá căn cứ quyết định thi hành. /HN/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh (đ/c Quang Hải);
- UBND phường Thanh Bình (TP. Hải Dương);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Hùng (25b)./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Đức Sáng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 2566/ĐT Quyền số: 01/2025-SCT/BS
Ngày 01 tháng 10 năm 2025



PHÓ CHỦ TỊCH
DƯƠNG THỊ HẰNG NGA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1086/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 08 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà văn phòng cho thuê và
kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Hòa Xá
(điều chỉnh lần thứ 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 545/BC-SKHĐT ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Hồ sơ đề xuất điều chỉnh Dự án đầu tư Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Hòa Xá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Hòa Xá (điều chỉnh lần thứ hai), với nội dung như sau:

1. Tên dự án: NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI.

2. Địa điểm thực hiện dự án: Phía Bắc đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.



3. Mục tiêu dự án: Đáp ứng nhu cầu về dịch vụ lưu trú, thuê văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn thành phố Hải Dương và khu vực lân cận.

4. Quy mô dự án:

4.1. Quy mô sản xuất, kinh doanh: Đầu tư xây dựng một tòa nhà có quy mô 01 tầng hầm, 15 tầng thương mại và 01 tầng mái; tổng diện tích sàn 28.895,0 m².

4.2. Quy mô xây dựng: Theo quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Diện tích đất sử dụng: 4.440,0 m² (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 030673 do UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hòa Xá ngày 23 tháng 11 năm 2018).

6. Tổng vốn đầu tư dự án: 458.017.700.000 VND (Bốn trăm năm mươi tám tỷ, không trăm mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng); trong đó:

6.1. Vốn tự có của Nhà đầu tư để thực hiện dự án: 308.017.700.000 VND.

6.2. Vốn vay để thực hiện dự án: 150.000.000.000 VND.

7. Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ trước ngày 21 tháng 4 năm 2022.

8. Thời hạn thực hiện dự án: Đến ngày 28 tháng 5 năm 2068 (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 030673 do UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hòa Xá ngày 23 tháng 11 năm 2018).

9. Nhà đầu tư và thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án: CÔNG TY TNHH HÒA XÁ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0800269426, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 22 tháng 01 năm 2020; địa chỉ trụ sở chính: Số 360, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Bà CAO THỊ THU; sinh ngày 19 tháng 7 năm 1970; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 033170000698, cấp ngày 25 tháng 3 năm 2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 8 - B12 - Khu đô thị Mỹ Đình 1, tổ dân phố số 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chức danh: Giám đốc.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, dịch vụ lưu trú và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Thực hiện cho thuê văn phòng đã được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

3. Định kỳ hàng Quý, có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành:

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hòa Xá và Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. *l/hh*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND phường Thanh Bình (TP. Hải Dương);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Mạnh (15b) *l*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



***Trần Văn Quân**

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 2567/ĐT Quyền số: 01/2025-SCT/BS
Ngày 01 tháng 10 năm 2025



PHÓ CHỦ TỊCH
DƯƠNG THỊ HẰNG NGA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 843/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại (điều chỉnh lần thứ ba)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 486/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty cổ phần Hòa Xá.

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 với nội dung điều chỉnh như sau:

Nội dung "9. Nhà đầu tư và thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án: CÔNG TY TNHH HÒA XÁ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0800269426, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 22 tháng 01 năm 2020; địa chỉ trụ sở chính: Số 360, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương" quy định tại Điều 1 Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 được điều chỉnh như sau:

"9. Nhà đầu tư và thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0800269426, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 31 tháng 12 năm 2021; địa chỉ trụ sở chính: Số 360, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương"

Lý do: Do Công ty TNHH Hòa Xá chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần Hòa Xá.

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các nội dung khác của Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh không thay đổi và giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Hòa Xá và Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Hoài*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND phường Thanh Bình (TP Hải Dương);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Mạnh (15b) *ℓ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 2572/ĐT Quyền số: 01/2025-SCT/BS
Ngày 01 tháng 10 năm 2025



PHÓ CHỦ TỊCH
DƯƠNG THỊ HẰNG NGA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 459 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại (điều chỉnh lần thứ bốn)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 258/BC-SKHĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024 và Hồ sơ đề xuất điều chỉnh Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty cổ phần Hòa Xá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại (điều chỉnh lần thứ bốn) được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 như sau:

1. Nội dung: "4.1. Quy mô sản xuất, kinh doanh: Đầu tư xây dựng một tòa nhà có quy mô 01 tầng hầm, 15 tầng thương mại và 01 tầng mái; tổng diện tích sàn 28.895,0 m²." quy định tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 được điều chỉnh thành:

"4.1. Quy mô sản xuất, kinh doanh: Đầu tư xây dựng một tòa nhà có quy mô 01 tầng hầm, 16 tầng thương mại; tổng diện tích sàn 28.895,0 m²."

2. Nội dung: "7. Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ trước ngày 21 tháng 4 năm 2022." quy định tại

Điều 1 Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 được điều chỉnh thành:

"7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động trước ngày 01 tháng 6 năm 2024."

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các nội dung khác của Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 không thay đổi và giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Thời hạn hiệu lực

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Hòa Xá và Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *Nhu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND phường Thanh Bình (TP. Hải Dương);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV, Mạnh (12b)✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 2571/ĐT-Quyền số: 01/2025-SCT/BS
Ngày 01 tháng 10 năm 2025



PHÓ CHỦ TỊCH
DƯƠNG THỊ HẰNG NGA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1071/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 17 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại (điều chỉnh lần thứ năm)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2489/BC-SKHĐT ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Hồ sơ đề xuất điều chỉnh Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại của Công ty cổ phần Hòa Xá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại (điều chỉnh lần thứ bốn) được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 như sau:

Nội dung: “7. Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động trước ngày 01 tháng 6 năm 2024.” quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 được điều chỉnh thành:

“7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động trong Quý 4 năm 2025.”.

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các nội dung khác của Dự án Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương

mại được UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 không thay đổi và giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là bộ phận không tách rời của Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Hòa Xá và Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *Heu*

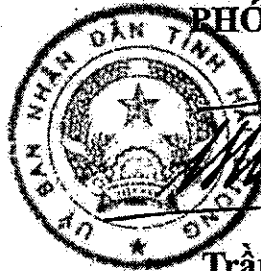
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND phường Thanh Bình (TP. Hải Dương);
- CV VP UBND tỉnh (đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Mạnh (12b) *Heu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Heu
Trần Văn Quân

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 2570/ĐT Quyền số: 01/2025-SCT/BS
Ngày 01 tháng 10 năm 2025



PHÓ CHỦ TỊCH
DƯƠNG THỊ HẰNG NGA

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1348/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 07 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
"Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại tại đường
Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương,
tỉnh Hải Dương" của Công ty TNHH Hòa Xá**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại tại đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương" của Công ty TNHH Hòa Xá, họp ngày 01 tháng 11 năm 2017 tại Phòng họp của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Hải Dương;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại tại đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương" đã được chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh kèm theo Tờ trình số 01/TTr-HX ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Công ty TNHH Hòa Xá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 440/TTr-STNMT ngày 03 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại tại đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải



Dương" (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Hòa Xá (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Đầu tư xây dựng nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại với quy mô: 01 tầng hầm, 15 tầng nổi và 01 tum trên tổng diện tích sử dụng đất là: 4.440 m².

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng các công trình của Dự án phải đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh QCVN 06:2009/BTNMT.

2.2. Trong giai đoạn vận hành Dự án phải thu gom toàn bộ nước thải phát sinh trong khu vực dự án và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14: 2008/BTNMT giá trị Cmax mức B trước khi thải ra môi trường xung quanh.

2.3. Trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án phải xử lý khí thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT mức B trước khi thải ra môi trường xung quanh.

2.4. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2.5. Thực hiện nghiêm các quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

2.6. Thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.7. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt để góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và làm đẹp cảnh quan.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Tuân thủ nghiêm những quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động, xử lý sự cố môi trường và những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án.

3.2. Thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.3. Phải hoàn thiện các thủ tục về môi trường riêng cho từng công trình xây dựng trong dự án theo quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét thẩm định và phê duyệt theo quy định trước khi triển khai xây dựng.

3.4. Tổ chức quản lý và vận hành các công trình xử lý môi trường đảm bảo tất cả các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về môi trường khi có thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động của toàn bộ Dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Lập phương án bảo vệ môi trường; lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương để giám sát quá trình vận hành thử nghiệm. Trường hợp gây ra sự cố môi trường phải dừng ngay hoạt động thử nghiệm và báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hướng dẫn giải quyết và chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Phải đảm bảo đủ kinh phí chi cho các hoạt động bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường theo quy định tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

4. Thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường qui định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 của Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Thực hiện nghiêm các biện pháp, giải pháp công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm và xử lý chất thải như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Khi đưa Dự án vào vận hành chính thức các công trình, biện pháp xử lý môi trường phải được đánh giá xác định về chất lượng và hiệu quả xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

6. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý và giám sát môi trường: chất thải với tần suất 03 tháng/lần, phải gửi báo cáo kết quả quan trắc định kỳ về Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Dương chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt quan trắc để theo dõi, giám sát.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hòa Xá;
- Chủ tịch UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Lưu: VT. Ô.Đông (8b) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu
hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty
TNHH Hòa Xá và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1175/TTr-TNMT ngày 09 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Hòa Xá (*dự án nhà văn phòng cho thuê
và kinh doanh dịch vụ thương mại*), địa chỉ: Số 360, đường Nguyễn Lương Bằng,
phường Thanh Bình, thành Phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được xả nước thải
vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành
phố Hải Dương.

2. Vị trí xả nước thải:

- Địa danh hành chính: Phường Thanh Bình, thành Phố Hải Dương, tỉnh
Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ và độ cao Nhà nước VN2.000,
kinh tuyến trục 105°00', múi chiều 6°*).

X (m)= 2315836

Y (m)= 635394



3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy ra nguồn nước tiếp nhận.
4. Chế độ xả nước thải: Không theo chu kỳ nhất định (24h/ngày.đêm).
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m³/ngày đêm.
6. Chất lượng nước thải:

Các thông số ô nhiễm và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau hệ thống xử lý và thải ra nguồn nước tiếp nhận như quy định tại Phụ lục kèm theo.

7. Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải:

Thực hiện theo tần suất quan trắc được quy định trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 04/5/2018. Cụ thể tần suất quan trắc là 03 tháng/lần.

8. Thời hạn của giấy phép: 05 (năm) năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Yêu cầu đối với Công ty TNHH Hòa Xá:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; bảo vệ môi trường trong khu vực, bảo vệ chất lượng nước và hệ sinh thái của nguồn nước tiếp nhận nước thải.

2. Vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý trước khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo các thông số ô nhiễm và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm theo quy định tại Điều 1 Giấy phép này. Khi có thay đổi nội dung quy định trong giấy phép phải được UBND tỉnh đồng ý bằng văn bản.

3. Thực hiện nghiêm chế độ quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải theo tần suất quan trắc và các thông số quan trắc quy định tại Điều 1 Giấy phép này. Nếu có sự cố bất thường xảy ra trong quá trình xả nước thải mà gây ảnh hưởng xấu tới môi trường phải ngừng ngay việc xả thải và có trách nhiệm báo cáo về cơ quan cấp phép và chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục kịp thời.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

5. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 01), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 3. Công ty TNHH Hòa Xá được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.



(Handwritten signature)

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Hòa Xá còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải thực hiện thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hòa Xá;
- Cục quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Hải Dương;
- UBND phường Thanh Bình;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Bản



PHỤ LỤC

Giới hạn thông số, nồng độ các chất ô nhiễm được phép xả thải
 (Kèm theo Giấy phép số ~~3707~~ /GP-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021
 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT C _{max} mức B K= 1,0	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	pH	-	5 - 9	Nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải sau hệ thống xử lý và thải ra nguồn nước tiếp nhận phải nằm trong giới hạn theo quy định tại cột 4
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	20	
9	Chất HDBM	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Coliform	MPN/ 100ml	5.000	

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Hòa Xá.

- Người đại diện: Bà. Cao Thị Thu.

- Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ liên hệ: Số 360 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại.

- Theo thiết kế: Bản vẽ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng.

- Do: Công ty cổ phần giải pháp và công nghệ xây dựng SF lập.

- Đơn vị thẩm tra thiết kế: Trung tâm tư vấn xây dựng công nghiệp và hạ tầng - Viện khoa học công nghệ xây dựng.

- Đơn vị thẩm định thiết kế: Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Trong ranh giới Thửa đất số 04, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích 4.440,0m² thuộc phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

+ Chỉ giới xây dựng: Theo bản vẽ "Quy hoạch tổng mặt bằng" trong bộ hồ sơ "Bản vẽ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng" được Sở Xây dựng Hải Dương đóng dấu "Hồ sơ đã cấp phép".

+ Diện tích xây dựng: 1.728,0m².

+ Tổng diện tích sàn: 28.102,0m² (bao gồm cả diện tích tầng hầm).

+ Chiều cao công trình: 63,2m.

+ Chiều sâu tầng hầm (tính từ cốt mặt sân): 3,9m.

+ Số tầng: 15 tầng + 01 tầng kỹ thuật mái + 01 tầng hầm.

+ Cốt nền tầng 01: +0,9m so với cốt mặt sân.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số **CP 030673** được UBND tỉnh Hải Dương chứng nhận ngày 23/11/2018.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công, chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Phòng QLXD; *th*
- Thanh tra xây dựng;
- Lưu VP.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Nam Hưng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kết.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:.....
.....
.....
.....
.....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....
.....
.....
.....

Hải Dương, ngày tháng năm.....

Số:/TD-PCCC&CNCH

Hải Dương, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Hòa Xá

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Công văn số 1091/C07-P3, P4, P7 ngày 11/4/2023 của C07 Bộ Công an về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy; Công văn số 2075/C07-P4 ngày 09/8/2022 của C07 Bộ Công an về hướng dẫn công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 33/TD-PCCC ngày 07/01/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hải Dương.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy số 48/HX-QLDA ngày 04/4/2025 của Công ty Cổ phần Hòa Xá.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hải Dương đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ/CẢI TẠO, THAY ĐỔI TÍNH CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH/HOÁN CẢI PHƯƠNG TIỆN

1. Công trình: Điều chỉnh thiết kế PCCC Nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ thương mại thuộc Công ty Cổ phần Hòa Xá.

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hòa Xá.

3. Địa điểm xây dựng: Đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, tỉnh Hải Dương.

4. Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật điện Đại Dương; Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Minh

5. Nội dung điều chỉnh/cải tạo:

- Tầng hầm: Diện tích 4.000 m², bố trí làm gara để xe, phòng kỹ thuật phụ trợ, phòng bơm, bể nước ngầm, phòng đặt quạt thông gió hút khói hầm,...; điều chỉnh xây dựng bổ sung Phòng xử lý nước (31m² – trục 11/H3 và E/C); gia cố chèn bịt (đổ) bê tông cốt thép phần đế thang cuốn nhô xuống dưới tầng hầm, đảm bảo toàn bộ tầng hầm được ngăn cháy hoàn toàn với tầng 1 (theo bản vẽ KT-01-ĐC); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh.

- Tầng 1: Diện tích 1.723m², bố trí làm khu vực lễ tân, khu vực kinh doanh thương mại (gian phòng và khu vực cho thuê kinh doanh thương mại); bố trí lại kiến trúc gian thương mại cho thuê và kết nối liên động các cửa trượt mở tự động với hệ thống báo cháy tự động (*theo bản vẽ KT-02-ĐC*); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh.

- Tầng 2: Diện tích 1.613m², bố trí khu vực văn phòng cho thuê và mặt bằng cho thuê kinh doanh; điều chỉnh kiến trúc các gian phòng và thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút (*theo bản vẽ KT-03-ĐC*); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh.

- Tầng 3: Diện tích 1.710m², hiện để trống và dự kiến làm khu vực văn phòng và mặt bằng kinh doanh; điều chỉnh ngăn chia phòng văn cho thuê và thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút, các vách kính và vách thạch cao liền kề hành lang là vách ngăn cháy cao đến trần EI 60 phút; (*theo bản vẽ KT-04-ĐC*); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh.

- Tầng 4: Diện tích 1.613m², bố trí khu vực bể bơi, phòng tập Gym, phòng tập yoga; điều chỉnh kiến trúc gian phòng và thay đổi toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút (*theo bản vẽ KT-05-ĐC*); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh.

- Tầng 5: Diện tích 1.603m²/tầng, bố trí làm khu vực văn phòng cho thuê; điều chỉnh bố trí ngăn chia các gian phòng, thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy cao EI 60 phút; (*theo bản vẽ KT-06-ĐC*); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh.

- Tầng 6: Diện tích 1.588m²/tầng, bố trí làm khu vực văn phòng cho thuê; điều chỉnh 01 gian văn phòng thành 02 gian văn phòng (trục 7/9-Q/M); thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy cao EI 60 phút (*theo bản vẽ KT-07-ĐC*).

- Tầng 7-15: Diện tích 1.588m²/tầng, bố trí làm khách sạn và căn hộ dịch vụ lưu trú; thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút (*theo bản vẽ KT-08-ĐC*).

- Tầng 16: Điều chỉnh mở rộng tầng tum thành tầng 16, diện tích 1.600m² bao gồm: khu vực nhà ăn, khu vực café, giải khát.

- Xây dựng bổ sung 01 cầu thang bộ loại 3 dẫn từ tầng 1 lên tầng 16 của công trình, các cửa mở ra cầu thang bộ loại 3 là cửa ngăn cháy EI 60 phút (*trục 9/10-Q*). Bố trí các dây hạ chậm tại hành lang các tầng.

- Thiết kế bổ sung giải pháp PCCC cho phòng kỹ thuật điện và kỹ thuật nước tại các tầng, cụ thể: Phòng kỹ thuật điện bổ sung gồm hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động bằng khí FM200 (đầu lối liên động hệ thống báo cháy tự động); Phòng kỹ thuật nước bổ sung hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler.

- Thay thế công suất quạt hút khói tại Từ tầng 1 đến tầng 4 của công trình, điều chỉnh các đường ống gió hút khói thường thành các đường ống gió có giới hạn chịu lửa từ EI 30 – 60 phút, bổ sung hệ thống hút khói tại tầng 16; bổ sung giải pháp PCCC tại Phòng kỹ thuật điện và kỹ thuật nước từ tầng hầm đến tầng 16; bổ sung đèn chỉ dẫn thoát nạn tầm thấp từ tầng 1 đến tầng 16 (*theo bản vẽ BC-01 đến HK-11*).

- Giữ nguyên định vị xây dựng công trình, kết cấu xây dựng (kết cấu xây dựng khung bê tông cốt thép), đường giao thông, hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động, giải pháp thoát nạn, cầu thang bộ chống nhiễm khói loại N1, N3, thang máy chữa cháy, màn nước ngăn cháy Drencher... tại các khu vực không điều chỉnh kiến trúc theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 33/TD-PCCC ngày 07/01/2019.

II. NỘI DUNG THẨM DUYỆT

- Điều chỉnh thiết kế kiến trúc; công năng các gian phòng;
- Bổ sung cầu thang bộ loại 3 (trục 9/10-Q);
- Bổ sung giải pháp PCCC cho các gian phòng (phòng kỹ thuật điện gồm: báo cháy tự động, chữa cháy tự động bằng khí FM200; phòng kỹ thuật nước gồm: báo cháy tự động, chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler);
- Điều chỉnh tăng công suất quạt hút khói và bổ sung cửa cấp bù khí tự nhiên;
- Điều chỉnh thay thế cửa các gian phòng thành các cửa ngăn cháy có chức năng tự động đóng, giới hạn chịu lửa EI 60 phút;
- Điều chỉnh bổ sung giải pháp PCCC cho các gian phòng điều chỉnh thiết kế kiến trúc;
- Điều chỉnh bổ sung hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn tầm thấp;
- Các hệ thống, giải pháp PCCC khác không thay đổi theo hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC số 33/TD-PCCC ngày 07/01/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hải Dương.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về điều chỉnh phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này./.

Nơi nhận:

- Cục C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CA tỉnh (PV01);
- Đ/c Phạm Chí Hiếu – PGĐ CAT;
- Sở xây dựng;
- UBND tp Hải Dương;
- Chủ đầu tư;
- Lưu PCCC và CNCH.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Thượng tá Đào Văn Thắng

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số/TD-PCCC&CNCH ngày/4/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH	
1.	Nội dung điều chỉnh gồm: - Tầng hầm: Diện tích 4.000 m², bố trí làm gara để xe, phòng kỹ thuật phụ trợ, phòng bơm, bể nước ngầm, phòng đặt quạt thông gió hút khói hầm,...; điều chỉnh xây dựng bổ sung Phòng xử lý nước (31m² – trục 11/H3 và E/C); gia cố đổ bít bê tông cốt thép phần đế thang cuốn nhô xuống tầng hầm, đảm bảo toàn bộ tầng hầm được ngăn cháy hoàn toàn với tầng 1 (theo bản vẽ KT-01-ĐC); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh. - Tầng 1: Diện tích 1.723m², bố trí làm khu vực lễ tân, khu vực kinh doanh thương mại (gian phòng và khu vực cho thuê kinh doanh thương mại); bố trí lại kiến trúc gian thương mại cho thuê và kết nối liên động các cửa trượt mở tự động với hệ thống báo cháy tự động (theo bản vẽ KT-02-ĐC); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh. - Tầng 2: Diện tích 1.613m², bố trí khu vực văn phòng cho thuê và mặt bằng cho thuê kinh doanh; điều chỉnh kiến trúc các gian phòng và thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút (theo bản vẽ KT-03-ĐC); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh. - Tầng 3: Diện tích 1.710m², hiện để trống và dự kiến làm khu vực văn phòng và mặt bằng kinh doanh; điều chỉnh ngăn chia phòng văn cho thuê và thay thế toàn bộ cửa các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút, các vách kính và vách thạch cao liền kề hành lang là vách ngăn cháy cao đến trần EI 60 phút; (theo bản vẽ KT-04-ĐC); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh. - Tầng 4: Diện tích 1.613m², bố trí khu vực bể bơi, phòng tập Gym, phòng tập yoga; điều chỉnh kiến trúc gian phòng và thay đổi	

	toàn bộ cửa các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút (<i>theo bản vẽ KT-05-ĐC</i>); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh. - Tầng 5: Diện tích 1.603m²/tầng, bố trí làm khu vực văn phòng cho thuê; điều chỉnh bố trí ngăn chia các gian phòng, thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy cao EI 60 phút; (<i>theo bản vẽ KT-06-ĐC</i>); bổ sung giải pháp PCCC theo kiến trúc điều chỉnh. - Tầng 6: Diện tích 1.588m²/tầng, bố trí làm khu vực văn phòng cho thuê; điều chỉnh 01 gian văn phòng thành 02 gian văn phòng (trục 7/9-Q/M); thay thế toàn bộ cửa của các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy cao EI 60 phút (<i>theo bản vẽ KT-07-ĐC</i>). - Tầng 7-15: Diện tích 1.588m²/tầng, bố trí làm khách sạn và căn hộ cho thuê; thay thế toàn bộ cửa các gian phòng mở ra hành lang từ cửa thường thành cửa ngăn cháy EI 60 phút (<i>theo bản vẽ KT-08-ĐC</i>). - Tầng 16: Điều chỉnh mở rộng tầng tum thành khu vực nhà ăn, khu vực café, giải khát diện tích 1.600m². - Ngoài ra, chủ đầu tư thiết kế xây dựng bổ sung 01 cầu thang bộ loại 3 dẫn từ tầng 1 lên tầng 16 của công trình, các cửa mở ra cầu thang bộ loại 3 là cửa ngăn cháy EI 60 phút. Thay thế công suất quạt hút khói tại Từ tầng 1 đến tầng 4 của công trình, điều chỉnh các đường ống gió hút khói thường thành các đường ống gió có giới hạn chịu lửa từ EI 30 – 60 phút, bổ sung hệ thống hút khói tại tầng 16. Từ tầng 2 đến tầng 16 tại các vị trí cuối hành lang (trục 1-M/0 và trục A-9/10) thiết kế các bộ dây hạ chậm (tải trọng từ 150 – 200 kg, kèm theo cáp và xích treo dây hạ chậm)....	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH	
1.	Giấy chứng nhận đầu tư số 459/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về chấp thuận điều chỉnh Dự án	
2.	Dự toán tổng mức đầu tư dự án	
3.	Thuyết minh thiết kế PCCC công trình.	

4.	Bản vẽ mặt bằng công trình	TMB-01
5.	Bản vẽ kiến trúc	KT-01-ĐC KT-18-ĐC
6.	Mặt bằng và chi tiết lắp đặt hệ thống báo cháy tự động	BC-01 BC-14
7.	Mặt bằng và chi tiết lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	CC-01 CC-23
8.	Mặt bằng và chi tiết lắp đặt hệ thống hút khói	HK-01 HK-24
9.	Mặt bằng và chi tiết lắp đặt hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn	EX-01 EX-22
10.	Thuyết minh PCCC	01 quyển

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH QUYẾT TOÁN
VÀ BÀN GIAO HẠNG MỤC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Biên bản số: 02/BBNTKL/XLNT/QT

Công trình: Nhà văn phòng cho thuê và Kinh doanh Dịch vụ Thương mại
Hạng mục: Lắp đặt đường ống công nghệ hệ thống xử lý nước thải;
Cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải
Địa điểm XD: Km2+500 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, TP
Hải Dương

I. Đối tượng nghiệm thu

Nghiệm thu khối lượng hoàn thành quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng hạng mục "Lắp đặt đường ống công nghệ hệ thống xử lý nước thải; Cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải" theo Hợp đồng số XD-03/2019/HĐ-XD ký ngày 27/02/2019.

II. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: 07 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Kết thúc: 09 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Địa điểm: Tại công trường - Km2+500 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương

III. Thành phần tham gia nghiệm thu

1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hoà Xá

Bà: Cao Thị Thu	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Bền	Chức vụ: Trưởng ban QLDA
Ông: Trần Đình Thanh	Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Đại diện Tư vấn giám sát: Trung tâm Tư vấn xây dựng - Trường Cao đẳng xây dựng số 1

Ông: Đỗ Hữu Thực	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Phạm Ngọc Thắng	Chức vụ: Trưởng đoàn TVGS
Ông: Đỗ Hoàng Tùng	Chức vụ: Phó đoàn TVGS
Ông: Nguyễn Thái Sơn	Chức vụ: Giám sát viên

3. Đại diện Nhà thầu thi công: Liên danh Nhà thầu Thái Sơn - Hà Thành

3.1 Thành viên thứ nhất: Chi nhánh Tổng Công ty Thái Sơn tại Hà nội

Ông: Phạm Văn Cừ	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Khương	Chức vụ: Chỉ huy trưởng
Ông: Đỗ Đăng Trung	Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật
Ông: Phạm Thành Trung	Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3.2 Thành viên thứ hai: Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP

Ông: Lưu Tiến Thuyên	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Nguyễn Lương Hòa	Chức vụ: Chỉ huy trưởng
Ông: Nguyễn Văn Quang	Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

IV. Nội dung nghiệm thu**1. Các căn cứ nghiệm thu:**

- Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phần Hệ thống Xử lý nước thải được Công ty CP Giải pháp và Công nghệ xây dựng SF lập và đã được phê duyệt;
- Căn cứ các thay đổi, chỉnh sửa bổ sung thiết kế đã được Chủ đầu tư chấp thuận;
- Căn cứ hợp đồng số XD-03/2019/HĐ-XD ký ngày 27/02/2019 giữa Công ty TNHH Hoà Xá (nay là Công ty Cổ phần Hòa Xá) và Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP;
- Căn cứ các phụ lục hợp đồng kèm theo;
- Căn cứ các công việc đã được nghiệm thu tại hiện trường theo giai đoạn thi công.
- Căn cứ các tiêu chuẩn liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

2. Khối lượng công việc xây dựng hoàn thành được nghiệm thu

Các bên thống nhất nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành quyết toán hạng mục "Lắp đặt đường ống công nghệ hệ thống xử lý nước thải; Cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải" tại hiện trường công trình như sau:

BẢNG NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH QUYẾT TOÁN**CÔNG TRÌNH: NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI****HẠNG MỤC: LẮP ĐẶT HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ - CUNG CẤP THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
A	PHẦN CÔNG VIỆC CÓ TÊN TRONG HỢP ĐỒNG					
I	Hạng mục 12: Lắp đặt đường ống công nghệ hệ thống xử lý nước thải					
1	Lắp đặt ống thép không rỉ DN125mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m	0,1000	0,1000	0,1000	
2	Lắp đặt tê thép không rỉ DN125mm (Knc,m=1,5)	cái	4,0000	2,0000	2,0000	
3	Lắp đặt côn thép không rỉ DN125x100mm	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
4	Lắp đặt côn thép không rỉ DN125x60mm	cái	2,0000			
5	Bích đặc thép không rỉ DN125	bích	2,0000	2,0000	2,0000	
6	Lắp đặt ống thép không rỉ SUS304-DN100dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m	0,0780	0,0080	0,0080	
7	Lắp đặt van bướm DN100	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
8	Lắp đặt khớp nối mềm bằng thép không rỉ DN100	cái	2,0000	2,0000	2,0000	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
9	Lắp bích thép không rỉ DN100	bích	4,0000	4,0000	4,0000	
10	Lắp đặt cút thép không rỉ DN100mm	cái	2,0000			
11	Giá đỡ ống+đai cố định ống bằng inox304	cái	9,0000	9,0000	9,0000	
12	Lắp đặt ống thép không rỉ DN60mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m	0,0848	0,0848	0,0848	
13	Lắp đặt cút thép không rỉ DN60mm	cái	3,0000	3,0000	3,0000	
14	Lắp đặt khớp nối nhanh bằng thép không rỉ DN60	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
15	Lắp đặt ống nhựa uPVC- DN65	100m	0,2080	0,2080	0,2080	
16	Lắp đặt tê nhựa nối bằng phương pháp dán keo, DN65mm	cái	23,0000	23,0000	23,0000	
17	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp dán keo, DN65mm	cái	5,0000	5,0000	5,0000	
18	Lắp đặt khâu nối ren ngoài bằng nhựa uPVC DN20mm	cái	19,0000	19,0000	19,0000	
19	Lắp đặt côn nhựa uPVC nối bằng phương pháp dán keo, DN65x20mm	cái	19,0000	19,0000	19,0000	
20	Bu lông M12 + ốc thép không rỉ	cái	24,0000	24,0000	24,0000	
21	Trụ đỡ ống phân phối khí thô D60mm L=100mm inox 304 (Bao gồm cả tắc kê, bulông, đai giữ ống inox304)	bộ	6,0000	6,0000	6,0000	
22	Giá đỡ ống+đai cố định ống bằng inox304	cái	5,0000	5,0000	5,0000	
23	Lắp đặt ống thép không rỉ DN60mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m	0,0586	0,0260	0,0260	
24	Lắp đặt cút thép không rỉ DN60mm	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
25	Lắp đặt khớp nối nhanh bằng thép không rỉ DN60	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
26	Lắp đặt ống nhựa uPVC DN65	100m	0,2956	0,2956	0,2956	
27	Lắp đặt tê nhựa nối bằng phương pháp dán keo, DN65mm	cái	36,0000	36,0000	36,0000	
28	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp dán keo, DN65mm	cái	4,0000	4,0000	4,0000	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
29	Lắp đặt khâu nối ren ngoài bằng nhựa uPVC DN20	cái	30,0000	30,0000	30,0000	
30	Lắp đặt côn nhựa nối bằng phương pháp dán keo, DN65x20mm	cái	30,0000	30,0000	30,0000	
31	Bu lông M12 + ốc thép không rỉ	cái	48,0000	24,0000	24,0000	
32	Trụ đỡ ống phân phối khí mịn D60mm L=100mm inox 304 (Bao gồm tắc kê, bulông, đai giữ ống inox 304)	bộ	12,0000	12,0000	12,0000	
33	Giá đỡ ống+đai cố định ống bằng inox304	cái	3,0000	3,0000	3,0000	
34	Lắp đặt ống thép không rỉ DN60mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m				
35	Lắp đặt van bướm DN50	cái				
36	Lắp đặt van một chiều DN50	cái				
37	Lắp đặt khớp nối mềm bằng thép không rỉ DN50	cái				
38	Lắp đặt bích thép không rỉ DN50	bích				
39	Lắp đặt cắt thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN60mm	cái				
40	Lắp đặt côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN60x50mm	cái				
41	Xích kéo bơm D8 bằng thép không rỉ	m	8,8000	8,8000	8,8000	
42	Lắp đặt ống trượt bơm bằng thép không rỉ DN60	100m	0,0940	0,0940	0,0940	
43	Cung cấp lắp đặt khung đỡ ống trượt thép không rỉ L50x50x5mm	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	
44	Khớp nối bơm chìm tự động	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	
45	Giá đỡ ống+đai cố định ống bằng inox304	cái	6,0000	6,0000	6,0000	
46	Lắp đặt ống thép không rỉ DN60mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m				
47	Lắp đặt van bướm DN50	cái				
48	Lắp đặt van một chiều DN50	cái				
49	Lắp đặt khớp nối mềm bằng thép không rỉ DN50	cái				
50	Lắp đặt bích thép không rỉ DN50	bích				
51	Lắp đặt cắt thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, DN50	cái				

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
52	Lắp đặt côn thép không rỉ nổi bằng phương pháp hàn DN60x50mm	cái				
53	Lắp đặt côn thép không rỉ DN100x60mm	cái				
54	Lắp đặt ống thép không rỉ DN=100mm	100m				
55	Lắp đặt tê thép không rỉ DN100mm (Knc,m=1,5)	cái				
56	Lắp đặt cút thép không rỉ DN100mm	cái				
57	Xích kéo bơm D8 bằng thép không rỉ	m	8,8000	8,8000	8,8000	
58	Lắp đặt ống trượt bơm bằng thép không rỉ DN60	100m	0,0940	0,0940	0,0940	
59	Cung cấp lắp đặt khung đỡ ống trượt thép không rỉ L50x50x5mm	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	
60	Khớp nối bơm chìm tự động	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	
61	Giá đỡ ống+đai cố định ống bằng inox304	cái	12,0000	12,0000	12,0000	
62	Lắp đặt ống thép không rỉ DN60mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m				
63	Lắp đặt van bướm DN50	cái				
64	Lắp đặt van một chiều DN50	cái				
65	Lắp đặt khớp nối mềm bằng thép không rỉ DN50	cái				
66	Lắp đặt bích thép không rỉ DN50	bích				
67	Lắp đặt cút thép không rỉ nổi bằng phương pháp hàn DN50	cái				
68	Lắp đặt côn thép không rỉ nổi bằng phương pháp hàn DN60x50mm	cái				
69	Lắp đặt côn thép không rỉ DN100x60mm	cái				
70	Lắp đặt ống thép không rỉ DN100mm	100m				
71	Lắp đặt tê thép không rỉ DN100mm (Knc,m=1,5)	cái				
72	Lắp đặt cút thép không rỉ DN100mm	cái				
73	Xích kéo bơm D8 bằng thép không rỉ	m	8,8000	8,8000	8,8000	
74	Lắp đặt ống trượt bơm bằng thép không rỉ DN60	100m	0,0940	0,0900	0,0900	
75	Cung cấp lắp đặt khung đỡ ống trượt thép không rỉ L50x50x5mm	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
76	Khớp nối bơm chìm tự động	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	
77	Giá đỡ ống+đai cố định ống bằng inox304	cái	10,0000	10,0000	10,0000	
78	Lắp đặt ống thép không rỉ DN60mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m				
79	Lắp đặt van bướm DN50	cái				
80	Lắp đặt van một chiều DN50	cái				
81	Lắp đặt khớp nối mềm bằng thép không rỉ DN50	cái				
82	Lắp đặt bích thép không rỉ DN50	bích				
83	Lắp đặt cắt thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN60	cái				
84	Lắp đặt côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN60x50mm	cái				
85	Xích kéo bơm D8 bằng thép không rỉ	m	8,8000	8,8000	8,8000	
86	Lắp đặt ống trượt bơm bằng thép không rỉ DN60	100m	0,0940	0,0900	0,0900	
87	Cung cấp lắp đặt khung đỡ ống trượt thép không rỉ L50x50x5mm	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	
88	Khớp nối bơm chìm tự động	bộ	2,0000	2,0000	2,0000	
89	Giá đỡ ống+đai cố định ống bằng inox304	cái	10,0000	10,0000	10,0000	
90	Lắp đặt ống thép không rỉ DN100mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	100m				
91	Lắp đặt tê thép không rỉ DN100(Knc,m=1,5)	cái				
92	Lắp đặt côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN100x60mm	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
93	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo DN150	100m	0,3600	0,2800	0,2800	
94	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo DN200	100m	0,1000	0,0400	0,0400	
95	Lắp đặt cắt nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo DN200mm	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
96	Lắp đặt Tê nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo DN200mm	cái	4,0000	1,0000	1,0000	
97	Lắp đặt tê nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo DN150mm	cái	20,0000	20,0000	20,0000	
98	Lắp đặt ống thép không rỉ DN200mm	100m				
99	Lắp bích thép không rỉ DN200mm	bích				

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
100	Lắp đặt ống nhựa uPVC-DN200mm	100m				
101	Lắp đặt bích uPVC-DN200mm	cái				
102	Lắp đặt cút nhựa uPVC DN200mm	cái				
103	Hố ga 600x600	cái				
104	Bu lông + ốc thép không rỉ	bộ				
105	Lắp đặt ống nhựa uPVC DN25 bơm định lượng	100m	0,0920	0,0900	0,0900	
106	Lắp đặt ống thoát nước rò rỉ và thoát tràn bình hóa chất nhựa uPVC DN50mm ra rãnh thoát nước tầng hầm	100m	0,1800	0,1800	0,1800	
107	Lắp đặt lupe (van rò) uPVC DN25	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
108	Lắp đặt co(cút) nhựa uPVC DN25	cái	5,0000	5,0000	5,0000	
109	Lắp đặt van một chiều uPVC DN25	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
110	Lắp đặt van bi uPVC DN25	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
111	Lắp đặt cổ dê bằng thép không rỉ DN25	cái	4,0000	4,0000	4,0000	
112	Lắp đặt nối ren ngoài bằng thép không rỉ DN25	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
113	Lắp đặt nối ren trong uPVC DN25	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
114	Lắp đặt co(cút) nhựa uPVC DN50	cái	3,0000	3,0000	3,0000	
115	Lắp đặt phễu thu đường kính 50mm	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
116	Chấn rác thoát sàn Inox 15x15mm	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
117	Đai+vít nở neo giữ ống	cái	6,0000	6,0000	6,0000	
118	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, DN25mm	100m	0,1600	0,1600	0,1600	
119	Lắp đặt cút nhựa HDPE, DN25mm	cái	6,0000	6,0000	6,0000	
120	Lắp đặt tê nhựa HDPE, DN25mm (Knc,m=1,5)	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
121	Lắp đặt ren ngoài DN25mm	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
122	Lắp đặt van bi DN25	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
II	Hạng mục 14: Cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải					
1	Hộp lọc rác Inox, lấy rác bằng thủ công	hộp	1,0000	1,0000	1,0000	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
2	Bơm điều hòa (Bơm nước thải từ bể điều hòa sang bể thiếu khí)	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
3	Thiết bị đo mức nước để điều khiển bơm điều hòa(Dạng phao đo)	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
4	Đĩa thổi khí thô	cái	19,0000	19,0000	19,0000	
5	Máy khuấy trộn chìm	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
6	Đĩa thổi khí mịn	cái	30,0000	30,0000	30,0000	
7	Đệm vi sinh bám dính	Đệm	1,0000	1,0000	1,0000	
8	Bơm tuần hoàn (Bơm hồi lưu nước thải từ bể hiếu khí về bể thiếu khí)	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
9	Thiết bị đo mức nước để điều khiển bơm điều hòa(Dạng phao đo)	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
10	Chấn bùn nổi bể lắng(Phụ kiện bao gồm khung định vị, giá treo tấm chấn, bulong+Ecu liên kết neo giữ)	bộ	1,0000	1,0000	1,0000	
11	Máng thu nước sau lọc(Phụ kiện bao gồm khung định vị, giá treo máng thu, bulong+Ecu liên kết neo giữ)	bộ	1,0000	1,0000	1,0000	
12	Ống lắng trung tâm (Phụ kiện bao gồm khung giá định vị, bulong+Ecu liên kết neo giữ)	bộ	1,0000	1,0000	1,0000	
13	Bơm bùn(Bơm hồi lưu bùn từ bể lắng về bể thiếu khí và bể tự hoại)	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
14	Thiết bị đo mức nước để điều khiển bơm điều hòa(Dạng phao đo)	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
15	Giá thể MBBR(Có thể thay bằng sỏi cuội và cát thạch anh)	m3	2,1600	2,1600	2,1600	
16	Khung đỡ và chặn giá thể trong ngăn lọc đệm	m2	6,0000	6,0000	6,0000	
17	Bơm xả thải (Bơm nước sau xử lý ra hệ thống thoát nước khu vực)	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
18	Thiết bị đo mức nước để điều khiển bơm điều hòa(Dạng phao đo)	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
19	Máy thổi khí cấp cho cụm bể điều hòa và bể sinh học (Phụ kiện bao gồm: Đầu thổi khí, ống giảm thanh đầu vào, van 1 chiều, van an toàn, đồng hồ áp lực, cạt, khung đế, Pulley đầu thổi, Pulley đầu motor, dây đai, bulong, motor)	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
20	Bồn chứa và pha hóa chất nhựa 1500 lít	bể	1,0000	1,0000	1,0000	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
21	Bơm định lượng hóa chất khử trùng và điều chỉnh nồng độ pH	cái	2,0000	2,0000	2,0000	
22	Đầu dò mực nước bồn chứa hóa chất	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
23	Động cơ khuấy trộn bồn hóa chất	Cái	1,0000	1,0000	1,0000	
24	Giá đỡ máy khuấy lắp đặt trên bồn chứa hóa chất bằng inox	cái	1,0000	1,0000	1,0000	
25	Tủ điện điều khiển	tủ	1,0000	1,0000	1,0000	
26	Hệ thống điện kỹ thuật kết nối các thiết bị	HT	1,0000	1,0000	1,0000	
27	Chi phí chuyển giao công nghệ và vận hành chạy thử hệ thống	Trọn gói	1,0000		1,0000	
28	Chi phí vận chuyển vật tư, thiết bị đến công trình để gia công lắp đặt	Trọn gói	1,0000		1,0000	
29	Chi phí hóa chất điều chỉnh pH và khử trùng trong thời gian vận hành chạy thử	Trọn gói	1,0000		1,0000	
30	Chi phí phân tích mẫu nước trong thời gian chạy thử	Trọn gói	1,0000		1,0000	
31	Chi phí kiểm định hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng	Trọn gói	1,0000		1,0000	
B	PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG CÓ TÊN TRONG HỢP ĐỒNG					
1	Đường ống bơm nước thải từ bể điều hoà sang bể thiếu khí (Bơm điều hoà)					
	Lắp đặt ống nhựa uPVC D60mm/ Class 3	m	9,2000	9,2000	9,2000	
	Lắp đặt van nhựa D60 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt van đồng một chiều DN50	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt rắc co nhựa D60 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt ren ngoài D60 - PN10	Cái	4,0000	4,0000	4,0000	
	Lắp đặt bích nhựa DN50 - PN10	Bích	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt cút nhựa D60mm - PN10	Cái	4,0000	4,0000	4,0000	
	Lắp đặt côn nhựa D60/50 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
2	Đường ống bơm nước thải từ bể hiếu khí về bể thiếu khí (bơm hồi lưu nước thải)					
	Lắp đặt ống nhựa uPVC D60mm/ Class 3	m	8,0000	8,0000	8,0000	
	Lắp đặt van nhựa D60 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
	Lắp đặt van đồng một chiều DN50	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt rắc co nhựa D60 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt ren ngoài D60 - PN10	Cái	4,0000	4,0000	4,0000	
	Lắp đặt bích nhựa DN50 - PN10	Bích	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt cút nhựa D60mm - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt côn nhựa D60/50 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt côn nhựa D100x60mm - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt ống nhựa D110/ Class 3	m	11,4900	8,0000	8,0000	
	Lắp đặt tê nhựa D110 - PN10	Cái	3,0000	3,0000	3,0000	
	Lắp đặt cút nhựa D110mm - PN10	Cái	3,0000	3,0000	3,0000	
3	Đường ống bơm bùn từ bể lắng đứng trung tâm về bể thiếu khí và bể tự hoại (Bơm hồi lưu bùn)					
	Lắp đặt ống nhựa uPVC D60mm/ Class 3	m	8,0000	8,0000	8,0000	
	Lắp đặt van nhựa D60 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt van đồng một chiều DN50	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt rắc co nhựa D60 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt ren ngoài D60 - PN10	Cái	4,0000	4,0000	4,0000	
	Lắp đặt bích nhựa DN50 - PN10	Bích	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt cút nhựa D60mm - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt côn nhựa D60/50 - PN10	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Lắp đặt côn nhựa D100x60mm - PN10	Cái	3,0000	3,0000	3,0000	
	Lắp đặt ống nhựa D110/ Class 3	m	20,0000	15,0000	15,0000	
	Lắp đặt tê nhựa D110 - PN10	Cái	3,0000	3,0000	3,0000	
	Lắp đặt cút nhựa D110mm - PN10	Cái	4,0000	4,0000	4,0000	
4	Đường ống bơm từ bể khử trùng ra hệ thống thoát nước ngoài nhà (Bơm xả thải)					
	Ống thép không gỉ DN65mm dày 3mm (Ống Inox công nghiệp 304)	m	2,5000	2,5000	2,5000	
	Van bướm DN65	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Van một chiều DN65	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Khớp nối mềm bằng thép không gỉ DN65	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	KHỐI LƯỢNG			
			Theo hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng	Đã nghiệm thu lần 1	Quyết toán	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
	Ren ngoài DN65 bằng thép không rỉ	Cái	2,0000	2,0000	2,0000	
	Bích thép không rỉ DN65	Bích	8,0000	8,0000	8,0000	
	Cút thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN65	Cái	4,0000	4,0000	4,0000	
	Tê thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN65	Cái	1,0000	1,0000	1,0000	
	Cút thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN125	Cái	1,0000	1,0000	1,0000	
	Côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN65x125mm	Cái	1,0000	1,0000	1,0000	
5	Đường ống thoát nước dư đến hố ga					
	Cút thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn DN200	cái	1,0000	1,0000	1,0000	

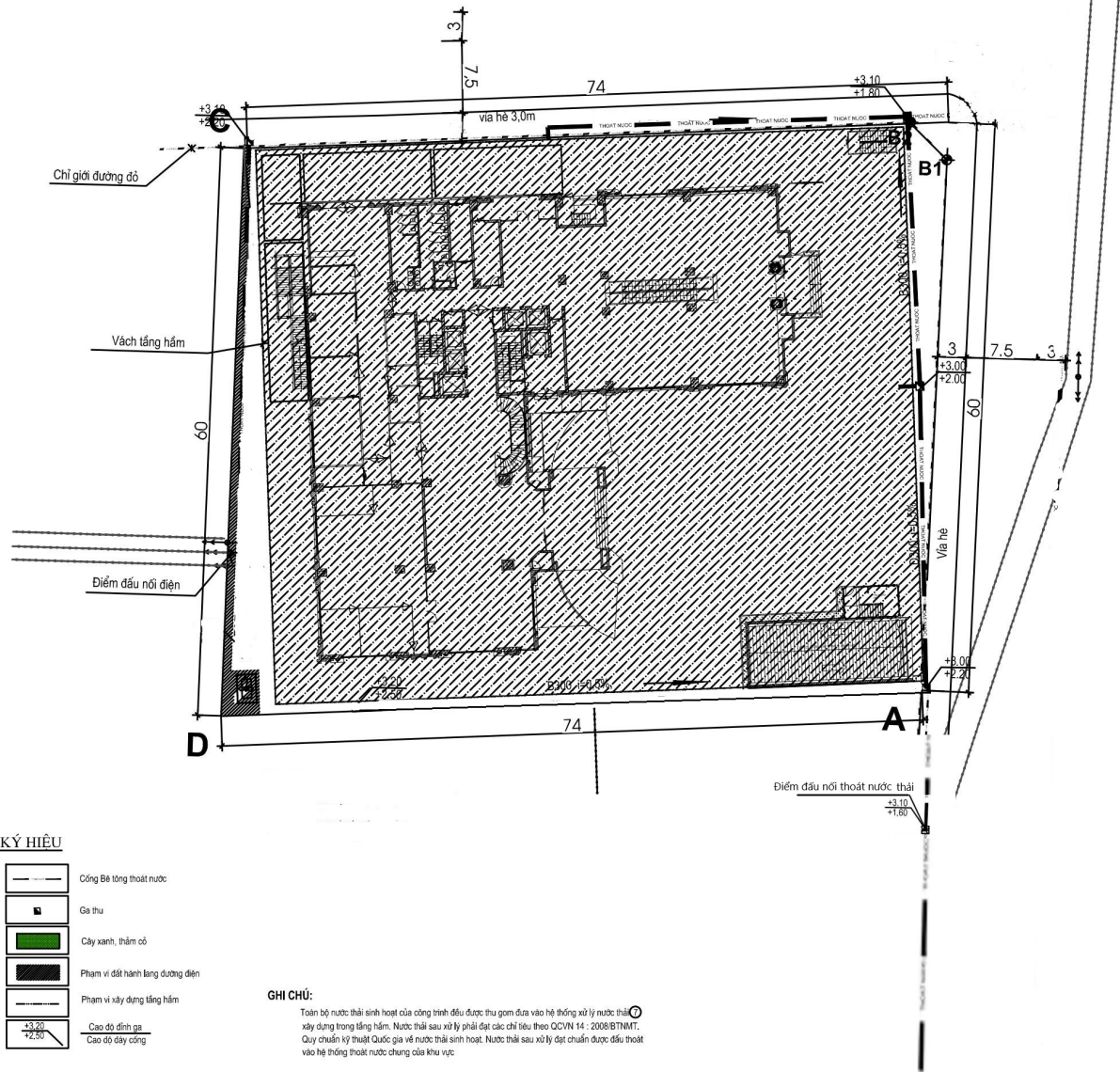
b) Về chất lượng

- Đảm bảo tuân thủ theo Hồ sơ thiết kế và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về xây dựng hiện hành có liên quan ☒
- Không tuân thủ theo Hồ sơ thiết kế và không đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. ☐

V. Kết luận

- Đồng ý nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng hạng mục Lắp đặt đường ống công nghệ hệ thống xử lý nước thải và Cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải ☒
- Không đồng ý nghiệm thu. ☐





KÝ HIỆU

	Cống Bê tông thoát nước
	Gas
	Cây xanh, thảm cỏ
	Phạm vi đất hành lang đường điện
	Phạm vi xây dựng tầng hầm
	Cao độ đỉnh ga Cao độ đáy cống

GHI CHÚ:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của công trình được thu gom đưa vào hệ thống xử lý nước thải xây dựng trong tầng hầm. Nước thải sau xử lý phải đạt các chỉ tiêu theo QCVN 14 : 2008/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý đạt chuẩn được đầu thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

GHI CHÚ / NOTE

LẦN No.	NGÀY/DATE	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH DESCRIPTION

DỰ ÁN ĐẦU TƯ / PROJECT

NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION :

KM2-500, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. LÊ THANH NGHỆ, TP. HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA XÁ

ĐỊA CHỈ ADDRESS

KM2-500, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. LÊ THANH NGHỆ, TP. HẢI PHÒNG

TỰ VẤN THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG SF

TRỤ SỞ: SỐ 108, NGÕ 75, PHỐ CHÁNH HÀ, P. CẦU GIẤY, TP. HÀ NỘI
VĂN PHÒNG: TOA NHÀ V.I.E.T
SỐ 86 HOÀNG QUỐC VIỆT, P. NGHĨA ĐỒ, TP. HÀ NỘI
TEL : (+84) (0) 437951284 - FAX : (+84) (0) 437951284
EMAIL : OFFICE@SF-BTS.VN

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

THS. VÕ XUÂN THƯỢNG

CHỦ TRÌ BỘ MÔN CHIEF / DEP	THS. ĐỖ DUY THẾ	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	KS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	
THỂ HIỆN DRAW BY	KS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. / MANAGER	TS. NGUYỄN HỒNG HÀ	
GIẢI ĐOẠN / STAGE	HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ	

HẠNG MỤC / ITEM		
HẠ TẦNG		
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE		
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI		
TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ DẪN / NO
	.../2025	HTKT-009

HỒ SƠ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN CÔNG TRÌNH	: NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
HẠNG MỤC	: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
ĐỊA ĐIỂM XD	: KM2+500 NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, P.THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG
CHỦ ĐẦU TƯ	: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ XÁ
TƯ VẤN THIẾT KẾ	: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG SF
TƯ VẤN GIÁM SÁT	: TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG - TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1
NHÀ THẦU THI CÔNG	: LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

HỒ SƠ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày:.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Phạm Anh Hùng	Nguyễn Văn Khương	

TÊN CÔNG TRÌNH : NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
ĐỊA ĐIỂM XD : KM2+500 NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, P.THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀ XÁ
TƯ VẤN GIÁM SÁT : TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG - TRƯỜNG CAO ĐẲNG XD SỐ 1
NHÀ THẦU THI CÔNG : LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Cao Thị Thu

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Đỗ Kim Thúc

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
Lưu Tiến Thuận

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát trưởng

Phạm Anh Hùng

Nguyễn Văn Khương

Phạm Ngọc Thắng

DỰ ÁN ĐẦU TƯ / PROJECT:

NHÀ VẮN PHÒNG CHO THUÊ
VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:
KM2+500, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ/ CLIENT:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA XÁ



ĐỊA CHỈ ADDRESS:

SỐ 360, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT/ MONITORING:

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

ĐỊA CHỈ ADDRESS:

ĐƯỜNG TRUNG VÂN, P. TRUNG VÂN, QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG	PHẠM NGỌC THẮNG	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN THÁI SƠN	

NHÀ THẦU THI CÔNG/CONSTRUCT:

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



CHỈ HUY TRƯỞNG	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	Uuuu
KT THI CÔNG	ĐỖ ĐĂNG TRUNG	Tru
NGƯỜI LẬP	PHẠM ANH HÙNG	Asu

GIẢI ĐOẠN / STAGE:

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

HÀNG MỤC / ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ-ĐỊNH VỊ CỬA BỂ

TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ / DRW.NO
1:80		XD.01

GHI CHÚ:

NGH	NHÀ ĐIỀU HÀNH	T04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ
T01	BỂ PHỐT	T05	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ĐIỀU HÒA	T06	NGĂN LỌC
T03	BỂ SINH HỌC THIẾU KHÍ	T07	BỂ KHỬ TRÙNG

10 mm 50 100



- GHI CHÚ:

- | | | | |
|----|--------------|----|-------------------|
| 01 | BỂ TỰ HOẠI | 05 | BỂ LẮNG |
| 02 | BỂ ĐIỀU HÒA | 06 | NGẮN LỘC |
| 03 | BỂ THIẾU KHÍ | 07 | NGẮN KHỬ TRÙNG/NS |
| 04 | BỂ HIẾU KHÍ | | |

LIÊN DANH NHÀ THẦU THẢI SƠN - HÀ THÀNH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: tháng năm 20		
Người lập  Anh Hùng	Chỉ huy trưởng công trình  Nguyễn Văn Khương	Tư vấn giám sát trưởng  Phạm Ngọc Thăng

GHI CHÚ / NOTE:

[illegible]

DỰ ÁN ĐẦU TƯ/ PROJECT

NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ
KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG
MẠI

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

KM2+500, NGUYỄN LƯƠNG BẢNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ/ CLIENT

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÒA XÁ



E/A CH/ ADDRESS

SỐ 360, NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VÀ
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG SF



TRỤ SỞ: SỐ 109, NGÃ 75, PHỐ CHÙA HÀ, P. QUAN HOA, Q. CẦU GIẤY, HN
VĂN PHÒNG: BANGKOK AIRPORT
NGHĨA TÂN, Q. CẦU GIẤY, TP. HÀ NỘI
CÔNG TY

Tel : (+84) (0) 437951264
Fax : (+84) (0) 437951264
Email : office@sf-bts.vn

CHỦ TỊCH BỘ MÔN CHEF, DEP	KS. NGUYỄN CHÍ CHÍNH		K
THIỆT KẾ DESIGNED BY	KS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN		
THẺ HIỆN DRAW BY	KS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH., MANAGER	TS. NGUYỄN HỒNG HÀ		

GIAI ĐOẠN / STAGE

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

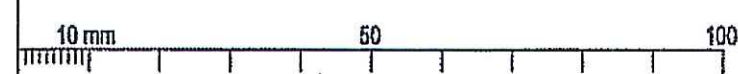
HẠNG MỤC / ITEM	ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG / UNIT	ĐƠN GIÁ / UNIT PRICE	THÀNH PHẦN / COMPOSITION
1. Nhân công	ngày công	12.000	
2. Vật liệu	m³	1.500.000	
3. Thiết bị	giờ	500.000	
4. Chi phí quản lý	%	5%	
5. Lợi nhuận	%	10%	
Tổng cộng		2.512.000	

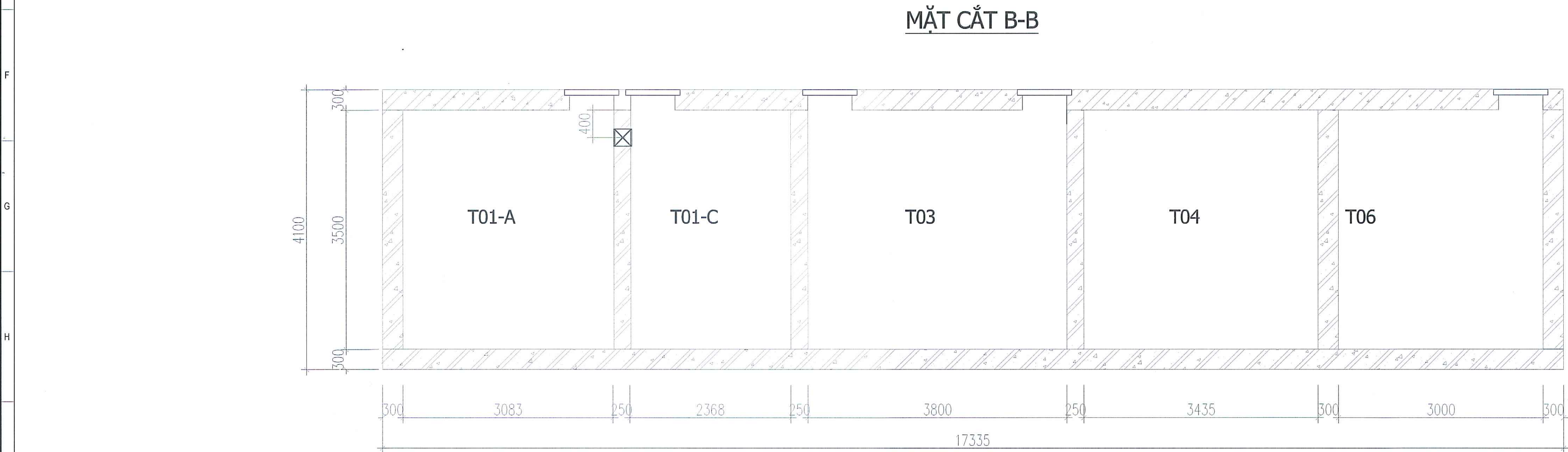
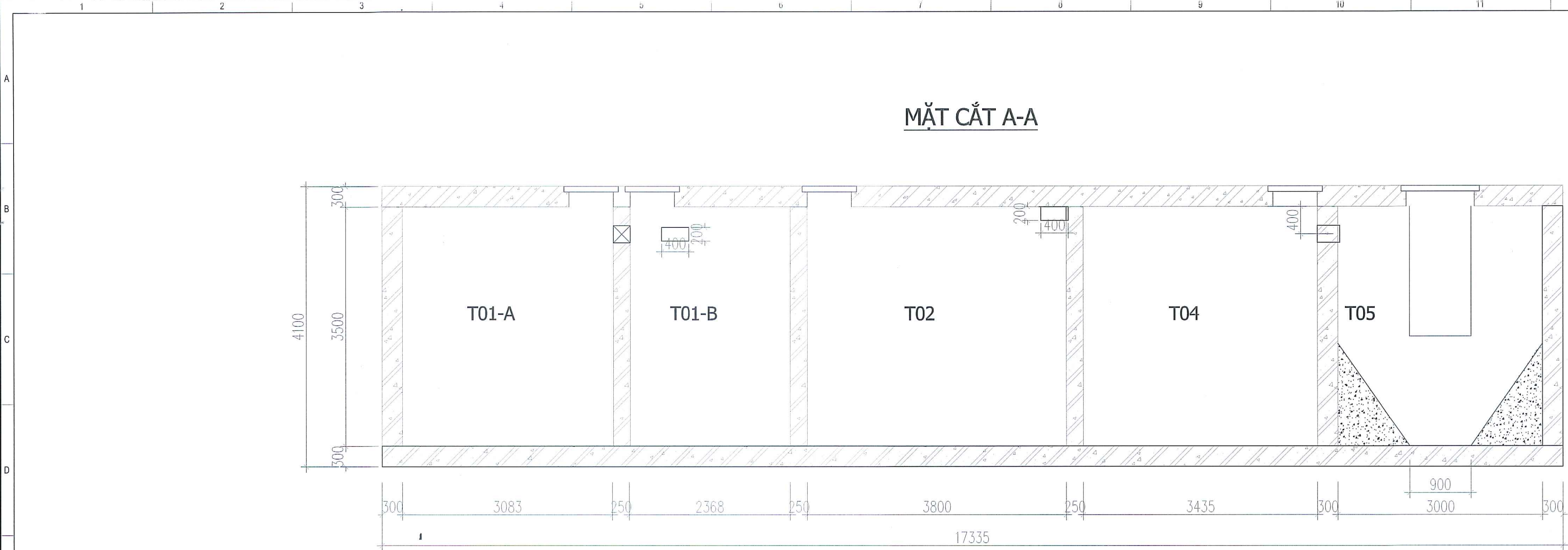
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

MẶT CẮT A-A, B-B

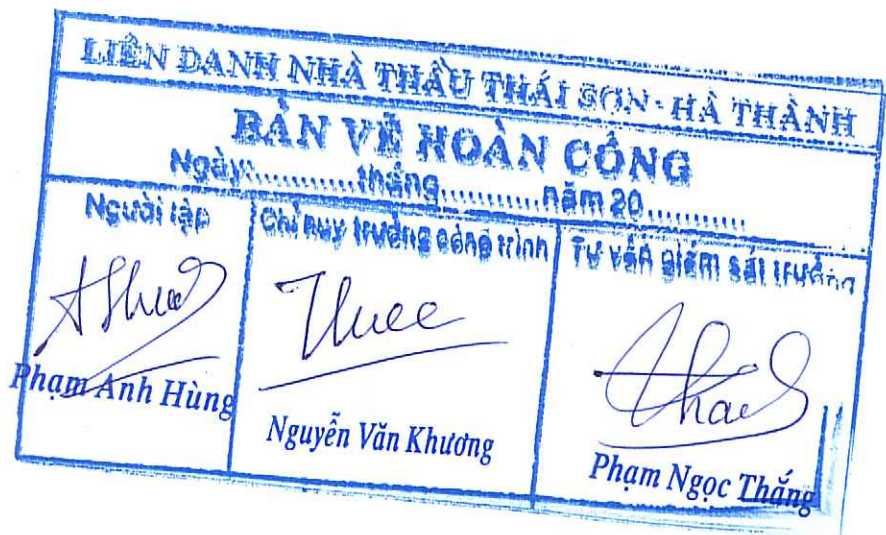
TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ / DRW. NO
NTS	12/2019	XD-02





GHI CHÚ:

NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH	T04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ
T01	BỂ PHỐT	T05	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ĐIỀU HÒA	T06	NGĂN LỌC
T03	BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ	T07	BỂ KHỬ TRÙNG



DỰ ÁN ĐẦU TƯ / PROJECT:

NHÀ VÁN PHÒNG CHO THUÊ
VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:
KM2+500, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA XÁ

GIÁM ĐỐC
Cao Thị Thu

ĐỊA CHỈ / ADDRESS:
SỐ 360, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT / MONITORING:

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

ĐỊA CHỈ / ADDRESS:
ĐƯỜNG TRUNG VĂN, P. TRUNG VĂN, QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG	PHẠM NGỌC THẮNG	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN THÁI SƠN	

NHÀ THẦU THI CÔNG/CONSTRUCT:

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
CÁI THẠCH
HÀ THỊNH
BỘP

GIÁM ĐỐC
Lưu Tiến Thuận

CHỈ HUY TRƯỞNG	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	Thư
KT THI CÔNG	ĐỖ ĐĂNG TRUNG	Trung
NGƯỜI LẬP	PHẠM ANH HÙNG	Anh

GIẢI ĐOẠN / STAGE:

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC / ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT CẮT A-A, B-B

TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ / DRW.NO
1:80		XD.02



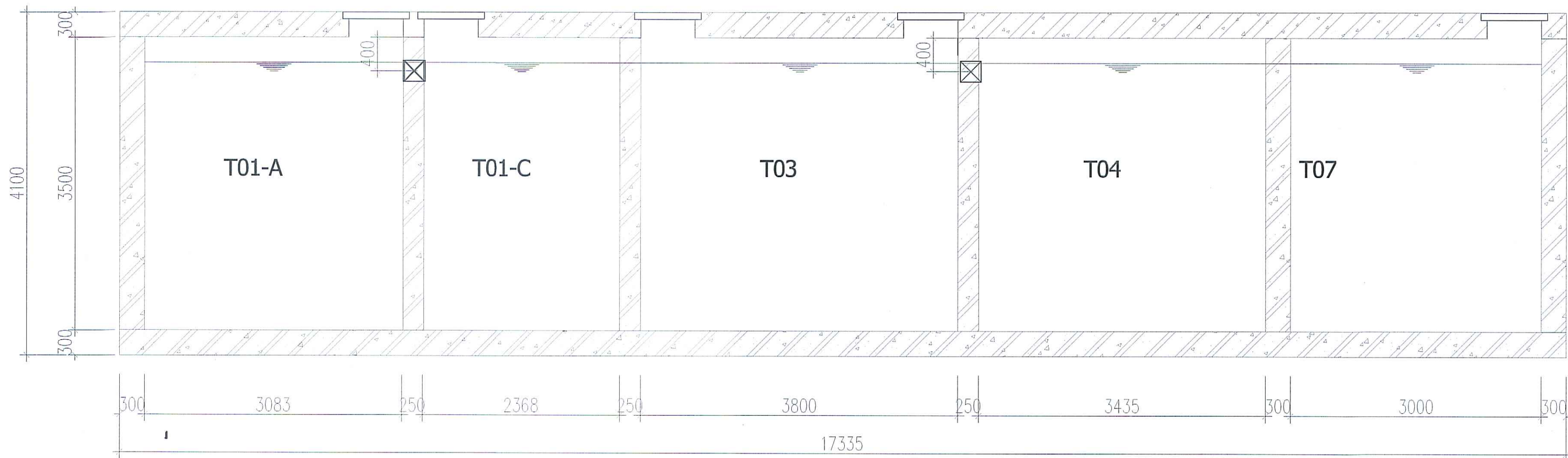
01	BỂ TỰ HOẠI	05	BỂ LẮNG
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	NGĂN LỌC
03	BỂ THIẾU KHÍ	07	NGĂN KHỬ TRÙNG/NS
04	BỂ HIẾU KHÍ		

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SON - HÀ THANH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
		
Phạm Anh Hùng	Nguyễn Văn Khương	Phạm Ngọc Thắng

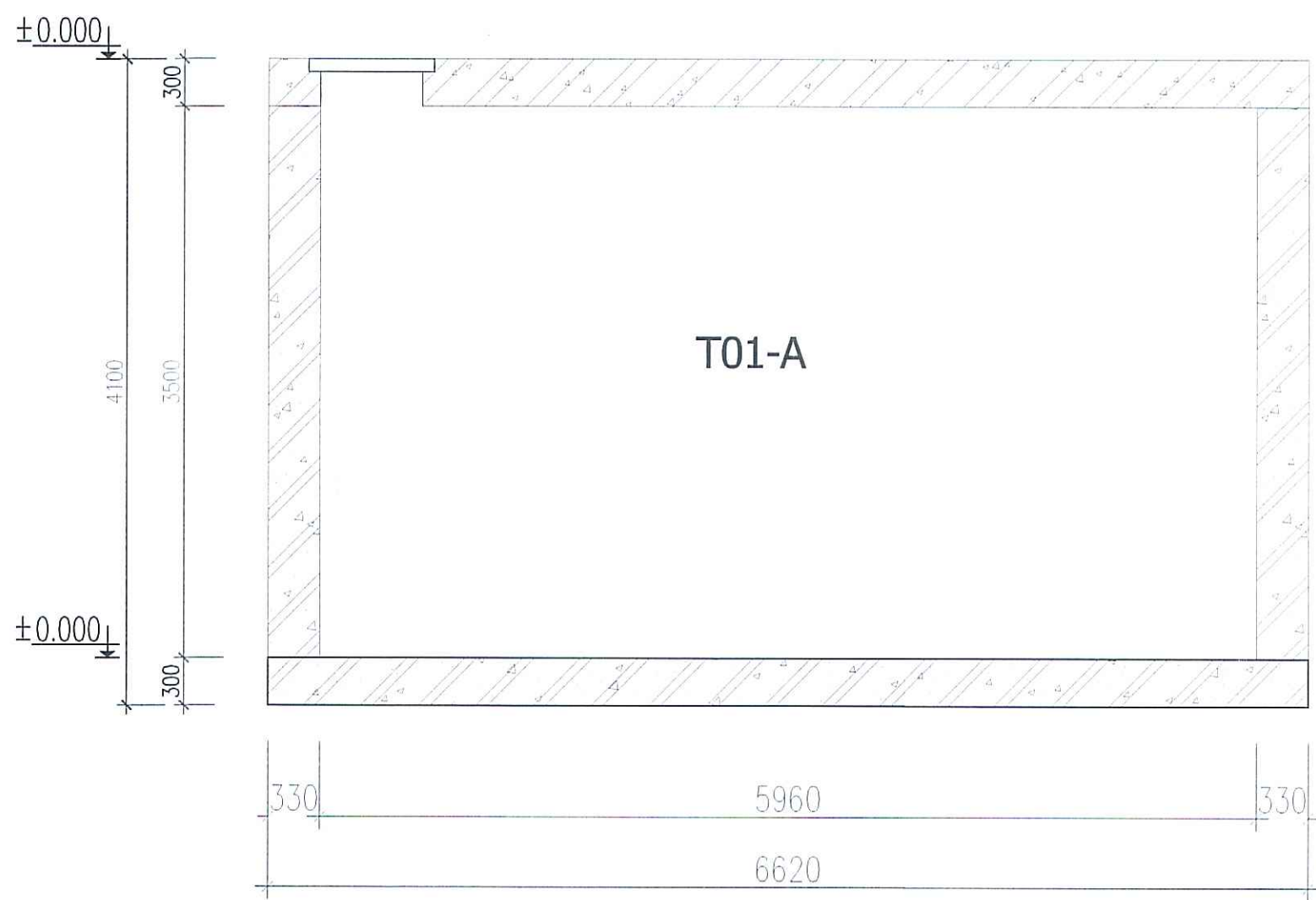
GHI CHÚ / NOTE:		
LẦN No.	NGÀY/ DATE	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH/ DESCRIPTION
DỰ ÁN ĐẦU TƯ/ PROJECT		
NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI		
ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION: KM2+500, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG		
CHỦ ĐẦU TƯ/ CLIENT CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA XÁ GIÁM ĐỐC <i>Bao Thị Thu</i>		
ĐỊA CHỈ/ ADDRESS SỐ 390, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG		
TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGNER CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG SF TRỤ SỞ: SỐ 109, NGÃ 75, PHỐ CHÙA HÀ, P. QUẬN HOÀ, Q. CẦU GIẤY, HN VĂN PHÒNG: NHÀ BÈ, NGÃ 5, ĐƯỜNG 3/2, PHƯỜNG 12, QUẬN TÂN PHÚ, TP HCM NGHĨA TH�C Co., Ltd. (Vietnam) Co., Ltd. Tel.: (+84) (0) 437351284 Fax: (+84) (0) 437351284 Email: office@sf-hn.vn CỔ PHÁN BỘC LOẠI ĐƠN THỰC GIẢI PHÁP VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG SF C. CÁI GIẤY THỨ VI, KH. AN THƯỢNG		
CHỦ TRÌ BỘ MÔN CHEF. DEP.	KS. NGUYỄN CHÍ CHÍNH	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	KS. NGUYỄN THỊ HÀI YẾN	
THẺ HIỆN DRAW BY	KS. NGUYỄN THỊ HÀI YẾN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECHN. MANAGER	TS. NGUYỄN HỒNG HÀ	
GIAI ĐOẠN / STAGE HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		
HẠNG MỤC / ITEM HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT CẮT C-C, 1-1, 2-2		
TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ/ DRW. NO
	12/2019	XD-03

A
B
C
D
E
F
G
H
J
K
L
M

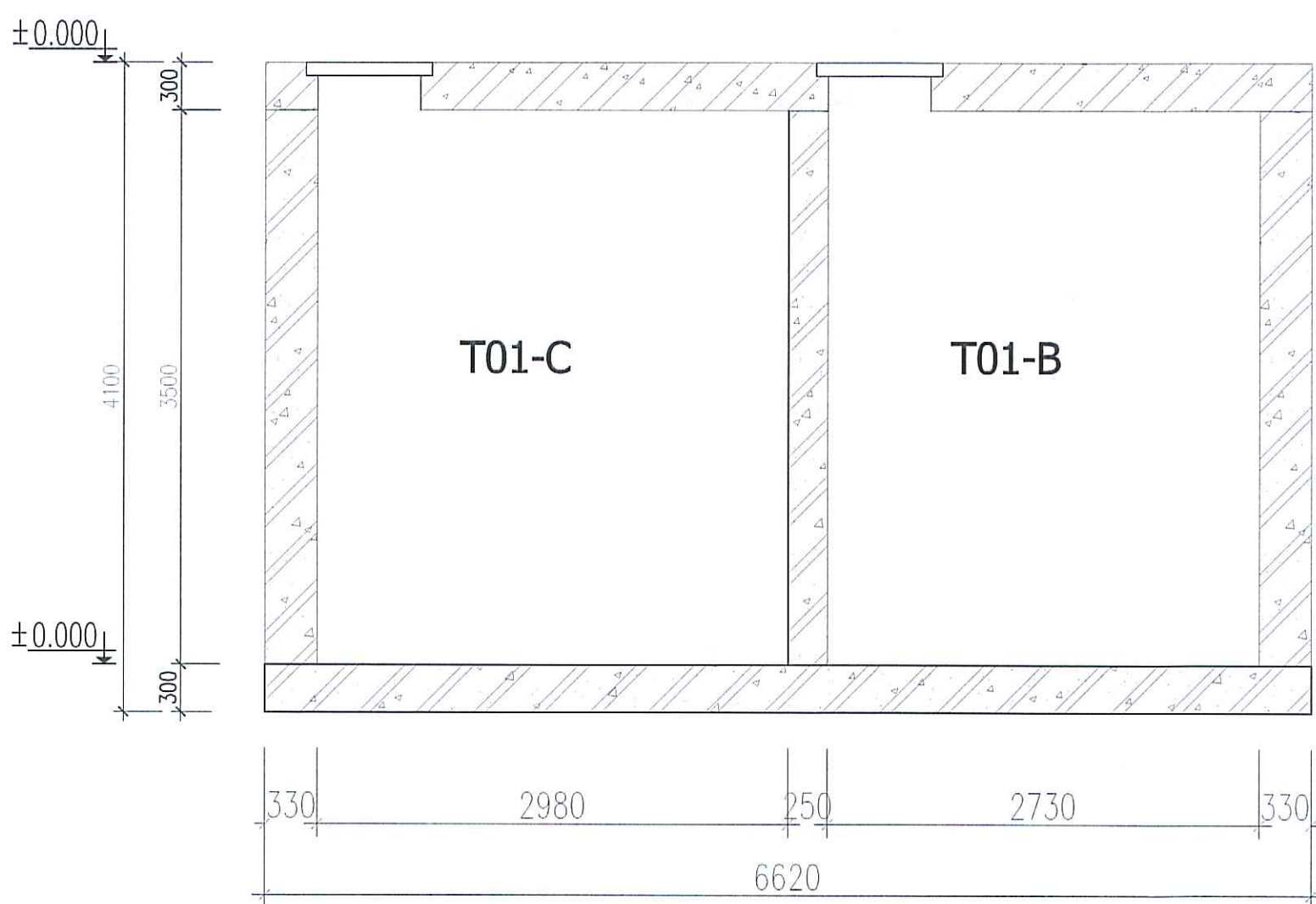
MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 2-2



GHI CHÚ:

NGH	NHÀ ĐIỀU HÀNH	T04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ
T01	BỂ PHỐT	T05	BỂ LẮNG SINH HỌC
T02	BỂ ĐIỀU HÒA	T06	NGĂN LỌC
T03	BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ	T07	BỂ KHỬ TRÙNG

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Người lập: Phạm Anh Hùng

Chỉ huy trưởng công trình: Nguyễn Văn Khương

Tư vấn giám sát trưởng: Phạm Ngọc Thăng

DỰ ÁN ĐẦU TƯ / PROJECT:

NHÀ VÁN PHÒNG CHO THUÊ
VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:
KM2+500, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ/ CLIENT:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA XÁ



ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

SỐ 360, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT/ MONITORING:

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

ĐƯỜNG TRUNG VÂN, P. TRUNG VÂN, QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG	PHẠM NGỌC THĂNG	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN THÁI SƠN	

NHÀ THẦU THI CÔNG/CONSTRUCT:

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



CHỈ HUY TRƯỞNG	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	Nguyễn Văn Khương
KT THI CÔNG	ĐỖ ĐĂNG TRUNG	Đỗ Đăng Trung
NGƯỜI LẬP	PHẠM ANH HÙNG	Phạm Anh Hùng

GIẢI ĐOẠN / STAGE:

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC / ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

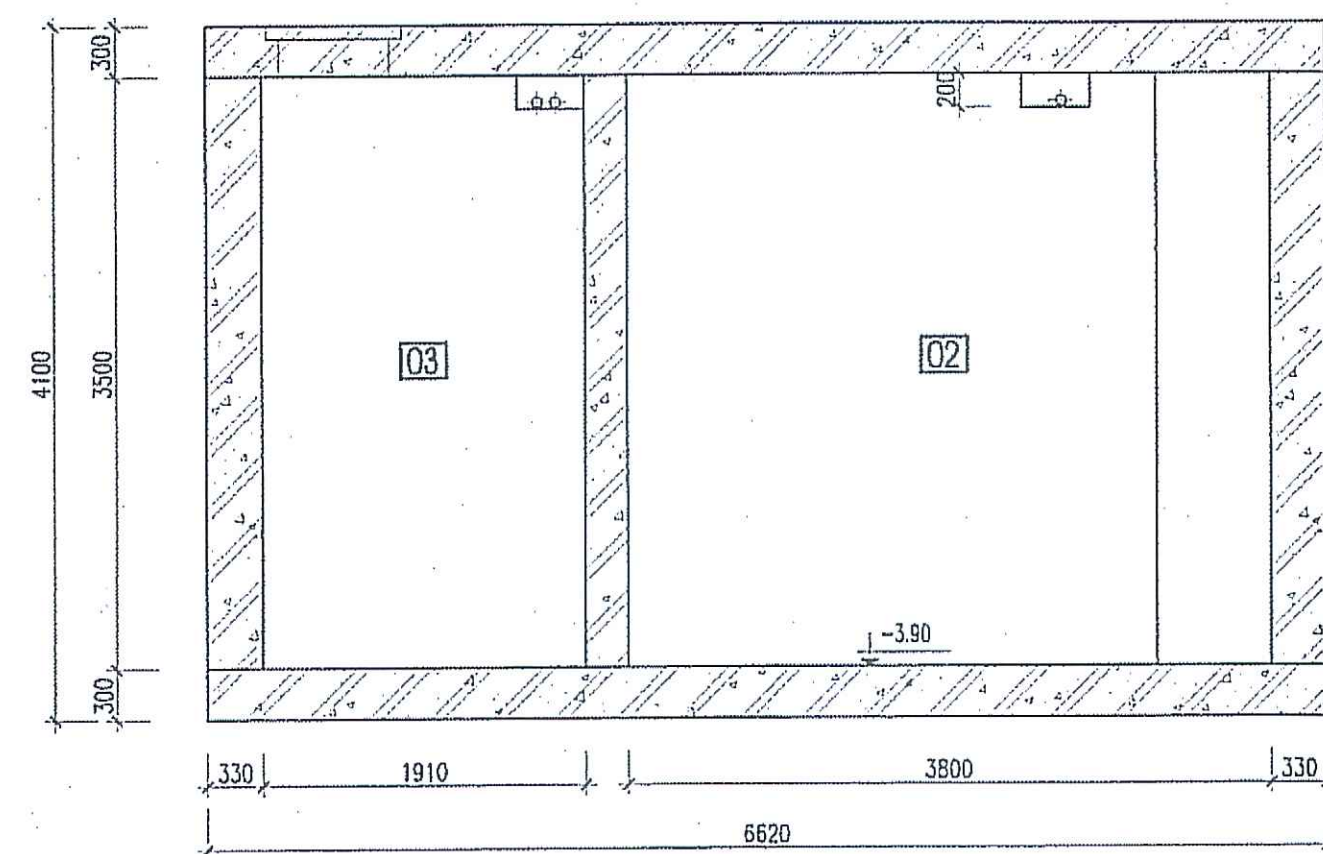
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT CẮT C-C, 1-1, 2-2

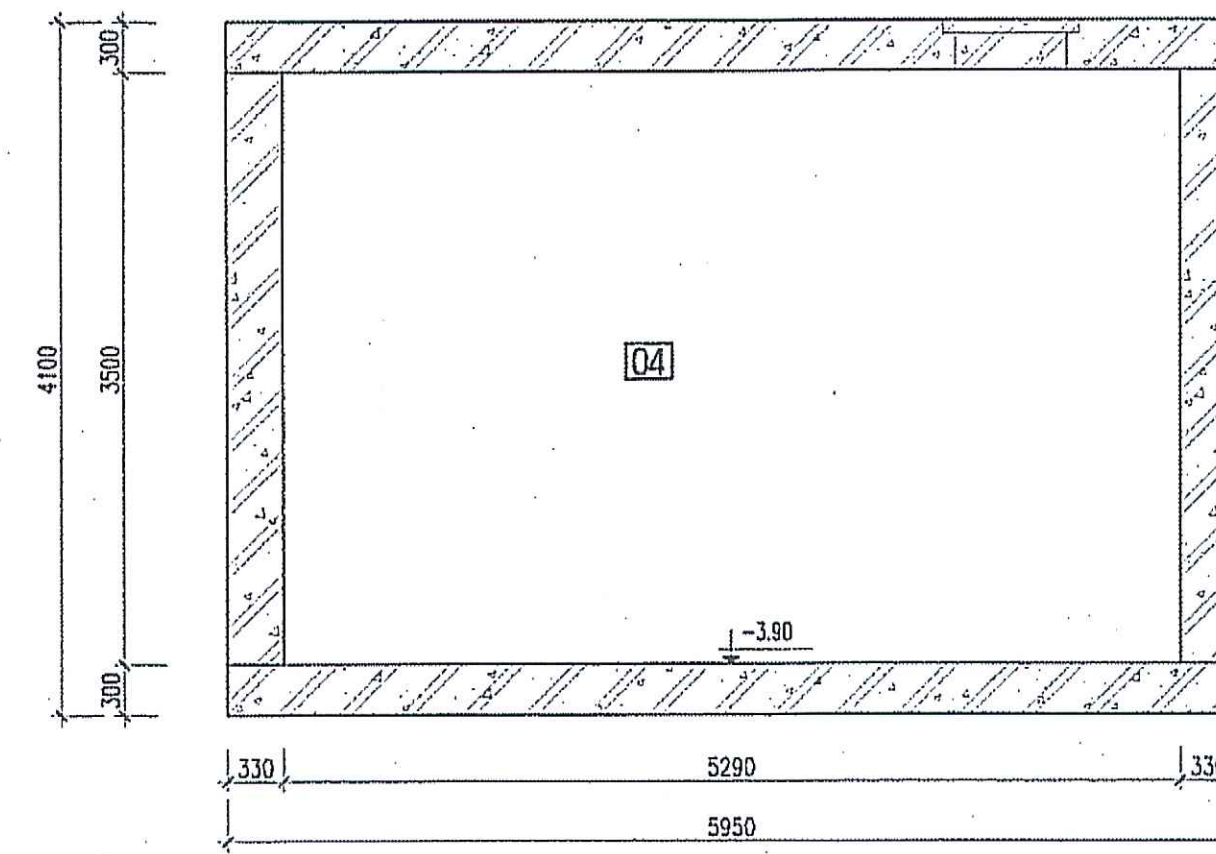
TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ / DRW.NO
1:80		XD.03

10 mm 50 100

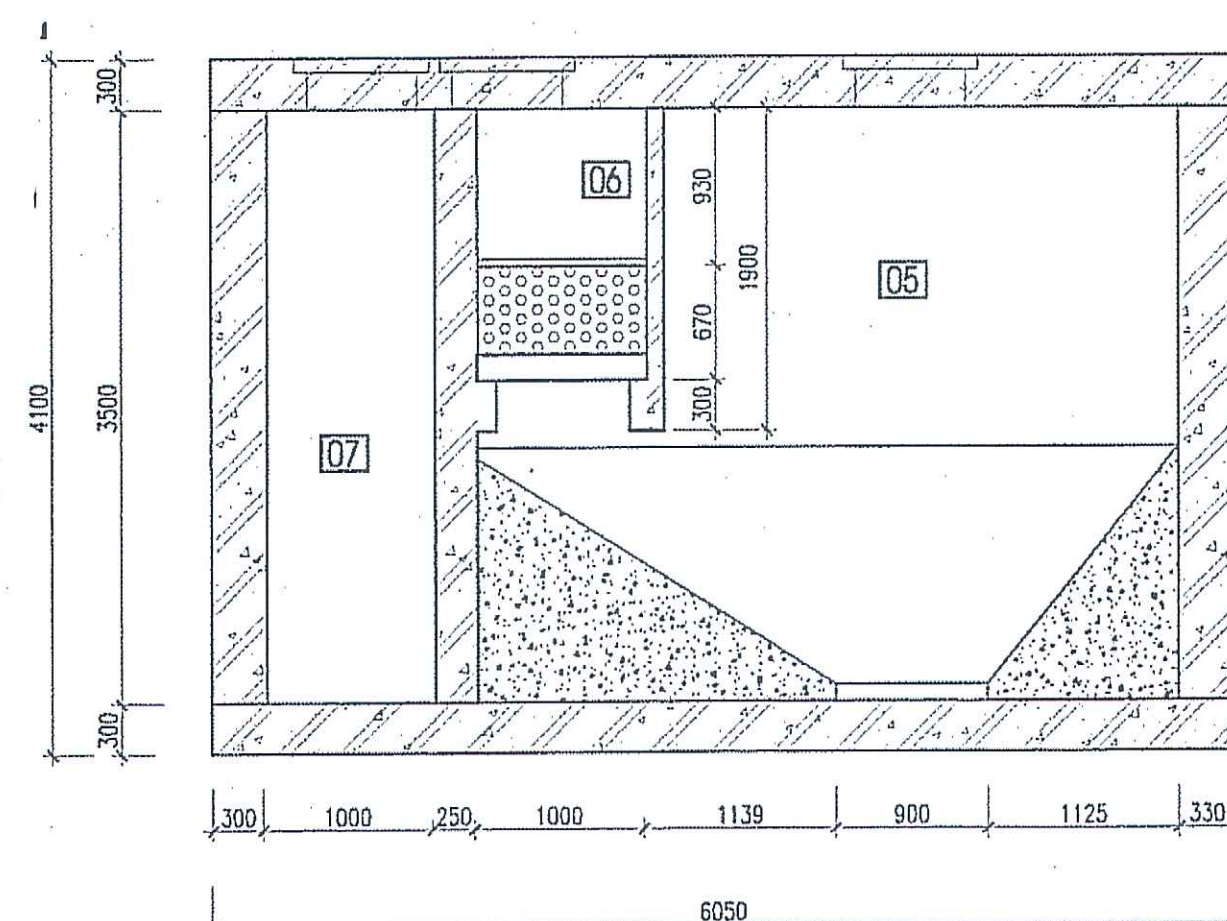
Computer-Generated Drawing



MẶT CẮT 3-3



MẮT CẮT 4-4



MẮT CẮT 5-5

GHI CHÚ:

01 BẾ TỰ HOẠI

02 BỂ ĐIỀU HÒA

03 BỂ THIẾU KHÍ

04 BỂ HIẾU KHÍ

05 BỂ LẮNG

06 NGĂN LỘC

07 NGĂN KHỬ TRÙNG/NS

LIÊN DANH NHÀ THẦU THẢI SƠN - HÀ THÀNH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: tháng năm 20		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
		
Phạm Anh Hùng	Nguyễn Văn Khương	Phạm Ngọc Thắng

GHI CHÚ / NOTE:

[illegible]

DỰ ÁN ĐẦU TƯ/ PROJECT

**NHÀ VĂN PHÒNG CHO THUÊ VÀ
KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG
MAI**

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION :

KM2+500, NGUYỄN LƯƠNG BÀNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ/ CLIENT

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÒA XÁ



GIÁM ĐỐC
Cao Thị Thu

DIA CHU ADDRESS

SỐ 360, NGUYỄN LƯƠNG BẢNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

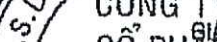
TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VÀ
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG SF



TRỤ SỞ: SỐ 109, NGÕ 76, PHỐ CHÙA HÀ, P. QUAN HOA, Q. CẦU GIẤY, HN
VĂN PHÒNG: 01 HỒNG QUỐC VIỆT
NGHĨA TÂM, Q. CẦU GIẤY, TP. HÀ NỘI

Tel: (+84) (0) 437951264
Fax: (+84) (0) 437951284
Email: info@ofh.vn


 Email : office@sf-bis.vn
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 GIẢI PHÁP VÀ
 CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
 SF
 THÀNH VIÊN THƯỜNG

CHỦ TRÌ BỘ MÔN CHEF, DEP	KS. NGUYỄN CHÍ CHÍNH		K
THIẾT KẾ DESIGNED BY	KS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN		
THẺ HIỆN DRAW BY	KS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH, MANAGER	TS. NGUYỄN HỒNG HÀ		

GIẢI ĐOẠN / STAGE

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

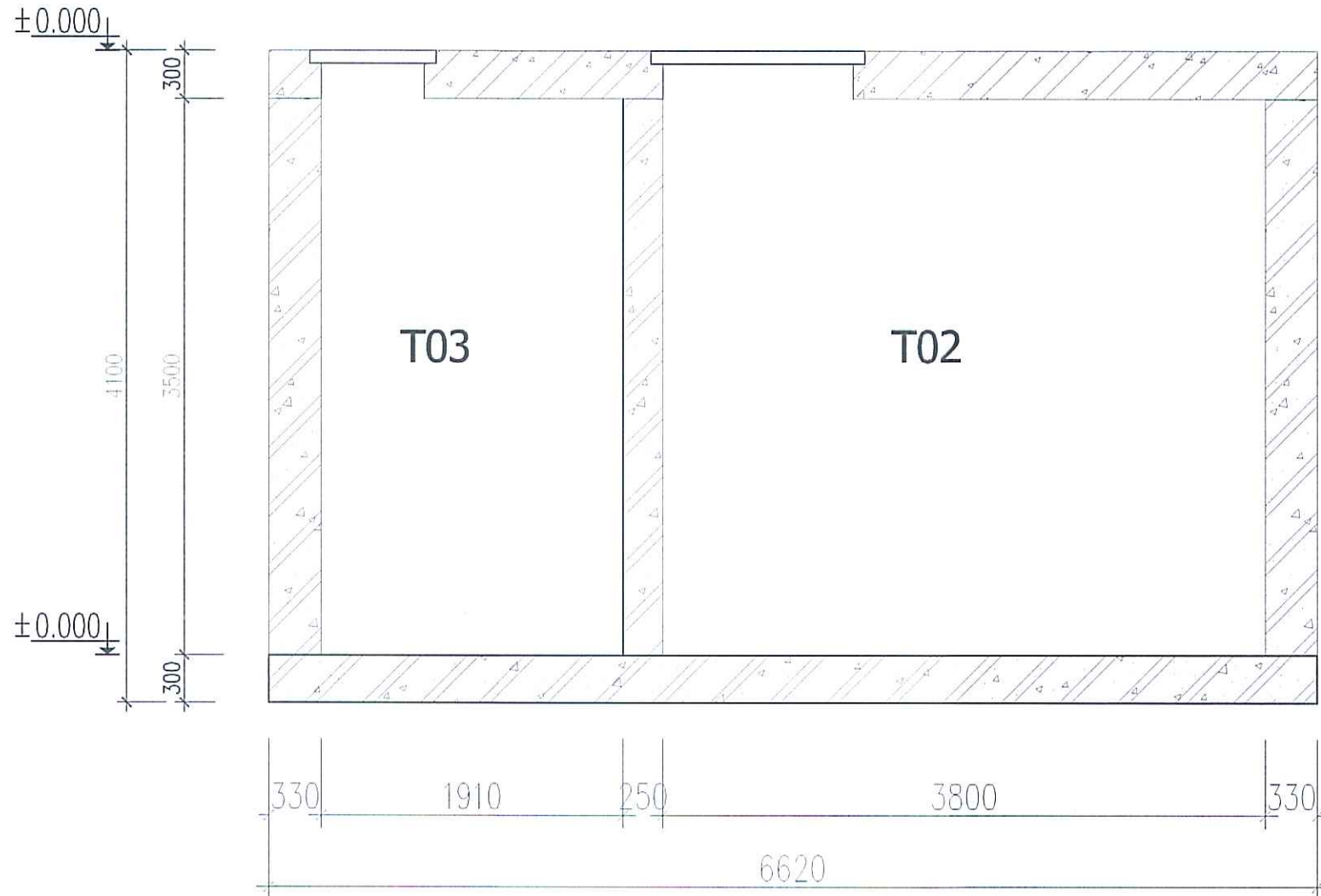
HẠNG MỤC / ITEM
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

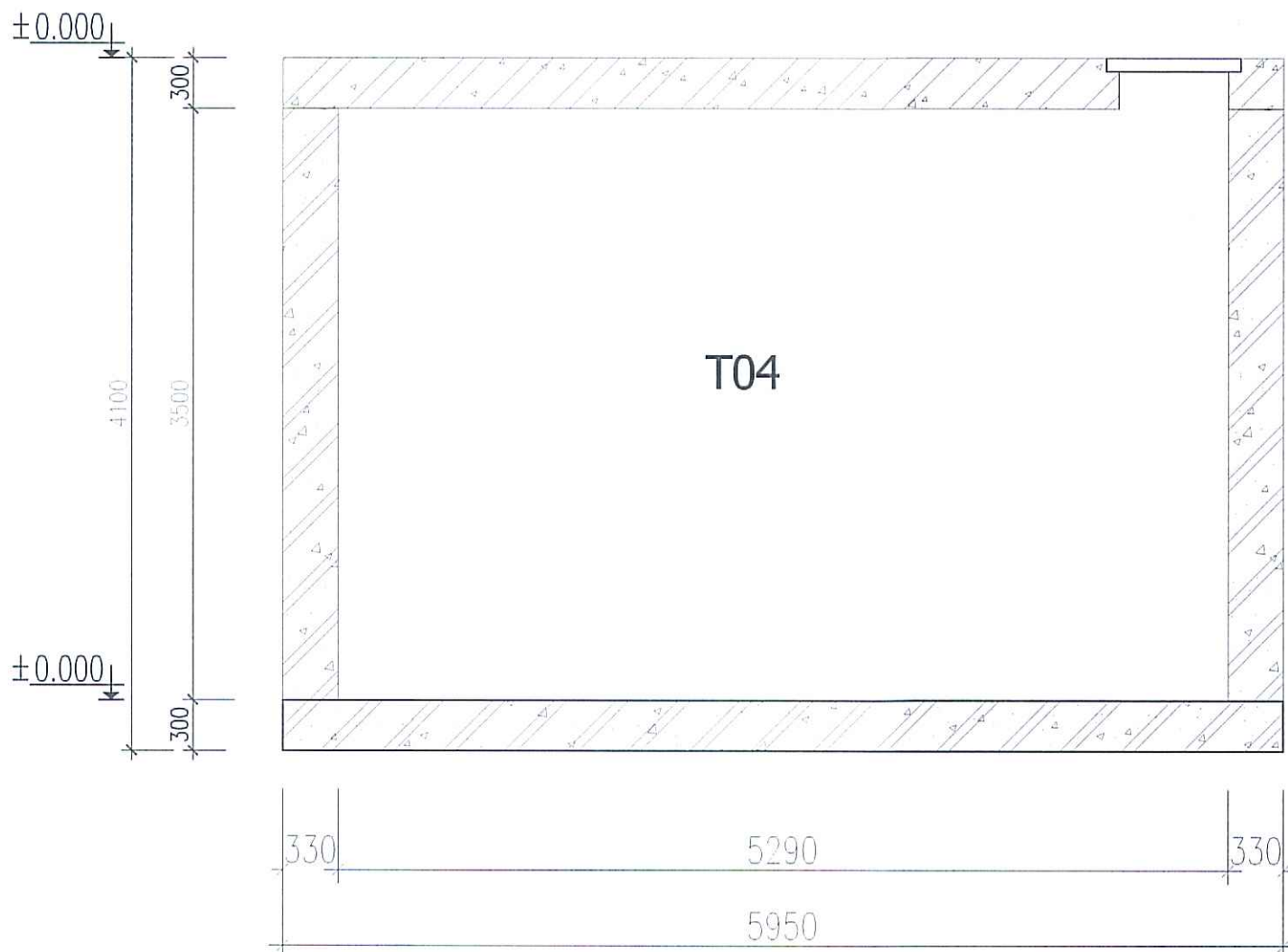
MẶT CẮT 3-3, 4-4, 5-5

TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ / DRW. NO
	12/2019	XD-04

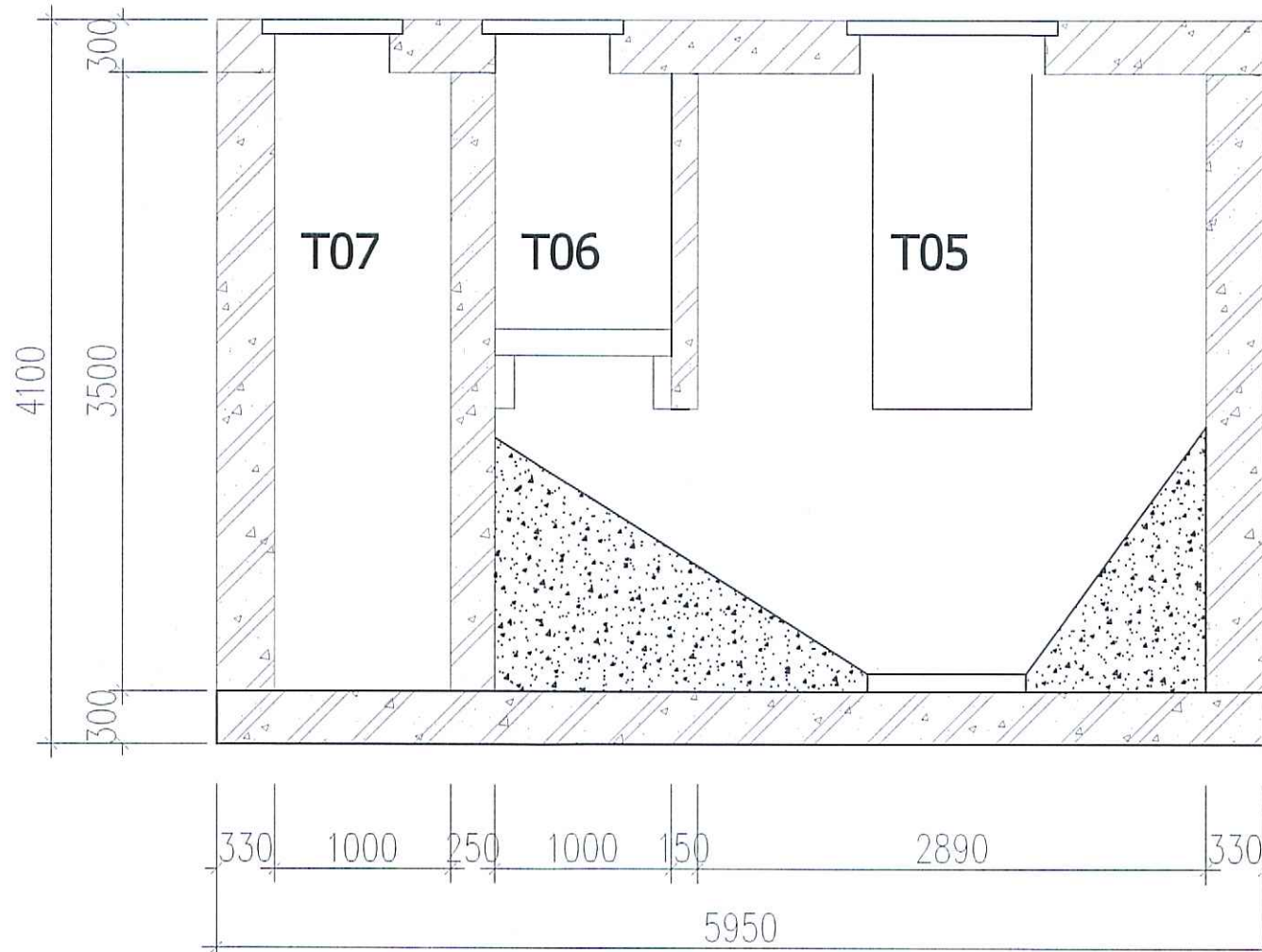
MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5



GHI CHÚ:

NDH ¹	NHÀ ĐIỀU HÀNH	T04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	CAO ĐỘ +0.00 LÀ NẮP BỂ HOÀN THIỆN
T01	BỂ PHỐT	T05	BỂ LẮNG SINH HỌC	TOP CAO ĐỘ ĐỈNH ỐNG
T02	BỂ ĐIỀU HÒA	T06	NGĂN LỘC	COP CAO ĐỘ TÂM ỐNG
T03	BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ	T07	BỂ KHỬ TRÙNG	BOP CAO ĐỘ ĐÁY ỐNG

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập: *Phạm Anh Hùng*

Chỉ huy trưởng công trình: *Nguyễn Văn Khương*

Tư vấn giám sát trưởng: *Phạm Ngọc Thăng*

DỰ ÁN ĐẦU TƯ / PROJECT:

NHÀ VẮN PHÒNG CHO THUÊ
VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:
KM2+500, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ/ CLIENT:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÒA XÁ

GIÁM ĐỐC
Cao Thị Thu

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:
SỐ 360, NGUYỄN LƯƠNG BẮNG, P. THANH BÌNH, TP. HẢI DƯƠNG

TƯ VẤN GIÁM SÁT/ MONITORING:

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:
ĐƯỜNG TRUNG VÂN, P. TRUNG VÂN, QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG	PHẠM NGỌC THẮNG	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	
GIÁM SÁT VIÊN	NGUYỄN THÁI SƠN	

NHÀ THẦU THI CÔNG/CONSTRUCT:

LIÊN DANH NHÀ THẦU THÁI SƠN - HÀ THÀNH

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

GIÁM ĐỐC
Đào Tiến Thuận

CHỈ HUY TRƯỞNG	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	<i>Phạm Ngọc Thăng</i>
KT THI CÔNG	ĐỖ ĐĂNG TRUNG	<i>Phạm Ngọc Thăng</i>
NGƯỜI LẬP	PHẠM ANH HÙNG	<i>Phạm Anh Hùng</i>

GIẢI ĐOẠN / STAGE:

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

HÀNG MỤC / ITEM:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT CẮT 3-3. 4-4, 5-5

TỶ LỆ / SCALE	NGÀY XUẤT BẢN / DATE	BẢN VẼ SỐ / DRW.NO
1:80		XD.04



QUÂN CHŨNG HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 0167.2025/812-KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 426

Khách hàng: Công ty Cổ phần Atest
Đơn vị được quan trắc: Công ty Cổ phần Hòa Xá
Địa điểm quan trắc: Số 360A, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghi, TP. Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 24/11/2025 Ngày phân tích mẫu: 24/11/2025 - 1/12/2025
Vị trí lấy mẫu:
NT1: Nước thải sau xử lý (812.1.1)

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả NT1	QCVN ⁽¹⁾
1	pH	TCVN 6492-2011	-	7,1	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(*)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	10	≤ 40
3	COD ^(*)	SMEWW 5220D:2023	mg/l	11	≤ 100
4	Chất rắn lơ lửng ^(*)	TCVN 6625:2000	mg/l	27	≤ 70
5	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	<1,0	≤ 20
6	Sunfua ^(*)	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2023	mg/l	<0,03	≤ 0,5
7	Amoni ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	3,0	≤ 10
8	Tổng nito ^(*)	TCVN 6638:2000	mg/l	5,8	≤ 40
9	Tổng phot pho ^(*)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,86	≤ 10
10	Chất hoạt động bề mặt anion	SMEWW 5540B&C:2023	mg/l	<0,02	≤ 10
11	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	1.300	≤ 5.000

Ghi chú:

⁽¹⁾QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B - áp dụng cho nước thải sinh hoạt khi thải 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, Bảng 2, cột C.

Hải Phòng, ngày 1 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu



Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu^(*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu^(**) được phân tích bởi nhà thầu phụ